HỎI: Cây phong lan (giống Đăng lan và Cát lan) của gia đình tôi gần đây thường bị một căn bệnh như sau: Trên lá (chủ yếu là ở đầu lá) tự nhiên xuất hiện những chấm nhỏ mầu nâu nhạt hơi vàng, sau đó phát triển rộng ra thành những đốm hình tròn mầu nâu sẫm. Nếu nặng có thể làm cho lá bị khô một phần hoặc cả lá, trên chỗ bị bệnh xuất hiện những vân vòng đồng tâm và những chấm đen. Xin cho biết đó là căn bệnh gì? Cách phòng trị căn bệnh này?

(Nguyễn Văn Sáng, Bến Lức, Long An)

ĐÁP: Qua mô tả của bạn kết hợp với những gì hiểu biết được về sâu bệnh hại trên cây phong lan, chúng tôi đóan rằng cây phong lan của nhà bạn đã bị bệnh Thán thư (có người còn gọi là bệnh đốm than) gây hại. Bệnh này do nấm Colletotrichum sp. gây ra. Ngoài cây phong lan bệnh còn gây hại cho khá nhiều loại cây trồng khác.

Trên lá của cây phong lan, ban đầu vết bệnh chỉ là những chấm nhỏ mầu nâu vàng, sau đó vết bệnh cứ tiếp tục phát triển rộng dần ra thành những đốm tròn có mầu nâu đậm. Bệnh có thể tấn công ở mọi vị trí trên lá của cây. Nếu tấn công ở chóp lá sẽ làm cho lá bị khô từ trên xuống, có khi xuống tới 2/3 chiều dài lá. Nếu bệnh tấn công ở gốc lá vết bệnh sẽ lan dần ra xung quanh, nếu nặng có thể làm cho lá bị rụng. Sau một thời gian ở giữa vết bệnh chuyển dần sang mầu xám và xuất hiện những vân vòng đồng tâm rộng khoảng 1 ly (như bạn đã thấy), sau đó xuất hiện các chấm nổi lên mầu nâu đen, đó là đĩa bào tử. Nếu bị nặng có thể làm cho nhiều lá bị chết, thậm chí chết cả cây.

Nguồn bệnh tồn tại trong tàn dư của cây bị bệnh, trong đất, trong nguyên liệu để trồng phong lan. Bào tử phân sinh lan truyền chủ yếu nhờ nước, nhờ gió, nẩy mầm xâm nhập vào trong lá phong lan qua vết thương cơ giới hoặc trực tiếp qua biểu bì.

Bệnh thường phát sinh và gây hại từ tháng 3 đến tháng 10, nhưng tập trung nhiều nhất là vào khoảng tháng 4 đến tháng 6. Trong điều kiện trời nóng, có mưa nắng thất thường, độ thông thóang của giàn lan kém, tưới nước qúa nhiều tạo cho chậu lan luôn ẩm ướt...thường làm cho bệnh gây hại nhiều hơn.

Để hạn chế tác hại của bệnh bạn có thể tiến hành một số biện pháp sau:

-Kiểm tra chậu lan thường xuyên để phát hiện sớm và có biện pháp phòng trị kịp thời. Nên mạnh dạn cắt bỏ những lá bị bệnh hại nặng đưa ra khỏi vườn tiêu hủy để giảm bớt nguồn bệnh trong khu vực giàn lan, tránh bệnh lây lan sang những chậu lan, cây lan khác.
-Trước khi trồng nếu có điều kiện bạn nên xử lý chậu lan và chất trồng lan (than củi, dớn, vỏ dừa...) bằng dung dịch Formol 40% pha nồng độ 5% phun xịt lên chậu và chất trồng rồi phủ kín bằng bạt nilon khoảng 2-3 ngày, sau đó mở bạt ra khoảng 1-2 ngày sau thì có thể trồng lan vào.
-Không nên tưới nước quá nhiều, nhất là vào buổi chiều tối. Nếu bệnh thường gây hại nặng thì trong mùa mưa nên có mái che bằng nilon trắng vừa hạn chế nước mưa một cách chủ động, mà vẫn đảm bảo có đủ ánh sáng cho cây.

-Không nên che kín bít bùng giàn lan, nên tạo cho giàn lan nhận được đầy đủ ánh nắng mặt trời theo yêu cầu của từng lòai lan, tạo cho giàn lan thông thóang gió.
-Nếu thấy cây lan chớm có bệnh thì hạn chế tưới nước và dùng một trong vài loại thuốc như: Candazole 50WP; Bavistin 50SC; Topsin M 70WP; Vithi-M 70BTN... xịt định kỳ khoảng 7-10 ngày một lần. Về liều lượng và cách sử dụng bạn có thể đọc hướng dẫn có in sẵn trên nhãn thuốc.

HỎI: Biện pháp bảo quản lúa giống?

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

ĐÁP: **Lúa giống thu hoạch vụ HT để qua vụ ĐX sử dụng phải qua thời gian tồn trữ khá dài (3-4 tháng), trong điều kiện mưa lũ, ẩm độ cao dễ mất sức nảy mầm nhất là những hạt giống có kích cỡ lớn. Dưới đây là một số biện pháp có thể giúp bà con nông dân tham khảo.**
1. Thu hoạch:

- **Lúa giống trước khi thu hoạch đã được khử lẫn đạt tiêu chuẩn qui định sau đó tiến hành thu hoạch. Nếu ruộng kế bên khác giống, tốt nhất nên bỏ lại 1-2m ở cạnh bên ruộng khác giống để làm lúa ăn. Vì vụ HT thường mưa và ẩm độ không khí cao, cắt xong nên tổ chức suốt lúa, ra hạt trong ngày. Nếu không suốt được trong ngày, phải bó lúa lại và dựng nơi khô mát, không bị mưa và không nên để quá lâu sẽ làm giảm chất lượng của hạt giống.Trước khi suốt lúa phải vệ sinh thùng suốt thật kỹ, bảo đảm không còn hạt lúa khác giống lẫn trong lúa giống. Tất cả đệm, thúng, bao chứa giống phải làm vệ sinh sạch sẽ. Giặt sạch phơi khô, cần thiết có thể phun các loại thuốc trừ nấm mọt ở vỏ bao.**

- Bao đựng lúa giống phải là bao mới, nếu là bao cũ phải lộn bao ra giũ để không còn hạt lúa nào còn sót lại.
2. Phơi sấy:
- Khi ra hạt xong phải được phơi hoặc sấy ngay trong ngày, thời gian từ khi cắt đến khi đem sấy trong vòng 20 giờ. Nếu thời gian này kéo dài thì dù phơi sấy thật khô nhưng sức sống của hạt sẽ giảm nên khó tồn trữ lâu được.
- Nếu không có điều kiện sấy nên phơi trên sân đất có trải lưới cước phía dưới, vì trên sân gạch hoặc ximăng có khả năng nền nóng quá sẽ làm ảnh hưởng hạt giống. Đổ lúa giống ra lớp mỏng 3-5cm và phải cào trở thường xuyên. Khi ẩm độ lúa đạt 14% (cắn hạt lúa nghe kêu đều) thì có thể ngưng lại, không vô bao liền mà để nguội từ từ ít nhất 6 giờ.
- Nếu có điều kiện thì nên sấy vì sấy đúng kỹ thuật sẽ làm cho hạt lúa giống có sức sống và chất lượng tốt hơn. Khi sấy cần phải bảo đảm:
+ Kiểm tra vệ sinh lò sấy trước khi đổ lúa giống vào sấy.
+ Khi phơi hoặc sấy phải thật khô, đảo thật đều ẩm độ khoảng 12,5%, nhiệt độ khoảng 40 - 420C, không đốt nóng hạt quá mức vì hạt có thể bị chết khi nhiệt độ trên 42 – 450C.
+ Quá trình giảm ẩm khi sấy sẽ làm biến đổi tính chất vật lý, hoá học và cấu trúc hạt. Nếu tốc độ giảm ẩm quá nhanh sẽ làm rạn nứt hạt, giảm chất lượng và ti lệ nảy mầm của hạt giống. Thông thường khi sấy tốc độ giảm ẩm của hạt giống trung bình 1-2% ẩm độ cho một giờ sấy.
+ Khi sấy lúa đạt ẩm độ 14% thì ngưng đốt lửa nhưng vẫn để lò sấy hoạt động (45-60 phút) để cung cấp gió làm hạt lúa giống nguội từ từ chứ không ngưng lò sấy đột ngột.
3. Làm sạch, tồn trữ và sử dụng lúa giống cho vụ sau:
- Lúa giống sau khi làm sạch được đóng trong bao PP (bao da rắn) có tráng lớp PE (lớp nilon) để tránh hồi ẩm. Vì trong quá trình bảo quản sẽ xảy ra cân bằng ẩm giữa ẩm độ không khí và ẩm độ hạt.
- Rê thật sạch để loại những hạt lép, hạt lửng vì những hạt này thường mang mầm bệnh và khi tồn trữ nấm bệnh sẽ phát triển làm cho hạt giảm sức nẩy mầm.
- Lúa giống phải được bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, không bị dột mưa, phải được thường xuyên kiểm tra ẩm độ, sâu mọt, chim chuột....
Nếu đạt được các yêu cầu kỹ thuật phơi sấy và làm sạch như nêu trên thì lúa giống vụ HT có thể bảo quản được từ 3-4 tháng. Trong trường hợp muốn để giống từ 6 tháng đến một năm trở lên thì phải trữ giống trong kho lạnh.

HỎI: Xin cho em biết cách thức tổ chức một mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc theo kiểu mô hình trang trại (quy mô khoảng 30 con) ở một vùng quê chưa có một mô hình kinh tế trang trại nào.(Thiên về cách thức tổ chức quản lý để có hiệu quả kinh tế).(Dương Ngọc Tấn- lớp kinh tế 47A Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội)

ĐÁP: **Bạn Dương Ngọc Tấn thân mến.**

Bạn đang là sinh viên của trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội. Bạn có thể liên hệ ngay trong trường bạn để xem các mô hình chăn nuôi vì trong trường bạn đã có các trung tâm phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm nghiệp. Nếu địa phương bạn cần mô hình này bạn có thể nhờ các giáo sư trong trường. Nếu bạn muốn tìm thêm tài liệu cho bài tiểu luận của mình bạn có

thể đến liên hệ với Trung tâm giống Gia súc, Gia cầm- Viện Chăn nuôi Quốc gia ở Thụy Phương- Từ Liêm- Hà Nội.

HỎI: Xin vui lòng cho biết kỹ thuật nuôi loài bò sát nói chung và trăn nói riêng. Xin cám ơn. (Thanh Tạo- 3522 Tổ 1 khóm 7, KVII, Bình Minh, Vĩnh Long)

ĐÁP: Bò sát là một nhóm rất rộng trong giới động vật. Nhìn chung những loài này phân bố rộng khắp trên thế gới. Ví dụ như loài rắn phân bố khắp các châu lục (trừ Châu Nam Cực) chính vì lẽ đó, đới sống và tập tính của các loài này rất khác nhau. Do đó tôi không thể đưa ra kĩ thuật chung trong nuôi các loài bò sát.

Dưới đây xin giới thiệu với bạn kĩ thuật nuôi trăn.

Chuồng nuôi

Chuồng làm bằng gỗ thanh, nan tre, bương, sắt, lưới mắt cáo... có khe, lỗ rộng từ 1-2,5cm (tuỳ loại trăn nuôi) để tiện vệ sinh và không cho trăn chui ra ngoài.

Kích thước ô chuồng cao 0,6-0,7m, rộng 0,5-0,6m, dài 24m. Với diện tích này có thể nhốt các loại trăn theo số lượng: trăn sơ sinh 0,5kg/con nhốt 8-12 con, từ 0,7-2kg/con nhốt 5-7 con, từ 2,5-5kg/con nhốt 3-4 con, từâ 5kg trở lên nhốt 2-3 con.

Nơi có điều kiện đất rộng nên làm chuồng kết hợp với khu vườn rừng chăn thả, có rào lưới sắt tráng kẽm chắc chắn.

Nuôi dưỡng

Thức ăn cho trăn là gà, vịt, chim cút non, thịt lợn, bò, trâu, dê, thỏ, chuột...

- Nuôi chăn thịt: Trăn con từ 1 tháng tuổi đến 0,5kg, 1 tuần cho ăn 1 lần, hết 0,5kg/tháng. Trăn từ 1-5kg cho ăn 2-3 lần/tháng, mỗi lần từ 1-1,5kg thức ăn. Trăn từ 6-10kg cho ăn 2 lần/tháng, mỗi lần cho ăn từ 1,5-1,7kg thức ăn. Trăn trên 10kg, cứ 8-20 ngày cho ăn 1 lần, mỗi lần từ 3-5kg thức ăn.

Ngoài ra còn cần chú ý bổ sung thêm các loại vitamin B1, B6, B12, C, A, D, E, PP... hoà vào nước cho uống sau mỗi lần trăn ăn hoặc uống trực tiếp.

- Nuôi trăn sinh sản: Mùa phối giống của trăn từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau. Thời gian phối tốt nhất là tháng 11-12. Trước mùa phối giống 1 tháng cho con cái ăn thật no để có đủ dinh dưỡng tích mỡ và tạo trứng.

Tuổi cho trăn phối giống là 28-30 tháng tuổi. Khi trăn cái muốn giao phối thường tiết ra mùi đặc hiệu để dụ con đực. Lúc này thả trăn đực khỏe mạnh có trọng lượng bằng hoặc to hơn vào, chúng xoắn xuýt, giao phối với nhau 1-3 giờ. Nên cho phối kép để đảm bảo trứng thụ thai và có tỉ lệ nở cao.

Trăn cái mang thai từ 120-140 ngày. Trong thời gian trăn cái có chửa không cho ăn hoặc cho ăn mỗi lần rất hạn chế để tránh chèn ép trứng.

Khi chuẩn bị đẻ, con cái bò đi bò lại trong chuồng, đào đất, tìm chỗ trũng, có rơm, cỏ khô để đẻ. Có thể làm ổ đẻ cho trăn bằng bao xác rắn đựng trấu cài chặt vào một góc chuồng, nơi yên tĩnh, tránh gió lùa...

Mỗi lần trăn cái đẻ từ 10-100 quả trứng. Sau khi đẻ hết trứng vào ổ, trăn cái tự cuộn tròn lại trên trứng để ấp. Khi trăn ấp nên kiểm tra vài lần, nếu thấy các quả trứng to đều, trắng, khô ráo, vỏ láng bóng là trứng tốt; những quả quá to hay quá nhỏ, vỏ xỉn vàng... là trứng hỏng phải loại bỏ.

Thời gian ấp trứng 53-55 ngày thì nở. Trăn con tự mổ vỏ trứng chui ra. Sau 1-2 ngày có những con trăn con yếu không tự mổ vỏ chui ra, phải đem thả những quả trứng này vào nước ấm kích thích để trăn con tự mổ vỏ chui ra. Còn quả nào chưa nở, ta hỗ trợ bằng cách xé vỏ dài 1cm, lần tìm đầu trăn con nhẹ nhàng kéo ra.

Trăn con sau khi nở có thể tự sống được 3-5 ngày bằng khối noãn hoàng tích ở trong bụng. Sau thời gian này, bụng trăn con xẹp lại, da nhăn nheo. Lúc này cho trăn con ăn thịt lợn nạc, thịt bò, trâu, dê... tươi ngon thái nhỏ.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Phân biệt trăn đực, trăn cái

- Trăn đực: Thân thon dài, có 2 cựa dài ở hai bên hậu môn lộ ra ngoài, vẩy hậu môn to, chóp vẩy tù. Vẩy quanh hậu môn nhỏ xếp sít nhau, ấn mạnh tay vào hai bên huyệt thấy cơ quan giao cấu lộ ra.

- Trăn cái: Thân to mập, cựa hai bên hậu môn ngắn, nằm ẩn sâu bên trong. Vẩy quanh hậu môn to, xếp không sít nhau, không thấy có cơ quan giao cấu.

Lưu ý

- Trăn nuôi lúc đói, lột xác, đang ấp trứng... thường rất hung dữ, chúng rất nhạy cảm với các loại mùi thuốc lá, hành, tỏi, dầu sả... nên cần tránh những mùi này.

- Trăn nuôi khi ăn no rất hiền, thích vuốt ve, cõng bế, về mùa hè rất thích đầm nước. Vì vậy trong chuồng, khu chăn nuôi ngoài máng, chậu uống, cần có chậu to hoặc xây bể để khi nóng bức trăn bò vào đầm, tắm..

- Trăn lột xác vào mùa hè, trăn non lột xác nhiều hơn trăn già. Lúc sắp lột xác trăn có màu da sẫm hơn, hai mắt trở nên đục mờ, ngừng ăn, tìm chọn nơi có nước, gần nước để nằm. Thời gian lột xác thường kéo dài từ 1-2 tuần.

HỎI: Xin cho biết chất sinh học EM mua ở đâu? Giá cả? Cách này có thể sử dụng trong công nghệ nuôi heo bằng chuồng kho không? Cách xử lý, liều lượng? (Năm Hồng- Bình Long, Bình Phước)

ĐÁP: 1. Chế phẩm EM

EM là chế phẩm sinh học bao gồm 87 chủng vi sinh vật khác nhau, trong đó 5 nhóm vi khuẩn lên men là Lactic, lên men rượu, vi khuẩn quang hợp, xạ khuẩn và n ấm men. Năm nhóm vi khuẩn này tạo ra a xít amin tự do, a xít hữu cơ, vitamin hòa tan trong nước, kháng sinh tự nhiên và tạo ra các hoóc môn tự nhiên. Vì thế khi các vi khuẩn này được sử dụng vào trong tự nhiên sẽ tạo ra mối liên kết nhằm khống chế các vi khuẩn gây hại đối với các loại cây trồng và vật nuôi.

Ở nước ta, người ta đã sử dụng chế phẩm EM trong trồng trọt để cải thiện năng suất và chất lượng cây trồng, đã sử dụng chế phẩm EM để xử lý ô nhiễm môi trường nuôi thủy sản rất hiệu quả, đặc biệt là xử lý mùi hôi, ruồi nhặng và hầm cầu vệ sinh bị nghẹt. Một số nơi đã dùng chế phẩm này để chế biến phân hữu cơ từ rác thải hoặc phân gia súc, gia cầm do tác dụng thúc đẩy phân mau hoai và cung cấp thêm vi sinh vật hữu ích cho cây trồng của EM.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, EM thường được sử dụng để khử mùi hôi chuồng trại, giảm ruồi nhặng, cải thiện sức khỏe và giảm stress cho vật nuôi, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng thịt, sữa, làm gia súc mắn đẻ và tăng chất lượng thực phẩm. Ở ĐBSCL, hiện có nhiều trại chăn nuôi heo, gà, bò, ao nuôi tôm cá đã sử dụng chế phẩm EM vào các mục đích này đều thấy có hiệu quả. Có nhiều cách sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi như: Cho vào thức ăn, nước uống của vật nuôi; phun xịt xung quanh chuồng trại, cho vào bồn chứa phân... Liều dùng khi trộn vào thức ăn gia súc, gia cầm là 3 – 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước uống của gia súc là 1 – 3ml EM/1lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 – 30ml EM hòa vào 8 lít nước sạch phun trực tiếp vào chuồng trại, cách 7 ngày một lần.

2. Địa chỉ liên hệ mua chế phẩm EM

Để mua chế phẩm EM bạn có thể liên hệ tới các địa chỉ sau:
Sở khoa học và công nghệ, sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, công ty môi trường đô thị của tỉnh bạn hoặc có thể lên hệ tới địa chỉ sau:

Trung tâm chuyển giao tiến bộ khoa học kĩ thuật
Viện khoa học kĩ thuật nông nghiệp Miền Nam
Địa chỉ: 12 đường Nguyễn Chí Thanh- Quận 10 – TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 8355147
Fax: 08.8394362
E.mail: catt@hcm.vnn.vn

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

HỎI: Xin vui lòng tư vấn giúp em kỹ thuật nuôi ong lấy mật, giống, phòng trừ bệnh. Nuôi ong lấy mật trong vườn cây căn trái cần lưu ý điều gì. Xin cảm ơn. (Nguyễn Thế Vỹ- TP HCM)

ĐÁP: Việt Nam là nước có truyền thống nuôi và khai thác ong lấy mật từ lâu đời. Nghề nuôi ong đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế nông nghiệp, cung cấp cho con người nhiều sản phẩm có giá trị như: mật ong, phấn hoa, sưa ong chúa, sáp ong. Với tình hình phát triển kinh tế thị trường của nước ta hiện nay, nhu cầu tiêu dùng nội địa và các sản phẩm tự nhiên, trong đó có các sản phẩm ong.Nhu cầu xuất khẩu đang là yếu tố kích thích ngành ong phát triển đặc biệt là sự hình thành các vùng cây công nghiệp và các vùng cây ăn quả, vùng rừng núi và vùng nông lâm nghiệp.

1. Các giống ong mật

Ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung có nhiều loài ong nuôi để khai thác mật. Sau đây là một số loài ong lấy mật chính: Ong ruồi (ong nhỏ xíu) có kích thước nhỏ nhất trong các giống ong lấy mật. Ong khoái (còn gọi ong gác kèo) thích sống và làm tổ trên cây thuộc họ gác kèo. Ong châu Á nội địa đã được nuôi ở Việt Nam và Trung Quốc cách đâu hàng nghìn năm. Ong Châu Âu có 24 phân loài ở Miền Nam Việt Nam chủ yếu nuôi loài ong Ý. Ngoài các giống ong trên còn có ong Phi hóa (còn gọi là ong lai Phi) loài này rất hung dữ đã đốt chết nhiều người và gia súc khi đến gần chúng.

2. Kĩ thuật nuôi ong mật

Muốn nuôi ong có hiệu quả người nuôi ong phải nắm bắt kĩ các đặc điểm sinh vật hoạc của ong, vận dụng những yếu tố kĩ thuật cơ bản để nuôi dưỡng ong và phải có các yếu tố sau: Ong chúa tốt: thể hiện ở ngoại hình to, thon thả, màu sắc đượoc trưng, có sức đẻ trứng cao, vòng trứng rộng, đẻ trứng trên bánh tổ theo hình xoáy trôn ốc từ trong ra ngoài. Ong chúa tốt đẻ khỏe, đẻ liên tục một ngày đêm 600-800 trứng, có khả năng duy trì đàn lớn, thế đàn mạnh liên tục, ít chia đàn tự nhiên, duy trì được sự cân bằng và thống nhất trong cả đàn.

Thức ăn cho ong phải đầy đủ: thức ăn chính của ong mật là hoa và phấn hoa. Do đó phải bố trí đàn ong ở những nơi có nhiều cây nguồn mật, nguồn phấn. Trong trường hợp thiếu mật hoa tự nhiên hoặc cần kích thích đàn ong, người nuôi phải cho ong ăn bổ sung đường, vitamin nhưng phải đảm bảo vệ sinh.

Ong ưa sống sạch sẽ thoáng mát. Do đó người nuôi phải luôn tìm chỗ thích hợp đảm bảo các yêu câu vệ sinh vệ sinh để đặt tổ ong, có biện pháp phòng bệnh thường xuyên cho ong, phát hiện sớm và xử lí kịp thời triệt để những biểu hiện của sâu bệnh ong, các hiện tượng bật thường của đàn ong để tránh hiện tượng ong bốc bay, ong chia đàn tự nhiên, ong cướp mật, ong thợ đẻ trứng... Thường xuyên đảm bảo sự cân đối và ổn định của đàn ong: số lượng ong phải tương đương với số cầu, các lớp ong thợ kế tiếp nhau phải có độ tuổi thích hợp.

Địa điểm nuôi ong phải gần trung tâm nguồn mật, thuận tiện cho giao thông, xa các nhà máy kẹo, nhà máy chế biến hoa quả, cách xa với ao hồ.

Quản lí đàn ong ở các tỉnh phía nam:

Quản lí đàn ong trong vụ dưỡng ong: Điều chỉnh đàn ong cho ong đậu kín cầu, loại bỏ kịp thời các cầu cũ, trát kín các khe hở ngoài thùng ong. Thu hẹp cửa ra vao để phòng sâu bệnh và ong cướp mật.

Quản lí đàn ong trong vụ nhân đàn: Mục tiêu chính của vụ này là nhân đàn ong. Đánh giá chất lượng đàn ong khi kiểm tra để chia đàn, nếu yếu cần nhập đàn sớm rồi chia đàn sau, nếu thiếu ăn thì cho ăn kích thích để ong chúa đẻ tốt.

Quản lí đàn ong trong vụ thu mật: cần chuẩn bị sớm các nguồn hoa thu mật, cần luôn giữ đàn ong đông. Để phòng ong ngộ độc thuốc trừ sâu đặc biệt khi đặt ong ở vùng hoa nhãn. Phải quan hệ chặt chẽ với người làm vườn nắm vững lịch phun thuốc để xử lí đàn ong.

3. Các bệnh của ong và cách phòng trừ

Ong mật thường mắc bệnh và các loài sinh vật gây hại sau: Bệnh thối ấu trùng Châu Mỹ, bệnh thối ấu trùng Châu Âu, bệnh ấu trùng túi, bệnh ấu trùng tuổi lớn, bệnh nhiễm trùng bại huyết, bệnh ỉa chảy, bệnh ngộ độc hóa học, ngộ độc do cây có mật phẩn độc, cá loại kí sinh trùng, côn trùng gây hại...

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Nguyên tắc phòng trị bệnh trên ong mật:

Chọn nơi đặt ong thích hợp, thùng nuôi ong phải đúng qui cách. Thường xuyến tham khảo lịch phun thuốc sâu, tìm hiểu cây nguồn mật có thể gây ngộ độc cho ong để chủ động phòng tránh. Hạn chế người ra vào các điểm đặt ong, không nhập ong, dụng cụ nuôi ong nếu không rõ nguồn gốc. Thực hiện tốt các biện pháp kĩ thuật liên hoàn trong nuôi ong. Khi đàn ong có bệnh cần lấy mẫu gửi cơ quan chuyên môn để chẩn đoán và có phương pháp điều trị kịp thời. Coi trọng công tác chọn giống ong, tạo những đàn ong có khả năng chống bệnh và chống thoái hóa giống.

4. Lưu ý khi nuôi ong lấy mật trong vườn cây ăn trái

Đề phòng ong bị ngộ độc thuốc trừ sâu: Người nuôi ong phải điều tra kĩ tình hình sử dụng thuốc trừ sâu ở địa điểm chuẩn bị chuyển ong đến nuôi. Tốt nhất là tránh những vùng, những cây thường xuyên sử dụng thuốc trừ sâu.

Chủ động gặp gỡ với người trồng trọt bàn biện pháp bảo vệ côn trùng thục phấn khác và ong bằng biện pháp phòng trừ tổng hợp (IPM). Nếu phải sử dụng thuốc hóa học thì phải chọn loại ít độc nhất phun vào thời điểm cây không nở hoa, phun vào lúc chiều tối.

Khi được báo trước ngày phun, thuốc có độc tính cao, tốt nhất là chuyển ong đi khu vực khác các điểm cũ 5 km. Nếu thuốc ít độc hơn, có thể cách li ong tại chỗ 2-3 ngày.

Trường hợp không được thông báo thấy ong chết đột ngột, cần đống cửa chính, mở cửa sổ, nới rộng khoảng cách các cầu bịt các khe hở, dặt ong vào chổ tối thỉnh thoảng dội nước mát.

HỎI: Xin vui lòng tư vấn giúp kỹ thuật nuôi tắc kè? (Nguyễn Thế Vỹ- TP HCM)

ĐÁP: Tắc kè là nguồn dược liệu quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, nhưng hiện nay nguồn tắc kè trong thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nên việc phát triển nuôi tắc kè tại hộ gia đình mang lại nhiều lợi ích và rất cần thiết.

Tắc kè trông giống như con thạch sùng nhưng to và dài hơn. Chúng thường sống trong những gốc cây, hốc đá, kẽ hở tường nhà. Tắc kè đực kêu thành tiếng, còn tắc kè cái không biết kêu.

Tắc kè cái trưởng thành ở 12 tháng tuổi và bắt đầu đẻ trứng. Nếu cho ăn uống đầy đủ, một tắc kè cái có thể đẻ 7-8 lứa/năm, mỗi lứa đẻ hai trứng. Tắc kè không ấp trứng, thời gian trứng nở từ 85-100 ngày, tùy nhiệt độ môi trường. Khi nở tắc kè con chui ra khỏi trứng và hoạt động ngay.

Tắc kè thường kiếm ăn vào buổi tối và trong môi trường yên tĩnh. Mồi của tắc kè là sâu bọ, cào cào, châu chấu, bướm, cánh cam, chuồn chuồn, nhện, dế mèn, mối, gián, ong... Chúng không ăn con mồi chết và ruồi nhặng. Tắc kè có thể nhịn ăn, uống dài ngày, mùa rét có thể nhịn ăn bốn tháng.

Tính ra, nếu một gia đình nuôi bốn thùng tắc kè, mỗi năm có thể thu 150 con. Sau 7-8 tháng nuôi, giá bán khoảng 40.000 đồng/con, trừ chi phí đóng chuồng mua giống còn lãi 4,8 triệu đồng. Nuôi tắc kè không tốn thức ăn mà lại diệt được những loại côn trùng phá hoại mùa màng.

HỎI: Xin cho biết chi tiết kỹ thuật chăn nuôi cừu, cách chọn con giống. (Đào Duy Từ- 313.B6 khu tt 5 tầng Tp Vũng Tàu)

ĐÁP: I. Đặc điểm sinh học của Cừu Phan Rang:

Giống cừu Phan Rang là một giống cừu được hình thành hơn 100 năm nay. Trải qua những điều kiện khí hậu nắng nóng gần như quanh năm, dưới sự tác động của chọn lọc tự nhiên và nhân tạo, giống cừu Phan Rang đã thích nghi cao với điều kiện sinh thái của Ninh Thuận và các tỉnh phía Nam, là giống cừu duy nhất ở Việt Nam hiện nay.

Tuổi trưởng thành bình quân con cái nặng 39kg, con đực 43kg. Khoảng cách lứa đẻ 8 tháng (3 lứa trong 2 năm).

1. Những đặc điểm của cừu cái tốt:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Đầu rộng hơi dài mình nở rộng, ngực sâu và dài, vẻ linh hoạt.

- Lưng thẳng bụng to vừa phải, hong rộng, lông mịn.

- Bộ phận sinh dục nở nang.

- Chân trước và sau cứng cáp thẳng đứng, các khớp gọn thanh.

- Bầu vú phát triển, vú thuộc loại vú da (bóp thấy bên trong mềm nhão nhưng khi căng sữa tiết ra nhiều). Gân sữa (tĩnh mạch) nổi rõ càng nhiều càng tốt.

2. Cừu con:

- Hai tuần tuổi đầu thức ăn chủ yếu là sữa mẹ.

- Từ tuần tuổi thứ 2 cừu con bắt đầu bứt ngọn cỏ để ăn lúc này dạ cỏ mới phát triển và phát triển mạnh từ tuần tuổi thứ 5.

- Sau thời gian này phải có cỏ tươi cho cừu con ăn để kích thích bộ máy tiêu hoá phát triển (đặc biệt là dạ cỏ), cừu con sẽ chuyển nhanh sang giai đoạn tự dưỡng nhờ nguồn thức ăn bên ngoài, đồng thời bù đắp lượng dinh dưỡng thiếu hụt do sữa mẹ cung cấp không đầy đủ.

- Con vật có tốc độ sinh trưởng nhanh, khả năng tích lũy cao đầu tư thức ăn thời kỳ này sẽ mang lại hiệu quả cao.

II. Thức ăn:

- Tổ chức cho ăn và nuôi dưỡng cừu đúng cách là điều kiện quan trọng nhất cải tiến phẩm chất giống và nâng cao năng suất của đàn cừu.

- Cừu có thể ăn được nhiều loại thức ăn như: các loại cỏ tươi và khô, rơm, các loại dưa, bí, cà rốt, củ cải và ngô ủ tươi... mỗi ngày cừu có thể ăn một lượng thức ăn tinh 0,1-0,3kg/ngày.

- Nhu cầu về khoáng và Vitamin:

Trong các loại thức ăn tốt thường có đủ các chất trên. Tuy nhiên vào mùa khô hàng năm thức ăn bị hiếm làm cho cơ thể cừu thiếu đi một số chất nhất là Canxi và một số Vitamin như: A,D,...ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sức sống: đẻ con yếu, sau khi đẻ ít sữa đẻ non, niêm mạc mắt khô, mờ mắt.

Đối với cừu yêu cầu lượng Canxi hàng ngày trung bình 5,5 - 9,0g và 2,9 - 5,0g phốt pho, khoảng 3500-11000 UI Vitamin D... Hiện nay có tảng liếm để bổ sung khoáng có bán trên thị trường.

- Cần phải có đủ nước sạch để cừu uống tại chuồng. Không nên cho cừu uống nước tù đọng để tránh cừu bị nhiễm giun sán.

III. Kỹ thuật chăm sóc và phòng bệnh:

1. Với cừu mẹ:

a.Trước khi đẻ:

- Chu kỳ động dục của cừu cái 16-17 ngày. Sau khi cho phối giống qua thời gian trên mà không có biểu hiện động dục lại là có triệu chứng có chữa.

- Căn cứ vào ngày phối giống để kịp thời đỡ đẻ cho cừu (Cừu mang thai 146-150 ngày), tránh đẻ bất ngờ làm chết cừu sơ sinh.

- Có thể bồi dưỡng thêm thức ăn tinh và rau cỏ non cho cừu chửa nhưng tuyệt đối tránh thức ăn hôi mốc.

- Khi có dấu hiệu sắp đẻ như: bầu vú căng, xuống sữa, sụt mông, âm hộ sưng to, có lớp dịch trên niêm mạc âm hộ, cào bới sàn, nên nhốt ở ô chuồng riêng có ổ rơm hoặc đi chăn gần và tránh đồi dốc cao.

b. Cừu đẻ:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Thông thường cừu mẹ nằm đẻ nhưng cũng có một số trường hợp cừu đứng đẻ, khi đó nên đỡ để cừu con sơ sinh khỏi bị rớt mạnh.

- Sau khi đẻ, cừu mẹ tự liếm cừu con cho khô. Tuy nhiên vẫn lấy khăn sạch lau nước nhầy ở miệng, ở mũi cho cừu con sơ sinh dễ thở. Xong lấy dây sạch buộc cuốn rốn (cách rốn 5-6cm) dùng kéo hoặc dao cắt cách nơi buộc 2-3cm. Bôi cồn Iốt để sát trùng.

- Cần giúp cho cừu con sơ sinh đứng lên bú được sữa đầu (chứa nhiều chất bổ dưỡng giúp cừu sơ sinh chống được bệnh tật).

- Đẻ xong cừu mẹ khát nước nhiều nên cho cừu mẹ uống nước thoải mái (nước có pha đường 1% hoặc muối 0,5%).

2. Nuôi cừu con:

- 10 ngày đầu sau khi đẻ, cừu sinh ra cho bú mẹ tự do.

- Từ 11-21 ngày tuổi, cừu con bú mẹ 3 lần trong ngày (sáng, trưa, chiều), nên tập cho cừu con ăn thêm thức ăn tinh và cỏ non, đến 80-90 ngày tuổi có thể cai sữa cừu con.

- Cừu thịt: gồm các cừu đực đã cai sữa và con giống thải loại, trước khi xuất chuồng 2 tháng cần có ô chuồng nhốt riêng để bổ sung thức ăn (vỗ béo) nhằm tăng được trọng lượng lúc xuất bán. Thức ăn bổ sung có thể là: thức ăn tinh, cỏ xanh, củ, quả, phụ phẩm nông nghiệp...

3. Chuồng trại:

- Cao ráo, thông thoáng, sáng sủa, không có gió lùa, tránh được mưa, nắng hắt trực tiếp vào, mùa hè mát, mùa đông ấm, có sân chơi bằng phẳng và có máng uống.

- Diện tích cần bảo đảm cho mỗi đàn cừu là: đực giống 1,5-2,0m2, cái sinh sản 1,3-1,5m2, cái tơ 0,6m2.

- Nên làm chuồng kiểu sàn, mặt sàn cách mặt đất chừng 0,6-1,0m đủ chiều cao để quét dọn dễ dàng, khe hở mặt sàn 1,5cm. Bố trí máng ăn sát mặt ngoài sàn để cừu thò đầu ra ăn (mặt trước chuồng).

*** Những điều cần nhớ:**

- Hạn chế chăn thả khi thời tiết xấu, mưa dầm, tại chuồng có sẵn thức ăn trong thời gian này.

- Định kỳ tiêm A, D, E và Canxi cho cừu sinh sản trong mùa khô hạn.

- Cừu được nuôi bán thịt phải nhốt riêng tránh quậy phá đàn, hư hỏng chuồng trại.

- Tỷ lệ đực cái: 1 đực/25 cái. Đồng thời thường xuyên (1,5 năm) thì thay đổi đực để tránh đồng huyết.

- Tùy theo điều kiện thể trạng của cừu, giai đoạn nuôi mà có sự bổ sung thức ăn cho hợp lý, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

4.Vệ sinh phòng bệnh:

- Chuồng nuôi bảo đảm vệ sinh, quét dọn phân hàng ngày. Tẩy uế 1 tháng 1 lần bằng vôi hoặc Dipterex.

- Tuyệt đối không sử dụng các loại thức ăn hôi mốc.

- Định kỳ tắm chải cho cừu sạch sẽ (mùa hè 2-3 lần/tháng, mùa đông khi nắng ấm).

- Máng nước uống phải sạch sẽ và đủ nước sạch.

- Định kỳ tẩy giun sán 1 năm 3 lần.

- Thực hiện chế độ tiêm phòng:

+ Lở mồm long móng: 2 lần/năm.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

+ Tụ huyết trùng: 2 lần/năm và một số bệnh khác.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện một số bệnh: loét miệng, ghẻ, đau mắt... để kịp thời điều trị

HỎI: Tôi muốn tổ chức một cơ sở sấy và xay trộn thức ăn cho heo. Xin tư vấn về thiết bị và kinh nghiệm sản xuất? (Nguyễn Đức Lập- Phường Phước Thới, Huyện Ô Môn, TP.Cần Thơ)

ĐÁP: Theo ý mà bạn hỏi, chúng tôi hiểu đây gồm 2 vấn đề lớn: Hệ thống thiết bị sấy và chế biến thức ăn gia súc. trong khuôn khổ bài viết giải đáp chúng tôi chi nêu tổng quát chung về 2 vấn đề lớn trên như sau:

1. Hệ thống thiết bị sấy

Mục đích: Sấy khô nông, thuỷ sản cũng như các phụ phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, nghĩa là làm giảm đến độ ẩm thích hợp để nghiền nhỏ sản phẩm trước khi đưa vào hệ thống trộn thức ăn gia súc.

Thiết bị sấy sử dụng phổ biến hiện nay trong sản xuất nông nghiệp không đòi hỏi chất lượng sản phẩm sấy cao thì có thể dùng loại thiết bị sấy buồng và sấy thùng quay.

Nguyên lý làm việc của thiết bị sấy buồng và hầm: Buồng sấy dạng lăng trụ tiết diện chữ nhật. Vật liệu để trên các khay, các giá, chất trên các xe goòng, trên băng tải hoặc băng xích. Môi chất sấy là không khí hoặc khói chuyển động trong buồng sấy bằng đối lưu tự nhiên hoặc cưỡng bức nhờ quạt gió.

Nguyên lý làm việc của thiết bị sấy thùng quay: Buồng sấy là một thùng hình trụ đặt nằm nghiêng với góc nghiêng nhỏ 1/15 hay 1/50. Thùng quay với tốc độ chậm 0,5 – 8 v/p. Thiết bị làm việc liên tục hay theo chu kỳ từng mẻ một. Khí nóng theo ống dẫn vào giữa thùng và phân phối ra xung quanh qua các lỗ ở xung quanh ống. Khí nóng hoà trộn với vật liệu sấy do thùng quay và sấy khô vật liệu. khí thoát xuyên qua các lỗ ở vỏ thùng và thoát ra ngoài.

2. Hệ thống chế biến thức ăn gia súc (CBTAGS)

Mục đích: Nhằm sản xuất thức ăn tổng hợp phục vụ cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sản phẩm của dây chuyền chế biến thức ăn gia súc gồm dạng bột tổng hợp hay đậm đặc. Về hệ thống thiết bị, hiện nay trên thị trường sử dụng phổ biến 2 loại dây chuyền CBTAGS:

a)Dạng nổi: Bao gồm Máy nghiền - Quạt hút - Thùng chứa - Gầu tải - Siclon - Hệ thống lọc bụi - Vít tải bột - Máy trộn đứng.

b)Dạng chìm: Bao gồm Vít tải nguyên liệu - Thùng chứa - Máy nghiền - Hệ thống lọc bụi - Vít tải bột - Máy trộn đứng.

*** Chức năng của các thiết bị:**

- Vít tải nguyên liệu (hay gầu tải) có nhiệm vụ đưa nguyên liệu từ mặt đất lên thùng chứa nguyên liệu.

- Thùng chứa nguyên liệu có nhiệm vụ đựng nguyên liệu dự trữ để máy nghiền làm việc liên tục.

- Máy nghiền có nhiệm vụ làm nhỏ nguyên liệu theo yêu cầu thành bột.

- Vít tải bột có nhiệm vụ đưa bột từ máy nghiền vào 2 máy trộn.

- Hệ thống lắng bụi có nhiệm giữ bụi lại không cho theo khí ra ngoài. Máy nghiền làm việc với tốc độ cao, khi đi qua lỗ sàng không phải chỉ có bột mà còn có cả khí. Vì vậy nếu không có hệ thống lắng bụi, máy sẽ không làm việc được (vì tiêu hao sản phẩm và không đảm bảo môi trường làm việc).

- Máy trộn có nhiệm vụ trộn bột đã nghiền với các chất vi lượng (tuỳ thuộc vào loại thức ăn cho GS hay GC). Máy trộn làm việc theo nguyên tắc trộn đứng, trộn theo mẻ (mỗi mẻ trộn tuỳ thuộc vào công suất của dây chuyền CBTAGS). Mỗi cụm có 2 máy trộn quay ngược chiều nhau.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Hệ thống điện cho dây chuyền CBTAGS bao gồm các động cơ máy nghiền, vít tải, gầu tải nguyên liệu, quạt hút, vít tải bột, định lượng, 2 máy trộn. Với công suất dây chuyền chế biến 2T/h thì tổng công suất điện năng tiêu thụ khoảng 36 kW.

*** Qui trình sản xuất:**

- Các nguyên liệu cần nghiền cho mỗi mẻ trộn được cân theo tỷ lệ định sẵn và trộn sơ bộ vào nhau, để sẵn trước cửa nạp liệu của vít tải nguyên liệu (gầu tải).

- Đóng điện lần lượt từng máy, khi tất cả các máy chạy ổn định (khoảng 1 phút) đổ mẻ nguyên liệu đã chuẩn bị sẵn vào miệng vít tải nguyên liệu, gầu tải. Mở cửa thùng chứa để nguyên liệu rơi vào máy nghiền từ từ đến khi đủ tải (đồng hồ Ampe chỉ 50 – 60 A). Máy nghiền sẽ nghiền nhỏ nguyên liệu thành bột và chiu qua lỗ sàng xuống đáy hệ thống lắng bụi và vít tải bột.

- Vít tải sẽ đưa bột vào máy trộn số I (Đóng tấm gạt của vít tải bột không cho sang máy trộn II).

- Quạt hút bột lẫn khí từ đáy hệ thống lọc bụi qua ống dẫn vào thùng lắng bụi. Đại đa số bột được lắng tại thùng và qua định lượng đổ vào vít tải bột. Còn ít bụi theo khí đi ra túi thu bụi. Ta có thể nạp chất phụ gia vào máy trộn đã nghiền được ½ mẻ. Khi nghiền hết một mẻ ta quay tấm gạt của vít tải bột sang máy trộn số II.

- Đổ mẻ thứ 2 vào vít tải nguyên liệu (gầu tải).

- Máy trộn I làm việc thêm khoảng 5 phút, rồi mở cửa xả để thu sản phẩm.

- Quá trình lặp lại như ban đầu.

Chúng tôi cũng không rõ qui mô sản xuất cũng như đối tượng sản phẩm đầu ra của bạn là gì? Để được tư vấn một cách chi tiết và cụ thể vềhệ thống thiết bị và kinh nghiệm sản xuất, xin mời bạn có thể liên hệ theo địa chỉ:

Trung tâm chuyển giao công nghệ và tư vấn đầu tư
Viện Cơ - Điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch
Phương mai - Đống Đa - Hà nội
Tel. (04) 8695640
E- mail: tttuvan@hn.vnn.vn

Hy vọng rằng mọi yêu cầu của bạn sẽ được đáp ứng!
Chúc bạn thành công!

HỎI: Tôi co ́một mảnh vươ`n qua tham khảo tôi điṇh chăn nuôi bo`tại đây, nhưng chi ̉co ́vấn đề `về `nguồn nước la `hơi kho,́ ngươ`i ta bảo phải khoan giếng. Việc này đa ̃làm mất đi cuả tôi một chi phi ́kha ́lớn, nhưng vấn đề `tôi muốn hoi ̉ơ ̉đây la `với khu vực căn cô ̃như thê ́nay thi `tôi nên nuôi loại bo `nào, đê ̉vừa phu `hợp va `cho năng suất cao. Tôi nên mua bo `ơ ̉đâu? nên mua bo `săṕ cho sinh, hay la `nuôi nghe ́(bê) con, hay ca `hai cuùng luć. Bên cạnh đo ́vê `lâu dai ̀tôi muốn trồng co ̉đê `tư ̣tuć cho bo `sau nay. Vậy tôi nên trồng loai ̀co ̉nào la `phu `hợp cho vuùng đất khô hạn nay? va `mua giống ơ ̉đâu? (Lê Troṇg Nghiã- Gia Laò, Xuân Lôc,Đồng Nai)

ĐÁP: Bạn nên gặp cơ quan khuyến nông địa phương để hỏi kỹ hơn về câu hỏi này vì quyết định chăn nuôi như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố cụ thể của địa phương mà lời khuyên từ xa có thể không chính xác. Tuy nhiên chúng tôi có một số ý kiến tư vấn giúp bạn như sau:

- Nếu không đủ nước (ít nhất là nước uống) cho bò trong mùa khô thì không nên nuôi bò quanh năm mà chỉ mua bò (bê) về nuôi trong mùa mưa rồi đem bán vào đầu mùa khô (nuôi bò thịt.)

- Nếu có tạm đủ nước cho bò uống và vệ sinh trong mùa khô thì phải trồng nhiều cỏ vào mùa mưa, sau đó dự trữ (ủ chua và phơi khô) để có đủ thức ăn thô cho bò trong mùa khô. Nên trồng thử cỏ Voi và cỏ Ghine. Tốt nhất nên tìm hiểu trong vùng người ta trồng loại cỏ gì.

-Nếu có đủ thức ăn quanh năm được như vậy thì nên nuôi bò cái sinh sản. Tốt nhất là nuôi bò lai Sind. Liên hệ với cơ quan khuyến nông địa phương hay trại giống gần đó để mua.

HỎI: Nhà cháu thường xuyên nuôi heo nái nhưng có đợt heo mau lớn, có đợt chậm lớn mặc dù cho ăn cùng một loại thức ăn? Xin hỏi nhìn thế nào thì biết heo con ăn đủ đạm hay thiếu đạm. (Nguyễn Thanh Lộc- xã Phong Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp)

ĐÁP: Heo lớn nhanh hay chậm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố:

- Phụ thuộc vào mùa: nếu heo sinh vào mùa xuân thì sẽ lớn nhanh còn heo sinh vào mùa hè thì lớn chậm.

- Phụ thuộc vào thức ăn: tuy là cho ăn cùng 1 loại thức ăn của cùng 1 công ty sản xuất ra nhưng thức ăn sản xuất lại phụ thuộc vào từng đợt, không phải lô thức ăn nào cũng có thành phần dinh dưỡng giống nhau.

Ngoài ra còn phụ thuộc vào yếu tố nuôi dưỡng, chăm sóc và có tiêm phòng đầy đủ hay không.

Ví dụ:

- Khi lợn con mới sinh ra phải cho bú ngay sữa đầu và phải sưởi ấm ngay.

- ngày thứ 3 phải tiêm 1ml sắt.

- ngày thứ 8 cho lợn con tập ăn.

- Ngày thứ 8 - 10 tiêm phòng suyễn.

- ngày thứ 20-28 tiêm phòng phó thương hàn.

- ngày thứ 20-45 tiêm phòng dịch tả.

- ngày thứ 60 tiêm phòng đóng dấu và tụ huyết trùng.

Nếu lợn có lông và da bóng mượt, hồng hào, ăn ngủ tốt và không cắn nhau là lợn có đủ chất đạm.

HỎI: Kỹ thuật nuôi hươu cái sinh sản? (Lê Thị Tân- Xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội)

ĐÁP: Việt Nam là nước duy nhất ở Đông Nam Á có nghề nuôi hươu sao truyền thống lâu đời và người nông dân Việt Nam đã tích luỹ được những kinh nghiệm quý giá và nắm trong tay kỹ thuật nuôi hươu sao.

1. Phân bố

Hươu Việt Nam bắt nguồn từ các khu rừng nhiệt đới, hiện nó phân bố rộng rãi ở các vùng trên đất nước ta. Có điều là hươu sao sống hoang dã không còn lại là bao bởi chúng bị con người săn bắn quá mức. May sao nghề nuôi hươu sao đã phát triển khá mạnh trong nông hộ của một số vùng với một đàn hươu sao có lúc lên tới chục ngàn con. Nghệ Tĩnh là nơi nuôi nhiều hươu sao nhất.

Những năm đầu của thập kỷ 90 nghề nuôi hươu bột phát kéo theo một cơn sốt giống tai hại. Rất nhiều hươu sao được mua đi bán lại và phân bổ ra rất nhiều tỉnh trong nước. Nhưng Nghệ An và Hà Tĩnh vẫn là quê hương của nghề nuôi hươu sao.

Chỉ riêng hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong thời điểm phát triển nhất, đàn hươu đã có tời 10.000 con. Nếu tính trên phạm vi toàn quốc thì đàn hướng sao có khoảng 22.000 con.

2. Các đặc điểm sinh học

- Đặc điểm tiêu hoá

Cũng như trâu bò,hươu thuộc loài nhai lại, dạ dày của hươu có cấu tạo phức tạp gồm 4 túi: dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế. Dạ cỏ có dung tích từ 6-10 lít, là một túi lên men lớn, ở đó có tới 50% các chất khó tiêu được tiêu hoá.

Mỗi ngày hươu nhai lại từ 6-8 lần và thời gian dùng cho nhai lại mỗi ngày bình quân là 7 giờ. Hươu có thể ăn rất nhiều loại lá cây. Đặc biệt lá xoan là loại lá đắng (có tác dụng tẩy giun sán) mà hươu lại rất thích ăn.

- Đặc điểm hình thái

Hươu sao như tên gọi của nó là trên nền màu vàng của thân có hai hàng chấm trắng như những ngôi sao chạy song song từ vai đàn hai bên thân của hươu. Hươu sao có thân hình thon chắc, nhanh nhẹn, cổ dài, đầu nhẹ, tứ chi cao giúp hươu chạy nhanh. Toàn thân màu vàng, phía bụng vàng nhạt hơn.

Chỉ hươu đực mới có sừng, sừng non ta gọi là nhung (hay còn gọi là lộc). Nhung mọc mỗi năm một lần. Có một số con cho 2 lần mọc nhung sau khi cắt, nhưng lần thứ hai trong năm nhung mọc nhỏ hơn.

- Tập tính của hươu sao

Nhút nhát là bản tính nổi bật của hươu sao, hễ nghe tiếng động lạ là bỏ chạy. Có lẽ do sức vóc nhỏ nên hươu đã chọn cách chạy trốn làm thượng sách và tứ chi cao khoẻ giúp nó chạy nhanh thoát hiểm. Được nuôi ở nhà, hươu sao quen người và tỏ ra thân thiện, nuôi càng lâu biểu hiện này càng rõ. Người ta có nhận xét đàn hươu nuôi nhà ở vùng Hương Sơn dễ gần hơn, không sợ sệt cảnh giác như đàn hươu nuôi ở Quỳnh Lưu, có lẽ cũng vì Quỳnh Iưu so với Hương Sơn là quê hương mới của hươu sao.

Sống trong rừng hươu sao hoạt động nhiều về đêm, ban ngày tìm nơi trú ẩn để nhai lại. Hươu sao ăn được nhiều loại thức ăn xanh. Đặc biệt nông dân thường cho hươu sao ăn lá xoan, một thứ lá đắng thường dùng làm thuốc tẩy giun, nhưng hươu lại rất thích ăn.

3. Khả năng sản xuất

- Khả năng sinh trưởng

So với các gia súc nhỏ nhai lại khác thì hươu sao có tốc độ sinh trưởng tương đối khá và tầm vóc cũng lớn. Có những hươu đực nặng tới 90- 100 kg.

Khối lượng hươu sao qua các giai đoạn (kg)

Tháng tuổi	Khối lượng đực	Khối lượng cái
Sơ sinh	3,8	3,4
1	10,3	8,5
2	17,0	14,4
3	22,5	20,0
6	28,3	24,3
12	40,2	32,9
24	54,2	43,2
>30	65,5	51,5

- khả năng sinh sản

+ Mùa động dục, mùa sinh sản

Mùa động dục của hươu tập trung cao điểm vào các tháng 8, 9, 10 trong năm. Có lẽ sau mùa mưa, được ăn nhiều cỏ lá xanh đã kích thích hoạt động tính dục của hươu. Như vậy mùa sinh sản của hươu tập trung vào các tháng 3, 4, 5. Lúc bấy giờ khí hậu đã ấm áp, cỏ lá cũng bắt đầu sinh sôi và do đó hươu con được nuôi tốt, tỷ lệ nuôi sống cao hơn.

Các biểu hiện động dục của hươu cũng giống như ở các con vật khác, bồn chồn không yên, cơ quan sinh dục bên ngoài xung huyết, có niêm dịch chảy ra. Thời gian động dục của hươu cái là từ 1-3 ngày, trung bình 2-30 giờ. Khi hươu cái động dục thì cũng kích thích hươu đực động tình, bấy giờ nó có vẻ hung dữ hơn ăn ít hơn, luôn tìm cách gần hươu cái. Động tác phối giống của hươu chỉ xảy ra trong vòng 20-30 giây.

+ Tuổi thành thục sinh dục

Tuổi thành thục sinh dục của hươu đến vào khoảng 12- 16 tháng tuổi, thời gian còn tuỳ thuộc

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

vào nuôi dưỡng, ánh sáng, v.v... Được nuôi tốt, có ánh sáng sân chơi đầy đủ thì sự thành thục đến sớm hơn. Cũng do các nguyên nhân khác nhau mà đôi khi có những con hươu sự thành thục sinh dục đến muộn, sau hai năm tuổi mới động dục. Chu kỳ động dục của hươu trung bình là 20 ngày, biến động trong khoảng từ 15-30 ngày. Không nên cho hươu phối ngay sau lần động dục đầu tiên bởi vì hươu cái tơ cơ thể còn yếu và chưa có kinh nghiệm nuôi con. Những người nuôi có kinh nghiệm và ở các trại giống thường cho hươu phối lúc 1,5-2 năm tuổi. Thời gian mang thai của hư(nl là từ 220-225 ngày.

Thời gian động dục lại sau khi đẻ của hươu là từ 102- 116 ngày (Trần Mạnh Đạt, 1999). Khoảng cách giữa hai lứa đẻ dao động từ 339-350 ngày, trung bình là 345 ngày. Như vậy có nghĩa là hươu sao đẻ mỗi năm một lứa.

+ Tỷ lệ thụ thai

Tỷ lệ thụ thai đối với hươu đã thành thục (trên 20 tháng) theo khảo sát trong sản xuất đạt 76%. Tỷ lệ nuôi sống của hươu đạt 93% (Trần Mạnh Đạt, 1999). Đây là các tỷ lệ đạt cao trong sản xuất đối với con hươu; một loài còn mang rất nhiều tính chất dã sinh. Tất nhiên các tỷ lệ này phụ thuộc rất nhiều vào chế độ nuôi dưỡng và mùa sinh sản.

Hầu hết các bộ phận trên cơ thể hươu đều có thể sử dụng cho việc chữa trị các bệnh con người. Thịt hươu có tác dụng bổ trung, ích khí, mạnh gân cốt (Đỗ Tất Lợi, 1982). Thịt hươu còn được dùng để nấu cao toàn tính (cùng với xương, da, v.v...) dùng bồi bổ khí huyết. Xương hươu, da hươu thường được nấu cao. Các bộ phận cơ thể khác của hươu cũng rất bổ ích: huyết hươu, thận, dịch hoàn, dương vật, gân hươu, v.v... đều được dùng trong các bài thuốc dân gian và rất được tán thưởng.

HỎI: Tôi nghe nói dùng phân gia súc để nuôi Trùng Quế? Xin hướng dẫn cách nuôi Trùng Quế.(Dư Thị Bảo Hoà- Ấp Bình Hoà, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh)

ĐÁP: A. Giới thiệu về trùn quế:

Trùn quế có tên khoa học là Perionyx excavatus, chi Pheretima, họ Megascocidae (họ cự dẫn), ngành ruột khoan. Chúng thuộc nhóm trùn ăn phân, thường sống trong môi trường có nhiều chất hữu cơ đang phân hủy, trong tự nhiên ít tồn tại với phần thể lớn và không có khả năng cải tạo đất trực tiếp như một số loài trùn địa phương sống trong đất.

Trùn quế là một trong những giống trùn đã được thuần hoá, nhập nội và đưa vào nuôi công nghiệp với các quy mô vừa và nhỏ. Đây là loài trùn mắn đẻ, xuất hiện rải rác ở vùng nhiệt đới, dễ bắt bằng tay, vì vậy rất dễ thu hoạch. Chúng được sử dụng rộng rãi trong việc chuyển hóa chất thảm ở Philippines, Australia và một số nước khác (Gurrero, 1983; Edwards, 1995).

Kích thước Trùn quế trưởng thành từ 10 – 15 cm, nước chiếm khoảng 80 – 85%, chất khô khoảng 15 – 20%. Hàm lượng các chất (tính trên trọng lượng chất khô) như sau: Protein: 68 – 70%, Lipid: 7 – 8%, chất đường: 12 –14 %, tro 11 – 12%. Do có hàm lượng Protein cao nên Trùn quế được xem là nguồn dinh dưỡng bổ sung quý giá cho các loại gia súc, gia cầm, thủy hải sản. Ngoài ra, Trùn quế còn được trong y học, công nghệ chế biến thức ăn gia súc...

Phân trùn là loại phân hữu cơ sinh học có hàm lượng dinh dưỡng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng, không gây ra tình trạng "sốc" phân, yêu cầu trữ dễ dàng, đặc biệt thích hợp cho các loại hoa kiểng, làm giá thể vườn ươm và là nguồn phân thích hợp cho việc sản xuất rau sạch.

B. Đặc tính sinh học của Trùn quế:

Trùn quế có kích thước tương đối nhỏ, độ dài vào khoảng 10 –15 cm, thân hơi dẹt, bề ngang của con trưởng thành có thể đạt 0,1 – 0,2 cm, có màu từ đỏ đến màu mận chín (tùy theo tuổi), màu nhạt dần về phía bụng, hai đầu hơi nhọn. Cơ thể trùn có hình thon dài nối với nhau bởi nhiều đốt, trên mỗi đốt có một vành tơ. Khi di chuyển, các đốt co duỗi kết hợp các lông tơ phía bên dưới các đốt bám vào cơ chất đẩy cơ thể di chuyển một cách dễ dàng.

Trùn quế hô hấp qua da, chúng có khả năng hấp thu Oxy và thải CO_2 trong môi trường nước, điều này giúp cho chúng có khả năng sống trong nước nhiều lần, thậm chí trong nhiều tháng.

Hệ thống bài tiết bao gồm một cặp thận ở mỗi đốt. các cơ quan này bảo đảm cho việc bài tiết các chất thải chứa đạm dưới dạng Amoniac và Urer. Trùn quế nuốt thức ăn bằng môi ở lỗ

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

miệng, lượng thức ăn mỗi ngày được nhiều nhà khoa học ghi nhận là tương đương với trọng lượng cơ thể của nó. Sau khi qua hệ thống tiêu hóa với nhiều vi sinh vật cộng sinh, chúng thải ra phân (Vermicas) ra ngoài rất giàu dinh dưỡng (hệ số chuyển hóa ở đây vào khoảng 0.7), những vi sinh vật cộng sinh có ích trong hệ thống tiêu hóa này theo phân ra khỏi cơ thể trùn nhưng vẫn còn hoạt động ở "màng dinh dưỡng" trong một thời gian dài. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho phân trùn có hàm lượng dinh dưỡng cao và có hiệu quả cải tạo đất tốt hơn dạng phân hữu cơ phân hủy bình thường trong tự nhiên.

C. Đặc tính sinh lý của Trùn quế:

Trùn quế rất nhạy cảm, chúng phản ứng mạnh với ánh sáng, nhiệt độ và biên độ nhiệt cao, độ mặn và điều kiện khô hạn. Nhiệt độ thích hợp nhất với Trùn quế nằm trong khoảng từ 20 – 30oC, ở nhiệt độ khoảng 30oC và độ ẩm thích hợp, chúng sinh trưởng và sinh sản rất nhanh. Ở nhiệt độ quá thtấp, chúng sẽ ngừng hoạt động và có thể chết; hoặc khi nhiệt độ của luống nuôi lên quá cao cũng bỏ đi hoặc chết. Chúng có thể chết khi điều kiện khô và nhiều ánh sáng nhưng chúng lại có thể tồn tại trong môi trường nước có thổi Oxy.

Trùn quế quế rất thích sống trong môi trường ẩm ướt và có độ pH ổn định. Qua các thí nghiệm thực hiện, chúng tôi nhận thấy chúng thích hợp nhất vào khaỏng 7.0 – 7.5, nhưng chúng có khả năng chịu đựng được phổ pH khá rộng, từ 4 – 9, nếu pH quá thấp, chúng sẽ bỏ đi.

Trùn quế thích nghi với phổ thức ăn khá rộng, chúng ăn bất kỳ chất thải hữu cơ nào có thể phân hủy trong tự nhiên (rác đang phân hủy, phân gia súc, gia cầm...). Tuy nhiên, những thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao se hấp dẫn chúng hơn, giúp cho chúng sinh trưởng và sinh sản tốt hơn.

Trong tự nhiên, Trùn quế thích sống nơi ẩm thấp, gần cống rãnh, hoặc nơi có nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy và thốI rữa như trong các đống phân động vật, các đống rác hoai mục. chúng rất ít hiện diện trên các đồng ruộng canh tác dù nơi đây có nhiều chất thải hữu cơ, có lẽ vì tỷ lệ C/N của những chất thải này thường cao, không hấp dẫn và không đảm bảo đêiu kiệm ẩm độ thường xuyên.

D. Sự sinh sản và phát triển:

Trùn quế sinh sản rất nhanh trong điều kiện khí hậu nhiệt đới tương đối ổn định và có độ ẩm cao như điều kiện của khu vực phía Nam. Theo nhiều tài liệu, từ một cặp ban đầu trong điều kiện sống thích hợp có thể tạo ra từ 1.000 –1.500 cá thể trong một năm.

Trùn quế là sinh vật lưỡng tính, chúng có đai và các lỗ sinh dục nằm ở phía đầu của cơ thể, có thể giao phối chéo với nhau để hình thành kén ở mỗi con, kén được hình thành ở đai sinh dục, trong mỗi kén mang từ 1 – 20 trứng, kén Trùn di chuyển dần về phía đầu và hơi ra đất. Kén áo hình dạng thon dài, hai đầu túm nhọn lại gần giống như hạt bông cỏ, ban đầu có màu trắng đục, sau chuyển sanh xanh nhạt rồi vàng nhạt. Mỗi kén có thể nở từ 2 –10 con.

Khi mới nở, con nhỏ như đầu kim có màu trắng, dài khoảng 2 – 3mm, sau 5 – 7 ngày cơ thể chúng sẽ chuyển dần sang màu đỏ và bắt đầu xuất hiện một vằn đỏ thẫm trên lưng. Khoảng từ 15 –30 ngày sau, chúng trưởng thành và bắt đầu xuất hiện đai sinh dục (theo Arellano, 1997); từ lúc này chúng bắt đầu có khả năng bắt cặp và sinh sản. Con trưởng thành khỏe mạnh có màu mận chín và có sắc ánh kim trên cơ thể.

E. Các mô hình nuôi Trùn quế:

Hiện nay, tên thế giới có nhiều mô hình nuôi Trùn quế: từ đơn giản như nuôi trong khay, chậu trên một diện tích nhỏ, đến nuôi trên đồng ruộng (có hoặc không có mái che), hay nuôi trong những nhà nuôi kiên cố... nhưng nhìn chung, các mô hình này đều phải đảm bảo được những yêu cầu kỹ thuật phù hợp với đặc điểm sinh lý của con Trùn. Ở đây, chúng tôi xin đề xuất một mô hình nuôi thích hợp với quy mô nhỏ trong từng hộ gia đình, quy mô bán công nghiệp và giới thiệu một số nét về quy mô nuôi công nghiệp hiện đại.

1. Nuôi trong khay chậu: Áp dụng cho những hộ gia đình không có đất sản xuất hoặc muốn tận dụng tối đa các diện tích trống có thể sử dụng được, mô hình này có thể sử dụng các dụng cụ đơn giản và rẻ tiền như các thùng gỗ, thau chậu, thùng xô... Các thùng gỗ chỉ nên có kích thước vừa phải (vào khoảng 0,2 – 0,4 m2 với chiều cao khoảng 0,3m). Các dụng cụ này nên được đặt trên những cái khung nhiều tầng để dễ chăm sóc và tận dụng được không gian. Các dụng cụ nuôi nên được che mưa gió, đặt nơi có ánh sáng hạn chế càng tốt. Chúng phải được lỗ thoát nước, những lỗ này cần được chặn lại bằng bông gòn, lưới... để không bị thất thoát nước con giống. Do tính ưu tối nên trên mặt của dụng cụ cần được kiểm tra thường xuyên.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Mô hình nuôi này có ưu điểm là dễ thực hiện, có thể sử dụng lao động phụ trong gia đình hoặc tận dụng thời gian rãnh rỗi. Công tác chăm sóc cũng thuận tiện vì dễ quan sát và gọn nhẹ. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là tốn nhiều thời gian hơn các mô hình khác, số lượng sản phẩm có giới hạn, việc chăm sóc cho Trùn phải được chú ý cẩn thận hơn.

2. Nuôi trên đồng ruộng có mái che: Thích hợp cho quy mô gia đình vừa phải hoặc mở rộng, thích hợp cho những vườn cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm có bóng râm vừa phải. Các luống nuôi có thể đạt độ ẩm trong đất hoặc làm bằng các vật liệu nhẹ như bạt không thấm nước, gỗ..., có bề ngang từ 1 – 2m, độ sâu (hoặc cao) khoảng 30 – 40 cm, bảo đảm thoát nước được nước và thông thoáng. Mái che nên làm ở dạng cơ động để dễ di chuyển, thay đổi trong những thời tiết khác nhau. Độ dày chất nền ban đầu và thức ăn nên được bổ sung hàng tuần. Luống nuôi cần được che phủ để giữ ẩm, kích thích hoạt động của Trùn và chóng các thiên địch.

3. Nuôi trên đồng ruộng không có mái che: Đây là phương pháp nuôi truyền thống ở các nước đã phát triển công nghệ nuôi Trùn như Mỹ, Úc.. và có thể thực hiện ở quy mô lớn. Luống nuôi có thể nổi hoặc âm trong mặt đất, bề ngang khoảng 1 – 2m, chiều dài thường không giới hạn mà tùy theo diện tích nuôi. Với phương pháp này, người nuôi không phải làm lán trại, có thể sử dụng các trang thiết bị cơ giới để chăm sóc và thu hoạch sản phẩm. Nếu cho lượng thức ăn ban đầu ít và bổ sung hàng tuần thì việc thu hoạch cũng khá dễ dàng.

Tuy nhiên, phương pháp nuôi này bị tác động mạnh bởi các yếu tố thời tiết, có thể gây tổn hại đến Trùn và cần một diện tích tương đối lớn.

4.Nuôi trong nhà với quy mô công nghiệp và bán công nghiệp: Là dạng Cải tiến và mở rộng của luống nuôi có mái che trên đồng ruộng và nuôi trong thau chậu. Các khung (bồn) nuôi có thể được xây dựng kiên cố trên mặt đất có kích thước rộng hơn hoặc được sắp thành nhiều tầng. Việc chăm sóc có thể thực hiện bằng tay hoặc các hệ thống tự động tùy theo quy mô.

Phương pháp này có nhiều ưu điểm là chủ động được điều kiện nuôi. Chăm sóc tốt, nuôi theo quy mô lớn nhưng chi phí xây dựng cơ bản và trang thiết bị cao. Hiện nay, quy mô nuôi công nghiệp vớI những trang thiết bị hiện đại được áp dụng khá phổ biến ở các nước phát triển như Mỹ, Úc, Canada.

F. Yêu cầu kỹ thuật của việc nuôi trùn: Để nuôi trùn quế đạt hiệu quả, cần chú ý một số vấn đề sau:

- Về người nuôi:

+ Nắm bắt được một số đặc tính sinh lý, sinh thái cơ bản của con Trùn.

+ Có kiến thức tối thiểu về các loại chất thải hữu cơ dùng làm thức ăn cho Trùn.

- Về luống trại nuôi: Luống hoặc trại nuôi phải đặt nơi thoáng mát, không bị ngập úng và không nên bị ánh sáng chiếu trực tiếp, có nguồn nước tưới thường xuyên, trung tính và sạch; cần thoát nhiệt, thoát nước tốt. Bảo đảm các điều kiện về nhiệt độ và độ ẩm. Nên có biện pháp ngăn ngừa các thiên địch (kiến, cóc, nhái..)

- Về chất nền: Chất nền có cơ cấu xốp, kết cấu tương đối thô, có khả năng giữ ẩm tốt, không gây phản ứng nhiệt, pH không nằm, ngoài phổ chịu đựng của Trùn, có thể là môi trường sống tạm của Trùn khi gặp điều kiện bất lợi.

- Về thức ăn: Thức ăn là chất thải hữu cơ ở dạng đang phân hủy, không nên có hàm lượng muối và amoniac quá cao, chủng loại tương đối đa dạng nhưng thích hợp nhất là những chất liệu có tỷ lệ C/N vào khoảng 10:1 như phân gia súc, các chất liệu phân hủy thô của ruồi lính đen hấp dẫn Trùn hơn là các loại phân khô hoặc đã qua giai đoạn ủ. Khi cho ăn, có thể bố trí thức ăn thành những luống nhỏ xen kẽ nhau hoặc đổ thành từng cụm. Lượng thức ăn tùy thuộc vào mật số Trùn hiện có, để có nguồn phân chuyển hóa tương đối hoàn toàn nên chú ý đến thời gian bổ sung thức ăn.

- Về độ ẩm: Nên chú ý tưới giữ ẩm ngay từ khi mới thả giống vì Trùn đã bị sốc khi di chuyển, hàng ngày kiểm tra độ ẩm và tưới bổ sung, tốt nhất là tưới nhiều lần trong ngày khi trời nóng, lượng nước cho mỗi lần tưới ít. Nếu sử dụng chất nền có kết cấu hạt xốp và to thì độ ẩm có thể duy trì ở mức cao và ngược lại. Trong điều kiện khô nóng cũng nên duy trì ẩm độ cao. Nước tưới nên có pH trung tính, không nhiễm mặn hoặc phèn.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Thu hoạch: Tùy theo mục đích mà có những phương pháp thu hoạch khác nhau. Ở đây, chúng tôi tạm đề nghị 02 phương pháp thu hoạch sau:

+ Phương pháp thu hoạch tươi bằng cách dẫn dụ: Nhằm thu được nguồn giống mà không làm cho chúng bị sốc và thu phân Trùn. Trước khi thu hoạch khoảng một tuần, cho một tấn lưới vào khoảng giống mới đã dọn ở giữa luống (hoặc trên bề mặt luống) có chứa thức ăn mới đã được bổ sung nước ở mức bão hòa, không tưới trên phần phân chũ ở hai bên. Thức ăn tươi và ẩm độ sẽ hấp dẫn Trùn và chúng sẽ tập trung cao độ ở đây. Để thu được trên 90% con giống, nên thực hiện động tác này 2 lần.

+ Phương pháp thu hoạch khô: thu hoạch Trùn thịt làm thức ăn gia súc và thu tươi giữ ẩm, nên xới xáo nhiều lần giúp bốc thoát hơi nước. Khi nhận thấy hạt phân tương đối rời rạc, dùng cào gom phân vào giữa, con trùn có khuynh hướng chui xuống, cuộn tròn dưới lớp đáy của luống. Hốt lớp phân bên trên và tiếp tục gom phân lại. Thực hiện thao tác này sẽ tách riêng được phân và trùn.

HỎI: Xin tư vấn cho tôi kỹ thuật nuôi hươu lấy nhung? (Nguyễn Văn Thắng- Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội)

ĐÁP: Hươu đực dùng phối giống (gọi là hươu đực giống) và lấy nhung cần có chế độ chăm sóc đặc biệt, khẩu phần thức ăn không chỉ đáp ứng cho hươu sinh trưởng phát triển bình thường nhằm thu hoạch nhung, mà còn để hoàn bù và tái tạo khả năng phối giống cho hươu đực.

1.Chế độ dinh dưỡng

Hươu đực giống cần cho ăn theo đúng khẩu phần thức ăn đã chỉ định, trong đó các thành phần chất đạm, chất khoáng, vitamin A, D, E là hết sức chú ý. Cụ thể thành phần và lượng thức ăn hàng ngày cho hươu đực giống như sau: 15- 20kg thức ăn xanh, 0,5kg thức ăn tinh, 0,5kg thức ăn giàu đạm, 10g premix khoáng, 10g premix vitamin và 10- 15g muối ăn. Trong mùa phối giống, mỗi tuần cho ăn thêm 2- 3 quả trứng gà (không dùng trứng vịt); sau mỗi lần phối giống cho ăn thêm 3- 5 quả trứng gà.

2.Chăm sóc hươu đực phối giống

Tuổi phối giống tốt của hươu đực là 5- 9 tuổi. Ngoại hình con đực giống tốt là có hai tinh hoàn to và đều, gốc sừng to mập, đường kính sừng chỗ lớn nhất đạt 3cm, khoẻ mạnh, không bệnh tật.

Mỗi hươu đực giống chỉ cho phối giống 8- 10 hươu cái trong một năm. Thời gian phối giống (mùa phốëi giống) trong năm của hươu từ 15 - 4 đến 15 - 9. Sau mỗi lần giao phối, cho hươu đực nghỉ ít nhất 10 ngày để có điều kiện hồi phục sức khoẻ.

Mùa không phối giống, mùa hè cần tắm chải sạch sẽ cho hươu, chuồng trại thoáng mát; mùa đông che chắn gió giữ ấm chuồng cho hươu, làm độn chuồng cho hươu nằm. Diện tích phù hợp cho hươu đực giống 8- 10m2/con.

3.Kỹ thuật phối giống

Do hươu đực giống và hươu cái được nuôi tại các hộ dân xa nhau, hươu đực và cái lạ nhau, khi phối giống đôi khi cũng gặp những trục trặc đáng tiếc. Theo kinh nghiệm các hộ nuôi hươu sinh sản cho biết, hươu cái cứ khoảng 20 ngày động dục một lần, thời gian động dục kéo dài từ 1- 3 ngày, vì vậy xác định thời điểm động dục của hươu cái không khó khăn. Trước động dục khoảng 10 ngày, tiến hành mang hươu cái cần phối giống thả vào chuồng bên cạnh chuồng hươu đực giống. Chăm sóc cả hai con cho đến ngày hươu cái động đực và đạt đỉnh điểm hưng phấn (chính là thời điểm rụng trứng), mở cửa chuồng, hươu đực sẽ sang chuồng hươu cái giao phối. Việc làm này mang lại tỷ lệ thụ thai rất cao. Sau khi giao phối, cần bồi dưỡng chu đáo hươu đực giống.

Sau khi giao phối, nếu con cái đi tiểu ra nước vàng hoặc trắng đục, nằm rặn, con đực bỏ đi nơi khác (đã thoả mãn), chắc chắn hươu cái sẽ thụ thai, song nếu con đực và cái đánh lộn nhau thì tỷ lệ thụ thai sẽ rất thấp, cần nhanh chóng nhốt riêng.

4.Kỹ thuật cắt nhung hươu đực

Nuôi hươu đực không chỉ để phối giống mà còn để lấy nhung. Cần cắt nhung đúng kỹ thuật thì hươu mới mau chóng hồi phục để phối giống. Để cắt nhung đảm bảo, trước hết cần thực hiện

vết cắt ở vị trí cách chân đế nhung 1cm, dụng cụ cắt phải thật sắc, thao tác cắt nhanh, dứt khoát, khi gần đứt cắt hơi chậm lại một chút để tránh làm xước nhung, sau đó tiến hành cầm máu nhanh cho chân đế nhung. Có hai bài thuốc rất tốt để cầm máu chân đế nhung sau khi cắt.

Bài 1: Mực Tàu (mực Trung Quốc), than củi nghiền mịn, nước đun sôi để nguội, pha thành dung dịch sền sệt. Sau khi cắt nhung xong đắp vào ngay vết cắt, sau đó bọc gạc sạch, dùng tay nắm yên lấy vết đắp trong 3- 5 phút là máu cầm. Đắp xong bên này tiến hành cắt bên kia.

Bài 2: Than lá chuối khô sạch bóp mịn, trộn với dầu lạc thành dạng sền sệt đắp vào vết cắt, sau đó nắm lấy đế sừng 3- 5 phút, vết cắt cũng nhanh chóng cầm máu.

Khi vết cắt thực sự cầm máu, dùng gạc băng và buộc vết cắt lại bằng dây vải sạch. Sau khi cắt nhung hươu, các hoạt động xung quanh chuồng hươu phải nhẹ nhàng, tuyệt đối không để người lạ đi vào chuồng hươu làm hươu hoảng sợ húc lung tung, đập vỡ vết thương ảnh hưởng đến vết cắt và gây khó khăn cho việc làm lành vết cắt, ảnh hưởng xấu đến độ lớn của nhung hươu sau này.

HỎI: Xin tư vấn quy trình kỹ thuật nuôi bò lấy thịt.(Nguyễn Thế Vỹ,166 Nguyễn Công Trứ, QI, HCM)

ĐÁP: 1. Mục đích yêu cầu

- Phổ biến cho nông dân những kỹ thuật cơ bản về giống, chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, để đạt hiệu quả kinh tế cao trong chăn nuôi bò thịt.

- Yêu cầu: Ngắn gọn, dễ nhớ, dễ làm theo quy trình.

2. Đặc tính sinh vật học – tiêu hoá

- Bò là đại gia súc nhai lại.

- Thức ăn của bò chủ yếu là thức ăn thô xanh. Nếu ăn nhiều thức ăn tinh sẽ bị bệnh.

- Về sinh sản:

+ Đối với bò đực: Tuổi bắt đầu phối giống từ 24-26 tháng tuổi. Tuổi phối giống tốt nhất từ 2-6 năm.

+ Đối với bò cái: Tuổi bắt đầu phối giống từ 18-24 tháng tuổi. Có thể phối giống bằng thụ tinh nhân tạo hay cho con đực nhảy trực tiếp. Định mức một đực giống / 30-40 bò cái. Chu kỳ động dục là 21 ngày. Thời gian mang thai trung bình là 281 - 285 ngày (9 tháng 10 ngày). Thời gian động dục lại sau khi sinh là 60 - 70 ngày.

- Chọn giống chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Về ngoại hình chọn con có thân hình vạm vỡ, mình tròn, phía mông và vai phát triển, tổng thể nhìn vào bò có hình chữ nhật.

- Các giống chăn nuôi con lai: Nhóm Zebu x Bò vàng, F1HF, F2HF không sản xuất sữa, Shahiwal, Brahman trắng hoặc đỏ, Brouhuogber.

3 - Nuôi dưỡng chăm sóc vỗ béo theo giai đoạn

a) Nuôi bê từ 1 - 5 tháng tuổi.

- Từ sơ sinh đến 30 ngày tuổi, nuôi bê tại nhà cạnh mẹ, luôn giữ ấm tránh gió lùa, cho bê nằm chỗ khô sạch.

- Từ tháng thứ 2, tập cho bê ăn cỏ xanh phơi khô được nắng. Cỏ tươi rửa sạch để ráo, cho bê ăn thức ăn xanh và thức ăn tinh như khẩu phần đã định ở phần trên.

- Từ tháng thứ 4 trở đi tập cho bê ăn thêm thức ăn củ quả như : khoai lang, bí đỏ,..

- Trời nắng ấm tập cho bê vận động tự do dưới ánh nắng để bê có đủ Vitamin D3, tạo cho bộ xương cứng cáp.

- Thức ăn:

+ Thức ăn thô: 5 – 7kg cỏ/con/ngày.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

+ Thức ăn tinh: 0,6 – 0,8 kg/con/ngày với 100 gam Protein tiêu hoá và 2.800Kcal/kg.

b) Nuôi bê từ 6 - 20 tháng tuổi (nuôi bê hậu bị vỗ béo)6 tháng tuổi cai sữa cho bê.

- Phương thức nuôi nhốt: Cho bê ra sân vận động 2 - 4 giờ/ngày.
Cung cấp đầy đủ thức ăn xanh, thức ăn tinh hỗn hợp. Thường xuyên cung cấp đủ nước uống cho bê trong giai đoạn này.

- Phương thức chăn thả : Hiện còn khá nhiều địa phương trong tinh còn áp dụng phương thức này. Nhưng muốn nuôi bò thịt có hiệu quả kinh tế cao cần đầu tư thâm canh theo quy trình và chăn nuôi bò lai.

- Thức ăn:

+ Thức ăn thô xanh: 6 tháng tuổi: 10 kg /con/ngày; 7-12 tháng tuổi: 15kg/con/ngày; 13-20 tháng tuổi 30 kg/con/ngày.

+ Thức ăn tinh: 6 tháng tuổi 0,8 – 1 kg/con/ngày với 100 gam Protein tiêu hoá và 2.800Kcal/kg.

c) Nuôi vỗ béo bò từ 21 - 24 tháng tuổi

- Nuôi nhốt giảm vận động, tăng cường cho bò ăn các loại thức ăn giàu dinh dưỡng, cao năng lượng, cho bò tắm nắng 2 giờ/ngày, giảm nhiệt độ và cường độ ánh sáng chuồng nuôi.

- Những con có trọng lượng lớn, bị bệnh chân móng, cần sửa móng cho bò bằng các dụng cụ sắc như dao, đục và dụng cụ chuyên dùng khác.

- Thường xuyên tắm chải cho bò để kích thích bò ăn uống khoẻ. Mùa hè tắm 2 lần/ngày. Mùa đông chải khô 1 tuần 2 lần cho bò bằng bàn chải.

- Xuất bò: Khi bò đã béo đúng tiêu chuẩn, quan sát vùng võng (vùng lưng) đã béo bằng, nông dân ta thường gọi là "bò béo bằng lưng", thì xuất bán.

- Thức ăn:

+ Thức ăn thô xanh: 30 kg/con/ngày (cỏ tươi hay khô, rơm được xử lý mềm hoá và tăng độ đạm).

+ Thức ăn tinh: 1,5 – 2,5 kg/con/ngày với Protein tiêu hoá 100 gam và 2.800 Kcal/kg thức ăn.

+ Nước uống: 50-60 lít/con/ngày. Có thể sử dụng muối ăn pha với nồng độ 9%.

4- Phòng và trị bệnh

- Tiêm phòng định kỳ hàng năm vào 2 đợt : 15/03 và 15/08, Vacxin tụ huyết trùng cho bò chăn nuôi trong vùng an toàn dịch của dự án.

- Vệ sinh phòng bệnh: Chuồng trại, máng ăn, máng uống môi trường xung quanh và cơ thể bò phải luôn sạch sẽ, cánh ly nguồn bệnh, mầm bệnh.

- Tẩy giun đũa cho bê định kỳ vào tháng thứ nhất, tháng thứ 3 và tháng thứ 9 bằng Piperazin 2 - 3g/10 kg trọng lượng. Cho uống hoặc tiêm 5 mg Levamisol/10 kg trọng lượng. Nếu bò ỉa chảy liên tục có mùi tanh khẳm, xù lông sáng sớm và chiều tối cần tẩy sán lá gan bằng cách tiêm bắp : Dovernix 1ml/15 kg trọng lượng, hoặc cho uống Dertil B1 liều lượng viên/ 50 kg trọng lượng.

- Định mức thuốc thú y: 10.000 đồng/con/năm.

5- Mức đầu tư - Mức công nhân.

- Một lao động nuôi được 20 con bò thịt trong nông hộ, lao động này phải làm các nội dung:

+ Trồng cỏ kết hợp chăm bón và cắt cỏ chuyển về chuồng.

+ Chăm sóc, nuôi dưỡng theo dõi bệnh tật.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

+ Chế biến, dữ trữ và bảo quản thức ăn.

+ Cấp thức ăn tinh, nước uống theo định mức.

+ Công tác thú y thông thường: Tiêm phòng, vệ sinh môi trường định kỳ.

- Chăn nuôi trang trại: 3 nhân công và 1 người hợp đồng trang trại có thể nuôi 100 bò thịt 1 lứa.

- Định mức trồng cỏ: 2 sào/1 con bò thịt (500m2/sào), được đầu tư:

+ Phân chuồng: 400 – 500 kg/sào.

+ Đạm, kali (5 kg urê và 1,5 kg kali/500m2/ 1 lần bón thúc và bón 11 lần/năm).

+ Giống cỏ : 3.000 kg/ha. Sử dụng giống cỏ voi lai, cỏ tây Nghệ An, ngô dày.

*** Định mức xây dựng chuồng trại:**

- Chuồng xây dựng theo kiểu thiết kế chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy.

- Chuồng lợp lá hay ngói đỏ, tường kín phía Bắc, thoáng phía Nam, nền chuồng khô nước, lót nền mềm. Định mức 2,5 –3 m2 / con.

HỎI: Nhà tôi có con bò cái lai sind đã đẻ 1 lần nhưng đến nay đã trên 3 tháng mà không thấy động dục. Xin cho biết bao nhiêu ngày sau khi đẻ bò động dục lại. Cách phát hiện bò động dục lại. Cách phát hiện bò động dục và chọn thời điểm phối giống tốt nhất? (Nguyễn Văn Tám, thôn 3, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận)

ĐÁP: Bò nhà ông chậm động dục sau khi đẻ do những nguyên nhân sau đây: Trước hết khi đẻ lứa thứ nhất, khâu vệ sinh ở cơ quan sinh dục (âm hộ, âm đạo, tử cung...) của bò mẹ làm không tốt. Sau khi bò đẻ cần xem xét kỹ nhau thai đã ra hết chưa? Sau đó nếu đã ra hết thì nên thụt rửa tử cung hàng ngày và trong vòng một tuần để cho tử cung mau hồi phục và không bị viêm nhiễm. Thông thường dùng Rivanol 1% từ 1 –2 lít hoặc dùng Lugol 1% bơm vào tử cung 200 – 300ml sau 4 – 6 lần thụt rửa, bơm vào tử cung dung dịch Penicillin 2 triệu IU sheptomycin 2gr, nước cất 200ml. Một nguyên nhân khác là do chế độ chăm sóc nuôi dưỡng để mất cân bằng dinh dưỡng dẫn đến bò mẹ gầy, ốm, hàng ngày bò thiếu cỏ xanh và thiếu một số nguyên tố vi lượng P-Cu, thiếu các chất khoáng khác làm rối loạn nội tiết, rối loạn chu kỳ động dục.

Đúng chu kỳ động dục lại sau khi đẻ lứa thứ nhất nếu bò phát triển bình thường, không xảy ra các bệnh sau khi đẻ thì từ 40 – 65 ngày bò động dục lại. Khi bò động dục có những biểu hiện: Ăn ít hơn, đi quanh chuồng kêu rống, khi thả ra bãi chăn các con đực đeo bám và nhảy lên lưng. Dịch nhờn trong âm đạo chảy ra dính ở âm hộ, lòng thòng... Khi động dục chín mùi, đứng yên cho bò khác nhảy lên lưng hoặc tự bò động dục nhảy lên con khác, âm hộ sưng lớn hơn ngày bình thường. Thời gian động dục của bò khác nhau tùy từng con vì phụ thuộc vào giống, trọng lượng, chế độ chăm sóc, tuổi... Trung bình bò động dục 18 giờ dao động từ 6 – 30 giờ. Thực tế cho thấy có một số bò cái sinh sản biểu hiện động dục không rõ ràng (trong chuyên môn gọi là động dục thầm lặng), khó phát hiện bằng mắt thường nên bỏ lỡ thời điểm phối giống. Trong trường hợp này cần có bò đực thả chung trong đàn để phát hiện là tốt nhất. Điều khó nhất là người nuôi bò, không biết chính sách là bò động dục từ khi nào trong ngày, đêm để quyết định thời điểm phối giống thích hợp? Vì vậy tốt nhất là cần phối kép cho bò khi đã phát hiện động dục. Nếu phát hiện bò động dục vào buổi sáng thì phối giống lần 1 vào chiều cùng ngày (cách 10 giờ kể từ khi động dục) và phối lần 2 vào buổi sáng hôm sau (cách 24 giờ kể từ khi động dục) và phối lần 2 vào buổi sáng hôm sau (cách 24 giờ kể từ khi động dục). Nếu phát hiện bò động dục vào buổi chiều thì phối lần 1 cho bò vào buổi sáng hôm sau và lần thứ 2 vào buổi chiều cùng ngày. Phối giống lứa đẻ thứ 2 vào giai đoạn từ 50 – 60 ngày là tốt nhất. Nếu sớm, trước 45 ngày khi bò mang thai dễ bị sảy thai. Nếu phối muộn từ 70 ngày trở lên thì sẽ kéo dài khoảng cách 2 lứa đẻ, hiệu quả chăn nuôi giảm.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Ngoài ra chậm động dục còn do các nguyên nhân bò bị bệnh đường sinh sản, chăm sóc nuôi dưỡng và quản lý không tốt, bệnh do di truyền và bị chết phôi.

HỎI: Cho tôi hỏi kỹ thuật nuôi rắn (Hoàng Đình Tân - Thôn Dương Xá, Xã Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội)

ĐÁP: Hiện nay, nhiều hộ đang đua nhau nuôi rắn Ri Voi đạt hiệu quả kinh tế rất cao chúng tôi sẽ hướng dẫn bạn kỹ thuật nuôi.
Chọn nơi và chuẩn bị nơi nuôi rắn

Nơi nuôi rắn có thể là ao nuôi nung bào, có mức nước sâu 0,6- 0,8m, gần nguồn nước sạch, khi cần có thể thay nước dễ dàng. Diện tích ao từ 50m2 trở lên, có bộng bịt lưới kỹ. Ao được dọn bớt bùn sình, cây cỏ thối mục, bít chặt các hang mội, bón vôi bột diệt tạp. Cặp mé ao có thể dùng Fibroximăng phẳng khép khít vào nhau bao vòng quanh mé ao. Tấm Fibroximang được cắm sâu dưới đáy ao, phía trên còn lại so với mặt bờ mực nước cao nhất tối thiểu 0,5m, tường fibro được cắm thẳng đứng, phía trên tường có lưới rộng 0,3m, dầy, chắn độ nghiêng 250 về phía trong để rắn không bò ra ngoài được. Cần lưu ý không để bờ đất còn lại nhiều, rắn sẽ vào trú trong hang không ra ăn, rắn chậm lớn. Trong ao được thả lục bình, rau muống, rau ngổ chiếm 2/3 diện tích mặt nước ao. Thả lá chuối khô thành đống cao khỏi mặt nước 0,3-0,5m, lá chuối thả mé bờ. Nếu mé bờ bị nước ngập, đóng bè chuối bè tre, thả từng đống tàu lá chuối khô vào để rắn trú sau khi ăn, ít đánh nhau gây thương tích, khoảng trống còn lại là nơi làm bãi cho rắn ăn, cho vào ao 0,5-0,8m. Thả rắn vào ao nuôi.

Nuôi rắn ở bể xi măng, lu, khạp: Đáy bể và thành bể được trát láng xi măng. Trong bể cho vào 0,1-0,2m là đất thịt, đất bùn. Diện tích ½ bể được thả lục bình, diện tích còn lại để trống là bãi để mồi cho rắn ăn, trong bể tùy nơi rộng hẹp mà cho một số đống lá chuối khô, lá chuối có thể thả lên bè tre hoặc can nhựa để lá chuối không bị ngập sâu vào nước. Cho nước vào bể 0,2-0,3m. thả rắn vào nuôi.

Giống rắn nuôi

- Có thể bắt giống rắn con tự nhiên vào đầu mùa mưa, chọn rắn khỏe mạnh cùng cỡ thả nuôi hoặc nuôi rắn để làm giống. Chọn rắn Ri voi cha mẹ cỡ 0,4-0,6 kg/con trở lên, nuôi dưỡng chúng từ mùa khô, đầu mùa mưa rắn mang bầu, vào tháng 4-5 dương lịch rắn mẹ đẻ ra rắn con khoảng 50 con. Rắn con được chăm sóc riêng với mật độ 30 – 40 con/m2. Cho rắn con ăn nòng nọc, nhái con, cá trê con....Rắn thích ăn mồi còn sống, không vẩy. Tập cho rắn ăn cả mồi có vẩy.

- Giống rắn cỡ lớn từ 4 -10 con/kg, cần nuôi đồng cỡ, rắn không bị trầy vết, mắc câu gãy xương sống, để nuôi chung. Cần lưu ý chọn giống rắn khỏe mạnh đều cỡ không bị thương tích để rắn lớn đều khi nuôi.

- Mật độ nuôi từ 5-10 con/m2.

- Thả nuôi ghép: Rùa, lươn 1 con/m2 để sử dụng thức ăn dư của rắn và tăng thu nhập.

Thức ăn

- Rắn Ri voi thích ăn động vật tươi sống, không ươn thối, không vẩy: nòng nọc, ếch nhái, cá trê, lươn con, trùng.... Khi tập cho rắn ăn cá có vẩy, cá chết rắn cũng quen ăn dần.

- Thức ăn tươi tỷ lệ 3-5% trọng lượng rắn, ăn hàng ngày, tùy sức ăn của rắn mà tăng hoặc giảm không để thức ăn dư thừa làm thối nước.

- Có thể nuôi cá sặc, cá trê, nhái..... trong ao để làm thức ăn tại chỗ cho rắn.

- Trước khi cho rắn ăn, làm động tác ủ lá chuối khô để rắn bò ra cùng nhau ăn. Thức ăn được làm vừa cỡ cho rắn ăn, rải đều nơi có rắn.

Chăm sóc rắn nuôi

+ Cần cho rắn ăn đủ, đều để rắn mau lớn, lớn đều.

+ Không để thức ăn dư gây ôi, thối nguồn nước.

+ Cần chuẩn bị nguồn thức ăn sẵn từ các ao mương hiện có.

+ Bổ sung ủ lá chuối khô để sau khi ăn xong rắn vào trú, ít đánh nhau và rắn mau lớn.

+ Thường thì 7-15 ngày thay nước cho rắn 1 lần.

+ Rắn bệnh hay bị thương tích được nuôi chăm sóc riêng, khi khỏe nuôi chung.

+ Rắn yếu ăn, cần thay đổi thức ăn và bổ sung B complex, vitamin C để kích thích rắn ăn.

Thu hoạch rắn

Rắn được nuôi từ 5-12 tháng tùy cỡ giống, rắn đạt 500g/con trở lên là thu hoạch được. Có hộ đã nuôi trong nền nhà 25m2 thả 210 con rắn, 27 con rùa, 15 kg lươn đồng. Sau 6 tháng nuôi bán được 6,9 triệu đồng, lời 5,5 triệu đồng. Tính ra mỗi mét vuông doanh thu 276.000 đ, lời 222.000 đ, đa dạng hóa sản phẩm đặc sản tiêu thụ.

(Bí quyết giúp nhà nông làm giàu - NXB Thanh Niên)

HỎI: Tôi muốn nuôi gấu lấy mật thì nuôi loại gấu nào? Nếu bắt đầu nuôi độ tuổi con gấu bao nhiêu thì tốt? Kỹ thuật nuôi thế nào? Mua con giống ở đâu?... (Trần Đình Khánh - Thôn Vàng, xã Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội)

ĐÁP: Hiện nước ta đã thoả thuận với Tổ chức quốc tế bảo vệ thú vật hoang dã sẽ dẹp bỏ các cơ sở nuôi gấu lấy mật trên toàn quốc. Bạn hãy chuyển sang một mô hình chăn nuôi khác nhé. Chúc bạn thành công

HỎI: Làm thế nào cho thỏ ít dịch bệnh và mau lớn. Nước tiểu của thỏ gây bệnh cùi cho người phải không?

ĐÁP: Kinh nghiệm nuôi thỏ ít bị dịch bệnh và mau lớn, cần lưu ý:

- Thỏ nói chung hay thỏ con sau cai sữa nói riêng rất nhạy cảm và bị tác động đột ngột của việc thay đổi thức ăn, môi trường sống... nếu không thích nghi có thể chết, có khi chết hàng loạt. Nguyên nhân chủ yếu do rối loạn tiêu hóa, bệnh phát sinh do suy dinh dưỡng sau khi cai sữa. Vì vậy, cai sữa cho thỏ phải quan tâm đến vấn đề thức ăn, nước uống... Trước hết, thức ăn phải giàu đạm, khoáng, vitamin, không có trứng giun sán và mầm bệnh... Nên sử dụng các loại lá cây có thân cao cách xa mặt đất như lá chuối, lá sắn dây, đỗ ván, keo dậu (me dại), mơ lông, lá chè tươi (bã chè tươi sau khi pha nước uống, phơi khô cho ăn dần rất tốt)... các loại rau muống, bắp cải, su hào, hạn chế không cho ăn nhiều. Nếu thiếu các loại lá thân cao thì phải cho ăn các loại rau, nhưng phải rửa sạch và phơi tái trước khi cho ăn. Các loại rau cỏ, củ quả chứa nhiều nước hơn lá cây, cho thỏ con ăn dễ bị rối loạn tiêu hóa. Các loại rau cỏ mọc gần mặt đất thường dính nấm, mầm bệnh và trứng giun sán... cho thỏ con ăn dễ bị mắc bệnh và chết...

- Việc cai sữa thỏ con không đúng thời điểm sẽ rất có hại và gây chết hàng loạt. Nếu không tập cho thỏ con ăn thức ăn rau cỏ lá cây lúc còn bú mẹ thì khi cai sữa thỏ con sẽ ăn ngay rau cỏ lá cây (khác hoàn toàn với sữa mẹ), sẽ ăn ít hoặc bỏ ăn chất dinh dưỡng giảm sút. Đây là nguyên nhân chính thỏ con cai sữa ở tuần đầu chết nhiều hoặc chết hết, nếu không chết thì đàn thỏ cũng còi cọc, phát triển kém... Nếu thỏ giống thì phải loại thải vì năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi thỏ sẽ không cao...

- Muốn cai sữa sớm, cần phải tập cho thỏ con biết ăn sớm, khi thỏ con biết nhảy ra từ thùng đẻ, sức ăn của thỏ con sẽ tăng dần, thích nghi dần với thức ăn mới khi sữa được bú ít dần và hết hẳn. Lúc này thỏ mẹ nuôi ở lồng khác, thỏ con vẫn giữ lại lồng cũ và nuôi ở đây 10 – 20 ngày nữa mới xuất bán hay đem nuôi ở lồng khác. Thời gian này thỏ cai sữa cứng cáp hơn, hoàn toàn thích nghi với thức ăn mới khác hẳn với sữa. Cai sữa cho thỏ, là vấn đề then chốt, là bí quyết thành công trong chăn nuôi thỏ.

- Thỏ sau cai sữa, giai đoạn 30 – 90 ngày tuổi không nên nhốt nhiều con vào một lồng, thỏ thịt có thể nhốt 4 – 5 con/ngăn (0,3 – 0,4m2). Thọ hậu bị giống 2 con/ngăn (0,25 – 0,35m2),

không được nhốt chung thỏ cái với thỏ đực, vì ở tuổi này thỏ đã phát dục, lồng thỏ đực phải xa lồng thỏ cái, không để gần dù là ngăn riêng, nếu không sẽ có hại cho sinh trưởng, phát triển của thỏ do thường xuyên bị kích thích.

- Chuồng trại phải sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát... nếu không, ô nhiễm môi trường (khí CO2, NH3, bụi bẩn...) sẽ không có lợi cho hô hấp, tuần hoàn... thỏ sẽ hoạt động kém...

Có người cho rằng, nước tiểu của thỏ gây bệnh cùi cho người, nhưng thực tế chưa có cơ sở khoa học để chứng minh điều đó. (Nông nghiệp Việt Nam)

HỎI: Lợn nhà tôi ăn bình thường nhưng chậm lớn, lông xù, thi thoảng ỉa chảy. Cách khắc phục thế nào?

ĐÁP: Theo như mô tả thì lợn nhà bạn có thể bị thiếu vitamin A,D,E. Đây là ba loại vitamin 3 loại vitamin có tác dụng tăng tổng hợp các tế bào cho cơ thể tạo xương và phát triển cơ bắp.

Vitamin A có tác dụng kích thích tăng trọng, tăng sức đề kháng bệnh, chống rối loạn tiêu hóa, chống mù mắt, bảo vệ niêm mạc ruột. Vitamin A tham gia vào quá trình trao đổi Protein, Gluxit, Lipit, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, hệ thần kinh, tổng họp Protein cơ thể và nhiều hoạt chất có hoạt tính sinh học khác. Trong tổng hợp tế bào tuyến giáp trạng, tuyến tụy, tuyến thượng thận và niêm mạc mắt, hệ hô hấp, hệ bài tiết, chống sùng hóa da, chống còi xương, chống Stress. Nhu cầu tối thiểu là mỗi ngày 25 UI/kg thể trọng lượng. Thiếu vitamin A lợn sẽ bị suy nhược cơ thể, đi lại yếu, mất tính thèm ăn, chậm phát triển, lông xù. Lợn con thiếu vitamin A cơ thể bị động kinh, tiêu chảy, lợn nái bị sảy thai, lợn đực phối giống ít đậu thai.

Vitamin D có tác dụng chống còi xương, làm tăng tiếp thu canxi và phốt pho ở ruột non và làm tăng tích lũy chúng trong xương, điều tiết lượng canxi phốt pho từ xương vào máu và từ máu vào xương. Thiếu vitamin D làm cho lợn còi cọc, bại liệt và chậm lớn. Lợn con thiếu vi- tamin D biểu hiện chậm phát triển, đi đứng xiêu vẹo. Thiếu vitamin D gây mềm xương, sưng khớp xương, gầy còm, què, đôi khi đi kèm với bệnh thiếu canxi và phốt pho sẽ làm cho lợn nái hay bị động dục không đều, sảy thai, ít sữa, bại liệt sau khi sinh.

Vitamin E có tác dụng kích thích tăng trọng, có liên quan đến khả năng hấp thu khoáng Selen, chống ôxi hóa các chất béo không no và các chất Axitamin chứa lưu huỳnh như Xystein, Metionin, Triprofan, chống các trường hợp hoại thư và xuất huyết gan. Vitamin E ảnh hưởng đến chức năng sinh sản của gia súc, chống teo cơ, chống rối loạn đường, ảnh hưởng đến tổng hợp các Coenzim trao đổi axit Nuclêic. Đặc biệt vai trò quan trọng nhất vitamin E là chống ôxi hóa sinh học, chống ôxy hóa vitamin A và Croten.

Têm vitamin ADE cho lợn sẽ hồng hào, mượt da chống còi cọc, xù lông hay tiêu chảy ở lợn con. Tuy là chất kích thích tăng trọng cho lợn, nhưng nếu dùng không đứng liều lợn sẽ còi cọc, chậm lớn, kém ăn, phản lại tác dụng của thuốc, khi thừa via- min A sẽ làm cho gan bị phù gây biếng ăn, thừa vitamin A làm cho tăng canxi huyết, làm cho mềm xương gây bại liệt, nếu ta dùng loại Premix có chất lượng, đã có vitamin ADE trộn trong thức ăn theo tỷ lệ quy định. Hoặc dùng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh rồi thì không cần tiêm bổ sung vitamin ADE, chỉ cho tạm những lợn không được bổ sung Premix vitamin tổng hợp hoặc có bổ sung không thường xuyên.

Đối với các loại vitamin dạng tiêm hiện có trên thị trường, bà con nên lưu ý hàm lượng các vitamin có trong 1ml dung dịch. Ví dụ: Vitamin ADE tiêm trong 1ml dung dịch gồm vitamin A 500.000 UI, vitamin D 75.000 UI, vitamin E 500mg sẽ có hiệu quả tốt nhất. Liều lượng thuốc ADE này tiêm cho lợn thịt dưới 40kg là 0,5ml/con/tháng, lợn 40kg trở lên tiêm 1 ml/con/ tháng. Đối với lợn nái tiêm 2ml/ 1 con/tháng.

HỎI: Nhà cháu nuôi heo nái nhưng gần đây heo nái cắn con không chú bú, tại sao? Biện pháp điều trị? (Nguyễn Hải Nhi - Tiên Du, Bắc Ninh)

ĐÁP: Theo như cháu nói thì có thể lợn nái nhà cháu bị viêm vú. Bệnh này thường xảy ra sau khi đẻ 4 – 5 giờ trở đi.
Nguyên nhân:
- Do kế phát bệnh viêm tử cung, sót nhau sau khi đẻ.
- Do nhiễm trùng từ môi trường vào vú gây viêm (thường do răng nanh của lợn con làm xây xát núm vú và gây nhiễm trùng)
- Sau khi sinh hàm lượng canxi huyết mẹ quá thấp dẫn đến bị sốt sữa, viêm vú
Triệu chứng:
Sau khi lợn đẻ 2 ngày xuất hiện những vú sưng đỏ, thường thấy đối xứng giữa 2 hàng vú, sờ có

cảm giác nóng, ấn vào vú nái có phản ứng đau. Nếu viêm nặng thì nái bỏ ăn, không cho con bú, sốt 40,5 – 420C, vắt sữa ở những vú viêm thấy vón cục. Vú viêm lây sang các vú khác rất nhanh. Nếu trị không kịp thời, nái sẽ bị mất sữa và xơ hóa nang tuyến, mất khả năng tạo sữa. Trường hợp canxi huyết thấp dẫn đến bị sốt sữa thì tất cả các vú đều bị viêm, sưng đỏ
Phòng trị bệnh:
- Cắt răng nanh lợn con khi mới sinh
- Vệ sinh chuồng trại, vệ sinh bầu vú cho lợn nái sạch sẽ
- Bơm rửa tử cung sau khi lợn đẻ khoảng 5 – 6 lần, trong 3 ngày
- Thức ăn chất lượng tốt (tránh hiện tượng thiếu canxi)
Khi mắc bệnh có thể điều trị bằng cách:
- Chích kháng sinh Ampicilline: 10 mg/kg trọng lượng
- Tetramycine: 10 mg/kg thể trọng
- Septortryl: 1 cc/10 kg thể trọng
- Chlotetrasone: 1 cc/5 – 7 kg thể trọng
- Tylosyne (Tylan 50, Tylan 200): 7 mg/kg thể trọng.
- Gen ta – Tylo, Tylan Chloram
Có thể chích quanh gốc vú, liên tục trong 3 – 4 ngày.
- Chích thuốc kháng viêm như: Dexamethasone, Dectacyl, Hydrocortisol

HỎI: Tôi muốn hỏi về tất cả các kĩ thuật chăm sóc heo con (Xuân _ Phú Yên)

ĐÁP: Chăm sóc nuôi dưỡng lợn con theo mẹ

1. Thức ăn lợn con theo mẹ. Ngoài bú sữa, phải tập cho lợn con ăn sữa sớm.
Tuổi lợn con ăn sớm, để cai sữa sớm.
10- 20 ngày thì khối lượng thức ăn là 0,1- 0,15 kg
20- 30 ngày thì khối lượng thức ăn là 0,15- 0,25 kg
30- 45 ngày thì khối lượng thức ăn là 0,25- 0,35 kg
Cả ổ lợn từ tập ăn sớm đến cai sữa mất 25- 35 kg thức ăn. Để thâm canh tăng năng suất, tăng khối lượng cai sữa cả ổ, gia đình nên mua thức ăn concentrat của các Công ty gia súc và thức ăn chăn nuôi đóng sẵn về cho lợn ăn.
Thức ăn concentrat của lợn con tập ăn, bảo đảm trong 1 kg có:
Vitamin A: 10.000 UV Vitamin D3: 2000 UI
Vitamin E: 15 UI Chất kích thích sinh trưởng 40 mg
Lysin: 12,5g Methiomin: 8g
Thành phần gồm có: Bột đậu tương rang, bột sữa, bột cá nhạt, ngô rang, bột xương, premix vitamin, premix khoáng, biolizin.
Dinh dưỡng: Đạm thô: 20- 25%, Xơ thô: 4%, Can xi:1,2%, Độ ẩm: 13%, Photpho: 0,85%
Thường gia đình tự trộn không đảm bảo được đủ vitamin và nhất là không có lysine, methionin là hai axitamin quan trọng bậc nhất đối với lợn.

2. Chăm sóc nuôi lợn con theo mẹ

a. Lợn sơ sinh đến ngày tuổI thứ 7. Nếu số lợn con nhiều hơn vú mẹ, sau khi cho bú sữa đầu, chia làm hai nhóm để thực hiện cho bú luân phiên theo giờ. Hai ngày đầu cứ 2 giờ cho lợn con bú một lần, xong cho vào ổ ấm.
Chuồng nái đẻ, tháng đầu giữ nhiệt độ 25- 300 C, tháng thứ 2 có thể thấp hơn.
Tiêm dung dịch gluco 40% vào thành khoang bụng 5cc cho lợn nội, 100 cc cho lợn con lai, ngoại vì lợn con sau khi đẻ 3 ngày lượng gluco do lợn mẹ cung cấp đã thiếu mà chức năng điều chỉnh thân nhiệt lại chưa hoàn chỉnh, nên tiêu tốn gluco trong cơ thể. Vì vậy, phải cung cấp lượng gluco cần thiết cho tháng đầu sinh trưởng, nếu ngày tuổi tiêm đextran Fe loại 100 mg, mỗi lợn con tiêm 1 cc. Lợn sơ sinh mỗi ngày cần 7- 11mg Fe để tạo máu và chống đỡ bệnh tật. Chỉ có 5 ngày đầu lợn con đã sử dụng hết 55 mg Fe dự trữ do mẹ chuyển sang. Hàng ngày sữa mẹ cung cấp không quá 2 mg nên thiếu từ 5- 9 mg Fe để cấu tạo hemoglobin, một số enzim hô hấp, vận chuyển, hoá sinh chu trình Krebs; do đó lợn con thiếu máu, gày còm.
Nếu không có Dextran ngoại thì dùngDextran Fe nội, tiêm 2 lần(vào 2 ngày tuổI và 15 ngày tuổI), hoặc sử dụng dung dịch Mohan như sau:
Clorua sắt 34g; axit HCL 1ml
Đường ăn 100g; nước cất đủ để hoà tan thành 1000 ml
Đóng vào chai, cho lợn con uống 10 cc/ ngày/ 1con hoặc bôi lên vú mẹ cho lợn con liếm.
Hoặc dung urozat pha chế sẵn cho ăn uống.
Nếu nái kém sữa, lợn con khối lượng kém, tiếp tục tiêm dung dịch gluco 40% 10 cc cho lợn nội, 15% cho lợn lai, ngoại để giúp lợn con phát triển bình thường.
Tuyệt đối không rửa chuồng, chỉ quét dọn khô, thay ổ bẩn. Góc chuồng để gói vôi bột hút ẩm.
b. Lợn 8- 15 ngày tuổI
Tập cho lợn con ăn sớm bằng thức ăn giàu đạm, dễ thiêu (thức ăn concentrat cho lợn con tập

ăn sớm) trong ô riêng (không cho mẹ ăn). Lượng sữa của lợn nái tăng dần từ ngày để đầu và cao nhất vào ngày 21- 24, sau đó giảm dần. Bởi vậy, phải tập ăn sớm để lợn con tăng trọng tốt, chống được bệnh tật, đồng thờI giúp lợn mẹ không hao mòn cơ thể quá nhiều, ảnh hưởng đến kỳ sinh sản sau.
Tập cho lợn con ăn, có thể nấu chin thức ăn, quệt vào mõm lợn con tập liếm láp, dung con biết ăn để con khác ăn theo. Thức ăn cho vào máng. Ăn xong rửa máng, phôi chống ẩm ướt gây lên men thức ăn làm rốI loạn tiêu hoá, ỉa chảy, phân trắng. Ngày cho ăn 3- 4 lần.
Ngoài ra có máng để than hoạt tính (than củi) đã tán bột, gạch non tán bột, cacbontanin 3g/con để lợn con liếm láp them, bổ sung các nguyên tố vi lượng và các chất chống ỉa chảy.
Ngày thứ 15 tiêm dextran Fe lần 2 nếu lền đầu dung đextran Fe nộI, 1 cc vacxin/ 1lợn con.
c. Lợn con từ 20 ngày tuổi, đến cai sữa (45 ngày tuổi)
Tiêm 2- 3cc vacxin salmonella để phòng chống bệnh thương hàn
21 ngày tuổI, cân cả ổ để biết khả năng tiết sữa của lợn nái, thiến lợn đực, chọn gây hậu bị.
Tăng dần thức ăn tập ăn sớm, bắt đầu tách lợn con khỏi lợn mẹ ½ giờ 1 lần, 1 ngày từ 2- 3 lần.
25- 35 ngày: tách lợn con từ 3- 4 lần/ ngày; ½ giờ/ lần
36- 40 ngày: tách lợn con từ 4-5 lần/ ngày; ½ giờ/ lần
41- 44 ngày: tách lợn con từ 5- 6 lần/ ngày; ½ giờ/ lần
45 ngày: cai sữa sớm, để cả ổ tại chuồng, đuổi lợn mẹ đi. Cả mẹ và con nhịn đói 24 giờ nhưng đảm bảo đủ nước. Lợn nái tiêm 5cc vitamin AD3E để phục hồi nhanh chóng phục hồi dục lại. Lợn con cân cả ổ và từng con. Tiêm phòng vacxin dịch tả lợn.

Chăm sóc thời kỳ lợn chửa:

- Thời gian lợn động đực từ 3-4 ngày (con động đực lần đầu 5-6 ngày). Cho lợn giao phối hoặc thụ tinh vào những ngày về cuối lợn thường đẻ nhiều con và nhiều con đực hơn.

Thời gian lợn mang thai là: 3 tháng 3 tuần 3 ngày (tính 1 tháng tròn 30 ngày), trước lúc lợn đẻ và sau khi đã đẻ một tháng, thời gian này phải cho lợn ăn tốt hơn, đủ chất, đủ lượng hơn các tháng khác. Thỉnh thoảng cho lợn ăn thêm một số thức ăn như cua đồng, tôm tép, hoặc cá tạp để đề phòng lợn mẹ bị bại liệt. Nếu lợn đẻ nhiều con quá phải loại bớt. Thường để nuôi tính theo trọng lượng của lợn mẹ tỷ lệ 10kg/1con, ví dụ: Lợn mẹ có trọng lượng khoảng 100kg cần đề lợn con là 10 con là vừa.

Chăm sóc lợn con:

Cần nắm đúng thời gian lợn đẻ để chăm sóc hỗ trợ. Lợn thường đẻ vào ban đêm, thời gian đẻ khoảng 2 tiếng đồng hồ, nên người phải có mặt để lợn con ra được con nào thì lấy giẻ lau sạch cho con đó, nhất là váng nhầy ở mũi và miệng, đề phòng ngạt thở. Đồng thời phát hiện con nào có răng nanh thì dùng kìm bấm răng đó đi, để khi lợn con bú không làm lợn mẹ đau vú (có trường hợp lợn mẹ đau vú là do răng nanh của lợn con gây nên, nên lợn mẹ không cho bú cả đàn) làm hỏng đàn lợn.

Phòng và chữa bệnh cho lợn con:

Nếu nền chuồng bị ẩm ướt và không được sạch sẽ, nhất là về mùa mưa thì lợn con dễ bị mắc bệnh ỉa chảy, như bệnh ỉa phân màu trắng sữa rất thối. Cần phải nhỏ thuốc phòng lúc lợn mới đẻ mỗi con khoảng 14-15 giọt thuốc đặc trị như SFECTINOMCIN sáng và chiều, hai lần trong một ngày là được.

Lợn con 25 ngày hoặc 1 tháng tuổi đã bắt đầu tập ăn. Những ngày đầu nên nấu cháo loãng thêm một ít đường để lợn con ăn có cảm giác ngọt như sữa mẹ, lợn sẽ ăn được nhiều hơn.

Khi lợn ăn ngày càng được nhiều cần bổ sung thêm thức ăn cám con cò, có thể 30gam đến 50gam cho một con 1 ngày (tăng dần theo thời gian).

Sau 2 tháng tuổi lợn con đạt trên 10kg con. Lúc này tách khỏi lợn mẹ và đã có thể xuất chuồng, để lợn mẹ động đực lại và mang chửa lần khác. Thời gian này cần chú ý, nếu lợn con ỉa phân nhão có thể bị giun sán cần phải tiêm hoặc cho uống thuốc tẩy giun để chống lợn bị còi cọc, chậm lớn.

HỎI: Xin cho biết cách bảo quản trứng gà, vịt mà không cần cho vào kho lạnh? (Nguyễn Kim Huệ - số 7 ngõ Tản Đà, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Tây)

ĐÁP:

2. Đế trứng cùng với các loại lương thực phụ như đậu tương, đậu đen... trứng cũng có thể để

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

được trong một thời gian dài mà không bị hỏng.

3.Hòa tan 1 kg dung dịch_ silicat na tri vào 9 lít nước sôi, sau đó để nguội rồi đổ vào bình đựng trứng gà. Mặt nước phải cao hơn trứng từ 5 cm trở lên dùng bìa bịt kín miệng bình rồi để vào nơi râm mát, thông gió. Với cách này, mùa hè bảo quản được trứng trong 2-3 tháng.

4. Rải một lớp trấu khô và sạch vào đáy thùng đựng, cứ một lớp trấu trải 1 lớp trứng đến khi đầy tháng sau cũng dùng bìa bịt kín miệng thùng để vào nơi râm mát. Nếu không có trấu thì thay bằng mùn cưa gỗ thông hoặc tro bếp. Cứ khoảng 20 ngày hoặc 1 tháng mở thùng ra kiểm tra và lật trứng.

5. Cất trứng vào trong bã chè đã phơi khô, để nơi thoáng mát.

6. Vào mùa hè nóng nực nếu cho trứng gà vùi vào trong vại muối, trứng cũng bảo quan được lâu.

7. Để trứng mới (trứng còn lành lặn chưa bị dập vỡ) vào trong vò hoặc bình sạch khô, đổ nước vôi có nồng độ 2-3% vào bình, nước phải cao hơn trứng 20-25 cm, với cách này trứng giữ được lâu hơn 3-4 tháng. Để vò (bình) vào nơi thoáng mát không để nơi có mặt trời chiếu vào hoặc nơi ẩm ướt.

8. Trứng gà vừa mới mua về nên dùng nilông giữ tươi hoặc loại giấy bóng dùng để nướng thức ăn bọc trứng lại, như vậy trứng cũng để được trong một thời gian dài.

9. Sau khi mua trứng gà về, dùng khăn ướt lau qua trứng 1 lượt rồi để trứng vào tủ .lạnh (để dựng quả trứng lên), đầu to của trứng hướng lên trên như vậy cũng để được khá lâu.

10. Không nên để lẫn trứng với gừng và hành tây, bởi như vậy trứng sẽ bị hỏng rất nhanh.

HỎI: Dê giống chất lượng cao, ở đâu bán giống, giá bao nhiêu?

ĐÁP:

- Dê Bách Thảo: Nguồn gốc từ Ấn Độ đã được nhập vào nước ta hàng trăm năm nay. Dê Bách Thảo có màu lông đen loang, sọc trắng, tai to cụp xuống, trọng lượng sơ sinh 2,6 – 2,8kg, 6 tháng 20 – 22kg, trưởng thành dê cái 40 – 50kg, dê đực 70 – 80kg, khả năng cho sữa 1,0 – 1,5kg/ngày với chu kỳ cho sữa trung bình 150 ngày, tuổi phối giống lần đầu 7 – 8 tháng, đẻ 1,7 con/lứa và 1,8 lứa/năm...

- Dê Jumnapari: Dê Beetal; dê Barbari: Nguồn gốc từ Ấn Độ được nhập vào nước ta những năm 1990.

- Dê Alpine: Là giống dê sữa ở vùng núi Anpine của Pháp. Dê Alpine nhập vào nước ta bằng tinh cọng rạ để lai tạo với dê trong nước cho kết quả tốt và năm 2001 Trung tâm Nghiên cứu dê và thỏ thuộc Viện Chăn nuôi quốc gia đã nhập thêm một số con giống để nhân thuần thăm dò khả năng thích nghi, kết quả rất khả quan.

- Dê Saanen: Dê sữa Thụy Sĩ nuôi nhiều ở các nước châu Âu. Dê Saanen cũng nhập vào nước ta bằng tinh cọng rạ để lai tạo với dê trong nước cho kết quả tốt và năm 2001, tỉnh Ninh Thuận đã nhập thêm một số con giống nuôi thử nghiệm để theo dõi khả năng thích nghi, kết quả cũng rất khả quan.

Năm 2002, Trung tâm Nghiên cứu dê và thỏ thuộc Viện Chăn nuôi quốc gia đã nhập thêm một số dê giống chất lượng cao từ Mỹ như: Saanen, dê Alpine, Boer... nuôi thử nghiệm để theo dõi khả năng thích nghi, kết quả các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật đều rất khả quan.

Dê Saanen và dê Alpine là hai giống dê sữa, có khả năng cho sữa trên 5kg/ngày, là hai giống dê có khả năng cho sữa cao nhất từ trước đến nay.

Dê Boer là giống dê chuyên dụng thịt, có nguồn gốc từ châu Phi, nay được nuôi nhiều ở Mỹ và nhiều nước trên thế giới. Dê có màu lông trắng nâu, có vòng lông nâu ở cổ và đầu, sinh trưởng, phát triển nhanh, cơ bắp phát triển mạnh, trọng lượng sơ sinh 4 – 5kg, 1 tháng đạt 10-12kg, 3 tháng đạt 24 – 25kg, trưởng thành dê cái 80 – 100kg, dê đực 140 – 150kg. Đây là giống dê có khả năng cho thịt cao nhất từ trước đến nay.

+ Địa chỉ bán dê giống chất lượng cao:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Trung tâm Nghiên cứu dê và thỏ, thuộc Viện Chăn nuôi quốc gia. Địa chỉ: Sơn Tây – Hà Nội. ĐT: 034838341 – 0913322320. Giá cả tùy theo giống, cấp loại và độ tuổi...

HỎI: Tôi muốn mua thỏ đực giống ở đâu (ở tỉnh Tiền Giang) và giá cả như thế nào? xin cám ơn !(Nguyễn Văn Kim Trường - 7/7A Tân Hòa Đông ,F14,Q6,TPHCM)

ĐÁP:

Phước Thể- Tuy Phong- Bình Thuận

Điện thoại Văn phòng giao dịch: (08)8532264

HỎI: Kính gởi chương trình ! Hiện nay tôi muốn tham khảo về tình hình chăn nuôi dê ở các huyện phía nam như thế nào? Điều kiện ở Long An có thể phát triển chăn nuôi dê cừu được không ? Thị trường đầu ra của ngành chăn nuôi dê hiện nay như thế nào ? Rất chân thành cảm ơn cho tôi được biết những thông tin trên. (luong le gia hy - Tân An, Long An)

ĐÁP:

về lâu dài, thị trường dê vẫn còn hấp dẫn. Bạn nhấn vào đây để hiểu rõ hơn về tình nuôi dê hiện nay.

HỎI: Tôi muốn nuôi lợn giống và lợn thịt, xin cho biết kỹ thuật nuôi và nơi liên hệ để mua giống và thức ăn. Nguyễn Văn Đoài (Hưng Tây, Hưng Nguyên, Nghệ An)

ĐÁP: Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt
Nguồn: Nông Nghiệp Nghệ An
Mục đích yêu cầu:

+ Nuôi lợn thịt phải đạt được những yêu cầu sau đây:

- Có tốc độ sinh trưởng phát triển nhanh: 600-700g/ngày.
- Tiêu tốn thức ăn thấp, tốt ít công chăm sóc nuôi dưỡng.
- Phẩm chất thịt tốt (có tỷ lệ nạc trên 50%).

Chọn lợn nuôi thịt:

Tiêu chuẩn chọn:

- Lợn con cai sữa 28-35 ngày tuổi có trọng lượng 7-8 kg trở lên hoặc lúc 2-3 tháng tuổi đạt 16-20kg trở lên.

- Mình dài cân đối, lưng thẳng, mông tròn, bụng thon gọn, chân thanh, thẳng, chắc.

- Nếu lợn đứng co rúm, bụng cóc, đít nhọn là lợn còi hoặc có bệnh.

- Nhanh nhẹn, mắt tinh sáng, ham hoạt động, hay chạy nhảy, khỏe mạnh (lợn bệnh thường chậm chạp, ngơ ngác) phàm ăn, phân dẻo có khuôn, cơ thể không dị tật.

-Da mỏng, hồng hào (da dày, nổi gai ốc, sần sùi là lợn có bệnh, nuôi chậm lớn).

Tiêu chuẩn, khẩu phần ăn

Chế độ cho ăn theo các giai đoạn.

- Từ 18- 80kg cho ăn tự do (thỏa mãn nhu cầu của lợn)

- Từ 81-100kg cho ăn hạn chế với mức ăn bằng 85% của mức ăn tự do, mục đích tăng tỷ lệ nạc, giảm chi phí thức ăn.

Kỹ thuật chăm sóc:

- Ngày cho ăn 3-4 bữa vào các thời gian 6 giờ sáng, 11 giờ, 17 giờ, có thể cho ăn bữa tối lúc 20

giờ.

- 2-3 ngày cần tăng dần khối lượng thức ăn, cho lợn ăn hết khẩu phần tránh để thức ăn thừa trong máng. (nên dùng máng ăn tự động).

- Cọ rửa máng sạch sẽ trước khi cho ăn.

- Thường xuyên có nước sạch trong vòi uống tự động.

Thú y đối với lợn thịt:

- Trước lúc vào nuôi: Phải tiêm phòng các loại vác xin dịch tả, tụ dấu, phó thương hàn và tẩy giun sán.

- Thường xuyên theo dõi phát hiện lợn ốm, nếu lợn ốm phải nuôi cách ly phòng ngừa lây lan bệnh .

- Sau mỗi lần xuất lợn, chuồng phải cọ rửa, phun thuốc sát trùng để trống từ 3-5 ngày trước khi vào nuôi lứa lợn mới.

- Nhiệt độ thích hợp.

+ Lợn 18 - 30kg : 20- 220C
+ Lợn 30 - 100kg : 15- 160C

Chuồng nuôi:

Ô chuồng lợn choai, lợn thịt.

- Các ngăn bằng song sắt 8, khung vách ngăn dùng sắt 14- 16, khoảng cách giữa các chắn song 10 cm, cao 80cm.

- Nền chuồng bê tông, chắc chắn, độ dốc 3-5% hoặc sàn chuồng có lót tấm đan bê tông (có khe hở) có chiều dài: 1,2 - 1,3 m và 0,7 - 0,8m (theo chiều rộng 2 m) làm bằng tấm song sắt 10, có khoảng cách các chắn song 1,4cm , đặt cách mặt nền 0,3 - 0,4 m.

- Máng ăn: Đặt máng ăn tự động giữa 2 ô chuồng, hoặc máng ăn bằng bê tông theo chiều dài của chuồng (3m) nếu nền chuồng làm láng xi măng hoặc lát gạch.

- Yêu cầu diện tích chuồng nuôi:

+ Kích thước: 2 m x 3m
+ Lợn 2-3 tháng tuổi yêu cầu : 0,4 m2 /con
+ 3-5 tháng tuổi yêu cầu : 0,8 m2/ con
- Định mức lao động: 1 lao động chăn nuôi : 400 con.

HỎI: Bò nhà tôi đẻ ra một con bê rất đẹp, bò mẹ rất nhiều sữa, bê bú sữa bình thường nhưng đã 10 tháng rồi mà gầy ốm, còi cọc chỉ có da bọc xương. Lông bê xù ra, vùng trước họng, ngực bị phù thũng, có lúc táo bón, ỉa chảy... Xin quý báo cho biết bê bị bệnh gì và cách điều trị?

(Lê Thị Thư thôn 1 xã Thuận Hòa, Hàm Thuận Bắc- Bình Thuận)

ĐÁP: Theo như triệu chứng của con bê này thì có rất nhiều nguyên nhân làm cho bê gầy ốm, còi cọc. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là các bệnh do ký sinh trùng gây nên như bệnh sán lá gan, giun đũa, giun xoăn... Dạng bê từ 8 – 12 tháng tuổi thường hay gặp là bệnh giun xoăn dạ múi khế. Theo chúng tôi bà nên tham khảo về căn bệnh giun xoăn dạ múi khế của bê để phòng và điều trị sẽ có hiệu quả.

Nguyên nhân: Bệnh giun xoăn dạ múi khế do giun xoăn Hacmonchus Contortus và Mecistocirus Digitatus gây ra, bệnh gặp phổ biến ở bê dưới một năm tuổi. Nguyên nhân chủ yếu là do giun xoăn cư trú ở dạ múi khế của bê (dạ dày tuyến) và ruột non, giun xoăn có chiều dài từ 1,5 – 3cm. Cũng nên biết là bê có dạ dày 4 túi (dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế). Giun cái đẻ 1 ngày 5000 – 10.000 quả trứng, trứng theo phân ra ngoài gặp điều kiện khí hậu thuận lợi nở ra ấu trùng. Các vùng cỏ ẩm thấp, các vũng nước tù đọng, bẩn là nơi chứa và truyền ấu trùng cho bê thông qua thức ăn, nước uống. Ấëu trùng vào cơ thể theo đường tiêu hóa miệng, thực quản xuống dạ dày và từ 2 –3 tuần nở thành giun.

Triệu chứng: Giun xoăn tụ tập từng búi ở dạ múi khế và ruột non để hút chất dinh dưỡng của bê. Chúng bám chắc và chọc thủng niêm mạc dạ dày, làm vỡ mao mạch để hút máu, đồng thời nó tiết ra độc tố làm cho bê gầy ốm, còi cọc dần, bê bị phù thũng vùng trước họng và ngực. Phân bê táo bón, đôi khi bị ỉa chảy xen lẫn nhau theo chu kỳ. Khi số lượng giun bị nhiễm trên 1.000 con thì triệu chứng càng thể hiện rõ hơn. Đặc biệt ở mùa khô do thiếu thức ăn, nước uống thì bê trở nên suy dinh dưỡng và bị chết hàng loạt.

Phòng bệnh: Tuân thủ quy trình chăn nuôi nghiêm ngặt, vệ sinh thức ăn, nước uống sạch sẽ. Cho bò ăn khu đồng cỏ sạch, không ẩm thấp, không cho uống nước tù đọng, ủ phân để tiêu diệt trứng giun.

Điều trị: Dùng 1 trong các loại thuốc sau: Levamisol tiêm bắp 1ml/10kg trọng lượng cơ thể, Tayzu tiêm 1g/10kg trọng lượng cơ thể. Menbendazol 8 – 10g/100kg trọng lượng cơ thể. Định kỳ 6 tháng/lần tẩy giun cho gia súc bằng một trong các loại thuốc nêu trên. (Báo Nông nghiệp Việt Nam)

HỎI: Tôi đang nuôi thỏ giống nhưng không có tài liệu hướng dẫn kĩ thuật. Xin cho tôi biết một số thông tin về kĩ thuật chăn nuôi thỏ (Trần Văn Anh Lan - 38 Trần Huỳnh, TX Bạc Liêu)

ĐÁP: Thỏ là gia súc có nhiều ưu thế: không ăn lương thực của người, đẻ khỏe, phát triển nhanh, sản phẩm lại có giá trị tiêu dùng và xuất khẩu. Thỏ thuộc bộ gậm nhấm (Rodentia), trên thế giới có rất nhiều giống như: Thỏ trắng khổng lồ Bauxcat và Flandra (Pháp) trọng lượng 6,5 – 6,8 kg, Thỏ trắng Belie (Pháp), Thỏ trắng Nga (lớn và nhỏ), Thỏ Tân Tây Lan trắng, Thỏ California (Mỹ), Thỏ Chinchila (Anh)... Riêng tại Việt Nam, hiện nay không còn giống thỏ thuần, phần lớn bị lai tạp, chỉ có 3 giống chính là: thỏ trắng Tân Tây Lan - Việt Nam (nhập từ Hungari (1978)), thỏ xám Việt Nam, thỏ đen Việt Nam.

Người nuôi thỏ cần lưu ý thỏ là loại gia súc nhạy cảm với các tác nhân ngoại cảnh; khả năng thích ứng với môi trường mới của cơ thể cũng rất kém. Vì vậy khi thay đổi đột ngột nơi nuôi nhốt, thức ăn, thời tiết khí hậu ... đều dễ làm thỏ mắc bệnh hoặc chết đột ngột do sự mất cân bằng sinh học trong cơ thể.

Kích thước lồng nuôi thỏ 40 – 50 cm x 90 cm x 60 cm, làm bằng vật liệu dễ kiếm, rẻ tiền như tre nứa hoặc sắt thép. Lồng được đặt ở nơi thoáng mát, không khí lưu thông, sạch sẽ. Không nên đặt chuồng thỏ ở nơi (đã) nuôi heo, gà .. vì dễ ngột ngạt và hôi thối.

Chọn giống: Khi chọn giống lưu ý các chi tiết sau:
Tỷ lệ thụ thai đạt trên 70%, phối giống được 8 lần và đẻ được 5 – 6 lứa trong 1 năm.
Số con sơ sinh sống sau 15 giờ phải đạt 6 con trở lên.
Tỷ lệ nuôi sống từ sơ sinh đến cai sữa (30 – 35 ngày) phải trên 80%.
Loại thải giống khi các chỉ tiêu sinh sản kém, lập lại 2 – 3 lần và mắc bệnh tật lâu ngày không khỏi, thể lực gầy yếu.

Thức ăn:
Thức ăn thô xanh: thỏ ăn được rất nhiều loại lá cây và quả củ. Tuy nhiên, vấn đề vệ sinh thức ăn cần được lưu ý: thức ăn thô xanh cần rửa sạch bằng nước giếng hoặc nước máy. Các loại củ quả nên cắt thành miếng nhỏ, khoai tây nên luộc chín (để phòng chất độc khi củ khoai tây mọc mầm).

Bệnh thường gặp ở thỏ
Bệnh chướng hơi đầy bụng, đau bụng ỉa chảy, viêm ruột truyền nhiễm, cầu trùng, viêm mũi, tụ huyết trùng, tụ cầu trùng, viêm tuyến sữa, viêm núm vú, ghẻ, nấm da, bại liệt, cảm nóng, viêm kết mạc mắt.

Khai thác:
Ngoài việc ăn thịt, lông là da thỏ là sản phẩm rất có giá trị. Khi nuôi thỏ lấy da, người nuôi thỏ cần chú ý đến kỹ thuật lột da, thuộc da để nâng cao hiệu quả của việc chăn nuôi.

Bạn có thể xem thêm kĩ thuật nuôi thỏ ở trang trước chúng tôi đã trả lời

HỎI: Sử dụng vitamin cho heo thịt như thế nào?

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

ĐÁP: **Việc chích ngừa vitamin A, D, E cho heo thịt có tác dụng kích thích sinh trưởng và tăng trọng. Vì vitamin A, D, E là 3 loại vitamin có tác dụng kích thích tổng hợp các tế bào cho cơ thể, tạo xương và phát triển bắp. Chích ngừa vitamin A, D, E heo sẽ hồng hào, láng mướt da, mau lớn, chống còi cọc, xù lông hay tiêu chảy ở heo con...**

Tuy nhiên, nếu chích ngừa không đúng liều sẽ phản tác dụng làm cho heo kém ăn, còi cọc, chậm lớn... Bởi vì thừa vitamin A làm cho gan bị phù, tiết dịch vị kém gây biếng ăn; thừa vitamin D làm tăng calci huyết, làm mềm xương gây bại liệt; thừa vitamin E sẽ hạn chế quá trình sinh sản của heo. Vì vậy, nếu đã dùng Premix sinh tố có ADE trộn vào thức ăn theo tỉ lệ quy định thì không được chích bổ sung vitamin A, D, E. Chỉ nên chích vitamin A, D, E cho heo không được bổ sung Premix sinh tố hoặc có bổ sung nhưng không thường xuyên.

Với những loại vitamin A, D, E dạng chích hiện nay đang sử dụng trong thú y, loại 1ml vitamin A có 500.000UI, D có 75.000UI, E có 50UI, có thể chích cho heo theo quy trình sau:

Tháng thứ nhất trọng lượng từ 15-25kg chích 0,5ml/con.

- Tháng thứ 2 trọng lượng từ 25-40kg chích 0,5ml/con.

- Tháng thứ 3 trọng lượng từ 40-60kg chích 1ml/con.

- Tháng thứ 4 trọng lượng từ 60-80 chích 1ml/con.

- Tháng thứ 5 trọng lượng từ 80-100kg chích 1ml/con.

HỎI: Nhờ các anh chị tư vấn: 1. Nhà có ao rộng 100m2. 2. Có thể nuôi loại cá nào: + dễ nuôi, dễ tiêu thụ, hiệu quả kinh tế chấp nhận được. 3. Gia đình đang có ý định nuôi cá chép, trôi, trắm ... nếu có thể nhờ các Anh, chị tư vấn giúp và gửi theo địa chỉ trunghnpc@yahoo.com. Xin cảm ơn (Chu Vinh - Bắc Giang)

ĐÁP: **Diện tich ao 100m2 qúa nhỏ nên chỉ nuôi được cá rô phi từ 200 -250 con/100m2,có thể nuôi thêm vài con cá chép và cá trôi. Nếu nuôi cá trắm thì dễ bị bệnh vì diện tích ao quá nhỏ. Nhưng nếu chuyển sang nuôi ếch thì cũng được.**

HỎI: Gia đình tôi nuôi hơn một chục con dê lấy sữa. Hiện nay có một con bị hiện tượng bầu vú sưng to, 4- 5 ngày bầu vú sưng tấy đỏ, bây giờ tím bầm. Sữa tiết ra có màu vàng đục, lẫn những vệt máu đỏ, mùi sữa hôi. Lấy tay bóp nhẹ vào bầu vú thấy cứng, dê mẹ tỏ ra rất đau, giãy mạnh, dê bỏ ăn. Năm ngoái trong đàn có một con cũng bị như vậy, chúng tôi lấy khăn nóng chườm bầu vú cho dê thì khỏi, lần này cũng làm như vậy nhưng không khỏi. Xin hỏi đó là bệnh gì và cách phòng chữa.

Bùi Thị Dự (Hoà Bình)

ĐÁP: **Từ câu hỏi của bạn, chúng tôi có thể khẳng định, con dê nhà bạn bị mắc bệnh viêm vú do nhiễm các tụ cầu khuẩn và liên cầu khuẩn. Năm trước bạn chữa bằng cách chườm khăn nóng khỏi vì lúc đó dê mới bị nhẹ. Hiện nay con dê của bạn bị mắc bệnh nặng hơn. Việc làm bây giờ, bạn cần bỏ sữa không dùng, không cho dê con bú sữa này vì có nguy cơ lây nhiễm sang dê con. Nguyên nhân của bệnh có thể do chuồng trại kém vệ sinh; thao tác vắt sữa không đúng kỹ thuật, tác động cơ học mạnh vào vú dê, làm tổn thương bên trong tiến tới bị viêm nhiễm, hoặc có thể do bầu vú dê bị cọ sát vào vật cứng trong chuồng hay khi chăn thả, sau đó bị nhiễm vi khuẩn gây bệnh. Với bệnh này, có thể phòng và chữa trị như sau.**

Phòng bệnh: Chuồng nuôi cần được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên, khô ráo, thoáng; trước khi vắt sữa cần dùng khăn sạch lau khô bầu vú, núm vú, vắt sữa đúng kỹ thuật, kiểm tra loại bỏ các vật cứng có khả năng gây sây sát bầu vú dê trong chuồng nuôi. Đối với những con dê sắp đẻ hay đang tiết sữa không nên chăn thả để tránh sây sát bầu vú.

Chữa trị: Có thể dùng cao tan thuốc nam dán vào chỗ sưng viêm, mỗi ngày thay một lần. Hàng ngày vắt bỏ sữa trong bầu vú 3 lần, chườm bằng nước nóng. Bị nặng dùng kháng sinh tetracycline tiêm vào sữa qua cửa mở của núm vú. (Ban Tư vấn KHKT)

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

HỎI: Tôi muốn lập 1 trại nuôi bò lấy thịt ở H.Bình Chánh TP HCM. Xin cho hỏi tôi có thể mua bò con ở đâu? Giá mua khoảng bao nhiêu ? Xin cảm ơn (Tran Chi Cuong - Q.7 -TP HCM)

ĐÁP: Vì ở TP HCM nên bạn có thể tham khảo giá và mua bò tại - ông Lê Hoàng Tùng – cư ngụ ở quận 1, TPHCM và đang là chủ một trang trại ở xã Minh Đức, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước. Hiện ông đang thực hiện lai ghép, tạo ra những giống bò mới có chất lượng cao để cung cấp cho các trung tâm giống ở nhiều tỉnh.

HỎI: Tôi muốn mở trang trại nuôi thỏ, xin cho biết nơi cung cấp thỏ giống chất lượng cao, nuôi tăng trọng nhanh, mắn đẻ và kỹ thuật nuôi ra sao? Tôi nghe nói co giống thỏ lai của Đức, vậy nêu có xin cho biết địa chỉ bán giống. Chân thành cám ơn.(Lê Văn Duyên - Phường Mỹ Long - Long Xuyên - An Giang)

ĐÁP: Nuôi thỏ thì chỉ cần vài trăm ngàn, thức ăn dễ kiếm, đa số tận dụng rau xanh, lương thực trong nhà, chi phí cho chuồng trại, thuốc phòng bệnh, công chăm sóc cũng không cao. Đàn thỏ nái giống lai Đức rất mắn đẻ. Sau khi "vượt cạn" 2 - 3 ngày thỏ mẹ lại đòi "đực", nó có thể vừa nuôi con mọn, vừa mang thai.

Chọn giống: Trước hết phải chọn lọc con giống từ các cơ sở giống tốt và ổn định:

- Thỏ giống phải có tính dục hăng hái, nhanh nhẹn, lông bóng và nhiều, to con, dài đòn, ngực sâu và nở, lưng rộng, mông, đùi nở nang, không đồng huyết...

- Tỷ lệ thụ thai trên 70%, phối giống 8 lần và đẻ được 5-6 lứa/năm, mỗi lứa 6-7 con.

- Tỷ lệ nuôi sống từ sơ sinh đến cai sữa trên 80% (mỗi lứa cai sữa trên 5-6 con), thích nghi tốt, khoẻ mạnh, không bệnh tật, tăng trọng nhanh (bình quân 30gr/con/ngày)...

Phối giống: ở cơ sở nhân giống thương phẩm, cho con cái phối giống 2 lần với 2 con đực khác nhau, đực trẻ phối trước, đực già phối sau, cách nhau khoảng 4-6 giờ. ở cơ sở nhân giống thuần chủng, phối lặp lại với một con đực, cách nhau 4-6 giờ.

Phải bắt thỏ cái động dục đến chuồng thỏ đực, nếu làm ngược lại thì thỏ đực không chịu phối hoặc phối nhưng kết quả không cao.

Thỏ hay có hiện tượng chửa giả, chậm sinh và vô sinh: Khi thỏ động dục, nếu có những tấc nhân làm hưng phấn... đều kích thích trứng rụng, hình thành quá trình điều tiết hooc-mon ở cơ quan sinh dục cái, cản trở kỳ động dục tiếp theo và thỏ cái biểu hiện như chửa thật. Muốn biết được thỏ chửa thật hay chửa giả thì phải khám thai, sau khi phối giống 12 ngày.

Trường hợp chậm sinh và vô sinh, lâu ngày không động dục hoặc phối giống nhiều lần mà không có thai, có rất nhiều nguyên nhân:

Thỏ đực, chưa thành thục về tính dục, già yếu hay bệnh tật... tính dục kém

- Thỏ cái, cơ quan sinh dục bị bệnh về tử cung, buồng trứng, rối loạn nội tiết (hooc-mon)...

- Thức ăn kém dinh dưỡng nhất là đạm, khoáng và sinh tố... hoặc do khẩu phần thức ăn quá đơn điệu, thỏ mập quá hay ốm quá...

- Nuôi dưỡng kém, chật chội, nóng nực, ẩm thấp, tối tăm, mưa tạt gió lùa.

Tất cả đều ảnh hưởng đến khả năng sinh sản của thỏ, nếu do môi trường hoặc chăm sóc nuôi dưỡng có thể khắc phục được, còn nếu do bệnh tật thì nên loại thải sớm.

Chuồng nuôi và ổ đẻ:

Chuồng nuôi: Phải bảo đảm thông thoáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông, tránh mưa tạt, gió lùa, quét dọn vệ sinh dễ dàng, cách xa chuồng heo, chuồng gà.

Qui cách chuồng phù hợp nhất là khối hộp chữ nhật, dài 90cm, rộng 60cm, cao 50cm, có thể chia làm 2 ngăn, mỗi ngăn có khay lưới đựng thức ăn thô xanh, máng đựng thức ăn tinh, máng đựng nước cho thỏ, kích thước vừa phải, bảo đảm vệ sinh và không hư hao. Mỗi ngăn nuôi 5- 6 con thỏ thịt, 2 con hậu bị hoặc 1 con sinh sản. Chuồng có thể làm 1 tầng hoặc 2 tầng, 1 tầng thì nắp mở mặt trên, 2 tầng thì cửa mở phía trước, dưới đáy tầng trên phải có khay hứng phân.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Ổ đẻ: Kích thước vừa phải, dài 50cm, rộng 35cm, cao 20cm, mặt trên có nắp đậy, một nửa cố định, một nửa làm cửa cho thỏ ra vào. 1- 2 ngày trước khi đẻ thỏ mẹ vào ổ nhổ lông bụng trộn với đồ lót để chuẩn bị đẻ. Cho nên, phải đặt ổ đẻ vào chuồng khi thỏ mang thai được 27-28 ngày và lấy ra khi thỏ con trên 20 ngày(KS. Đặng Tịnh)
-Địa chỉ mua thỏ giống: Trại giống của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Sơn Tây - Hà Tây)
Bạn có thể tìm mua thỏ giống lai Đức tại Trung tâm Nghiên cứu Giống dê và thỏ (Địa chỉ: Thị xã Sơn tây, Hà tây Tel: 034 838 341, Fax: 034 838 889) .
HỎI: Xin cho biết mua giống nhím ở đâu? Cách nuôi như thế nào? (Phạm Huy Định - ấp Núi Voi, xã Núi Voi, huyện Tịnh Biên,An Giang)

ĐÁP: Nhím là loài vật dễ nuôi, ít dịch bệnh, yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng cũng rất đơn giản.
Chuồng nuôi
Chuồng nuôi nhím nên làm nửa sáng nửa tối, không cần ánh sáng trực tiếp, tránh mưa tạt và nắng nóng, bảo đảm khô sạch, thoáng mát. Nền và sân chuồng làm bằng bê tông dày 8-10cm, nghiêng khoảng 3-4%, để thoát nước và để nhím không đào hang chui ra... Xung quanh khu chuồng rào bằng lưới thép B40, cao trên 1,5m.
Nên làm hang giả cho nhím ở bằng loại ống cống phi 50-60cm hoặc tôn uốn cong, để nổi trên nền chuồng để vệ sinh, sát trùng...
Máng uống rộng khoảng 20-25cm, cao 20-25cm, để nhím không ỉa đái vào và xây máng ở ngoài sân để nước vung vãi ra không làm bẩn, ướt nền chuồng.
Trong chuồng nên để một vài khúc gỗ, sắt hoặc đá liếm để nhím mài răng và không cắn phá chuồng.
Diện tích chuồng nuôi nhím không cần rộng lắm, trung bình 1m2/con.
Thức ăn
Thức ăn của nhím rất đa dạng như: dễ cây, mầm cây, rau, củ, quả ngọt bùi, đắng, chát...
Bình thường nhím ăn 2kg thức ăn/con/ngày. Nhưng khi nhím đẻ cần bổ sung thêm thức ăn tinh nhiều chất đạm, chất béo, chất bột, đường... để nhím con mau lớn, nhím mẹ đỡ mất sức, vì vừa phải tiết sữa nuôi con vừa mang thai. Thức ăn cho nhím cần bổ sung thêm mầm, rễ cây các loại, nhím đực sẽ phối giống hăng hơn.
Khẩu phần thức ăn cơ bản hàng ngày cho mỗi con nhím theo từng giai đoạn:
- 1-3 tháng tuổi: Cho ăn mỗi con/ngày: 0,3kg rau, củ, quả các loại, 0,01kg cám viên hỗn hợp, 0,01kg lúa, bắp, đậu các loại.
- Từ 4-6 tháng tuổi: 0,6kg rau quả củ, 0,02kg cám viên hỗn hợp, 0,02kg lúa bắp đậu, 0,01kg khô dầu, dừa, lạc.
- Từ 7-9 tháng tuổi: 1,2kg rau quả củ, 0,04kg cám viên hỗn hợp, 0,04kg lúa bắp đậu, 0,02kg khô dầu dừa lạc.
- Từ 10-12 tháng tuổi: 2kg rau quả củ, 0,08kg cám viên hỗn hợp, 0,08kg lúa bắp đậu, 0,04kg khô dầu dừa lạc.
Nước uống
Nhím ăn rau, quả, củ nên ít uống nước, nhưng cũng phải có đủ nước sạch cho nhím uống tự do, trung bình 1 lít/5 con/ngày.
Nhím thường uống nước vào buổi sáng và buổi trưa. Nhím không thích tắm ướt mình, nếu bị ướt nhím sẽ rùng mình và vẩy lông liên tục sẽ không tốt.
Phòng bệnh
Nhím thường ít bị dịch bệnh. Một số bệnh thông thường có thể gặp như:
- Bệnh ký sinh trùng ngoài da: Do ve, mò cắn gây nên ghẻ lở, ta có thể dùng thuốc bôi hoặc để nhím tự liếm cũng khỏi. Để phòng bệnh này, nên vệ sinh sát trùng chuồng và xung quanh chuồng mỗi tháng 1-2 lần.
- Bệnh đường ruột: Do khẩu phần thức ăn cung cấp không đầy đủ như ngoài thiên nhiên, nhím có thể bị tiêu chảy. Trường hợp này, có thể dùng thuốc trị tiêu chảy hoặc bổ sung thêm thức ăn đắng chát như ổi xanh, cà rốt, rễ cau, rễ dừa... Để phòng bệnh tiêu chảy, nên cân đối khẩu phần thức ăn đầy đủ cho nhím. Không nên cho nhím ăn các loại thức ăn bẩn thỉu, ẩm mốc, hôi thối...

Bạn có thể tìm hiểu thêm và mua giống ở những địa chỉ sau:
1. Bà Nguyễn Thị Bé, ấp 2, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, TP.HCM. Hiện đang có bán giá khoảng 100.000-150.000 đ/kg.
2. Ô. Năm Châu, 8A, Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.HCM. ĐT: 8.426459
3. Ô. Đặng Quế, 124 Camelt, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM. ĐT: 8.213757
4. Ô. Phạm Ngọc Tuân, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP.HCM. ĐT: 8.928164
5. Ông Lê Duy, huyện Bình Chánh. ĐT: 087650901.
6. Ông Nguyễn Văn Phúc, 215/B, KP1, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TPHCM. ĐT: 8977602.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

HỎI: Chúng tôi là nông dân ở xã Hàm Phú, Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận) nuôi nhiều bò nái lai sind, tầm vóc to (khoảng 220 – 300kg). Chúng tôi có ý định lai tạo bò hướng sữa, nhưng chưa biết những tiêu chuẩn nào chọn bò nái nền tốt để lai tạo được bò sữa? Đề nghị quý báo cho biết các tiêu chuẩn chủ yếu…

(Đại diện cho nhiều hộ nông dân: Lê Thị Hòa, xã Hàm Trí)

ĐÁP: Trước hết bò phải đạt được trọng lượng từ 220kg trở lên.

Căn cứ vào ngoại hình:

Nên nhìn bằng mắt thường khi con bò đang ăn cỏ trên bãi chăn thả hoặc bò đang đi lại tự nhiên trên sân chuồng (không nhìn ở tư thế nằm). Bò nái tốt là có thân hình tam giác (hình nêm) do thân sau phát triển hơn thân trước, đầu thanh nhẹ, mồm, mũi to, cổ dài vừa phải, sườn nở, ngực sâu, hông rộng (dễ đẻ), vai, lưng không võng và rộng dần về phía xương chậu, mông phẳng rộng và dài. Bốn chân khỏe, chân sau thấp hơn chân trước, bầu vú phát triển, các núm vú to, đều. Tĩnh mạch vú (gân sữa) to, dài, có nhiều nếp gấp khúc, bầu vú mềm mại không cứng.

Căn cứ vào sản lượng sữa:

Yếu tố này tương đối chính xác, khi bò đẻ, bà con trực tiếp vắt sữa, đong đếm xem khả năng cho sữa của bò trong một ngày, một tháng và một chu kỳ (chất lượng sữa chưa có điều kiện kiểm tra), tùy theo giống bò, lứa đẻ mà cho lượng sữa khác nhau. Trong quá trình lựa chọn có thể có những bò không đẹp nhưng lại cho sản lượng sữa cao và ngược lại? Vì vậy một bò lai sind ở lứa đẻ đầu cho từ 3-5kg là chọn được. Thông thường bò đẻ lứa thứ nhất cho từ 210-240 ngày một chu kỳ, ở lứa thứ 2 từ 270-300 ngày một chu kỳ... Lứa thứ nhất có sản lượng sữa ít hơn lứa thứ 2, 3... và giảm dần khi đẻ nhiều (khi không còn khả năng sinh sản bò bị loại thải).

Căn cứ vào khả năng sinh trưởng:

Để xác định trọng lượng người ta dùng cân đại gia súc để cân, cứ 3 tháng giám định một lần. Trong điều kiện ở nông thôn không có cân thì bà con có thể đo vòng ngực (vòng ngực là chu vi mặt cắt đằng sau khớp bả vai) và đo dài thân chéo (là chiều dài từ mỏm xương gấu đến điểm tận cùng của xương chậu). Tính theo công thức (vòng ngực)2 x dài thân chéo x 90 cho ra trọng lượng, tuy vậy có sai số (+) (-) từ 2 – 4kg).

Căn cứ vào lý lịch (gia phả):

Cách chọn này chỉ phù hợp với các cơ sở chăn nuôi quốc doanh, các trang trại lớn... Người ta đã theo dõi các thế hệ từ đời ông – bà – bố – mẹ để đánh giá theo nguồn gốc của bò sữa hay cày kéo, thịt. Điều kiện ở nông thôn khó thực hiện phương pháp này. Bà con theo dõi ghi chép từng con bò qua các thế hệ lý lịch cộng với các tiêu chuẩn nêu trên, tất yếu sẽ chọn được bò nái tốt để phối tinh bò sữa, tạo ra bò hướng sữa.

(Trung tâm Khuyễn nông Quốc gia)

HỎI: Gia đình tôi có 40 con bò, vừa qua có 1 con đi ăn về tự nhiên thấy bụng cứ phình to rất nhanh. Tôi không biết bệnh gì, vì ở xa cơ quan thú y nên tôi đành bó tay. Sau 1 giờ con bò khó thở và lăn ra chết. Xin quý báo cho biết bệnh gì? Cách điều trị như thế nào?
(Vũ Trọng Khôi, Hàm Trí, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận)

ĐÁP: Với triệu chứng ông đã nêu thì con bò nhà ông đã mắc bệnh chướng hơi dạ cỏ. Đây là căn bệnh thường gặp ở bò, xảy ra nhiều xã trong huyện Hàm Thuận Bắc.
Nguyên nhân: Vào mùa khô, bò chỉ ăn rơm, cỏ khô, thiếu thức ăn xanh nên hệ thống tiêu hóa, sức khỏe giảm. Đặc biệt hệ vi sinh vật trong dạ cỏ chưa thích ứng với các thức ăn khác. Đầu mùa mưa, cỏ phát triển, bò ăn nhiều nhưng sức tiêu hóa kém, không thích hợp với hệ vi sinh vật trong dạ cỏ dẫn đến tiêu chảy, rối loạn hệ thống tiêu hóa gây ra các phản ứng lên men,

sinh hơi nhiều gây chướng hơi dạ cỏ. Ngoài ra bò chướng hơi vì mắc một số bệnh khác như: Viêm nhiễm ruột, dạ múi khế, dẫn đến giảm nhu động dạ cỏ, hơi từ dạ cỏ chậm thoát ra ngoài. Bò bị viêm hầu, họng sưng không nhai được thức ăn tồn đọng lâu lên men sinh hơi gây ra chướng hơi dạ cỏ.
Triệu chứng: Bò đang ăn bình thường hay đứng ở chuồng, phần hõm hông phía trái căng phồng nhanh, căng phồng cao hơn cả sống lưng. Khi gõ có tiếng kêu rõ, ấn tay vào như quả bóng đầy hơi. Bò thở khó, thở nhanh, đi lại khó khăn, mắt trợn ngược, nếu không can thiệp kịp thời rất dễ tử vong.
Điều trị: Cho uống ngay 1 trong các loại dung dịch:
1. Dung dịch thuốc tím: 1gr/1 lít nước, uống 3 – 5 lít.
2. Nước dưa chua: 3- 5 lít.
3. Bia hơi: 3 – 5 lít.
Dùng biện pháp cơ học, lấy tay kéo lưỡi bò ra và sát nước gừng vào lưỡi để gây ợ hơi ra ngoài. Dùng tay lấy phân ở hậu môn ra để thông hơi, lấy rơm chà xát ở hông bên trái làm tăng nhu động của dạ cỏ.
Nếu có điều kiện gần trạm thú y hay có dụng cụ và thuốc thú ý:
Tiêm tĩnh mạch MgSO4 (Mazê Sunpat) 50-60ml/100kg trọng lượng.
Tiêm Strychnin B1 20ml/con
Tiêm Dilocarpin 1% 10 – 15ml/con
Hoặc dùng: Magiêsi sulphate 100gr
Muối ăn 50gr
Thuốc tím 2gr
Pha 3 loại này vào 2 lít nước cho uống 2 lần/ngày.
Dùng muối ăn 100gr, tỏi 50gr, gừng 30gr giã nhuyễn và pha vào 2 lít nước cho uống 2 lần cách nhau 2 – 3 giờ.
Khi đã dùng tất cả các biện pháp không khỏi, thấy bò vẫn căng hơi có khả năng nguy hiểm (tử vong) thì phải chọc thủng hông trái để cho hơi ra ngoài. Dùng Trocart, cây trúc nhỏ chọc thẳng vào hõm hông trái nơi căng nhất. Khi chọc dùng ngón tay bịt đầu lỗ lại, cho hơi ra từ từ đừng cho ra nhanh gây choáng bò sẽ chết đột ngột. Khi hơi ra hết vẫn để nguyên Trocart tại đó để cho hơi thoát ra đến khi bò khỏi hẳn. Tiêm kháng sinh chống nhiễm trùng dùng:
1. Ampi-Septol 1ml/10kg trọng lượng
2. Chlotetradexa 10ml/100kg trọng lượng
3. Gentamycin 1ml/10kg trọng lượng
Bệnh chướng hơi dạ cỏ xảy ra nhiều vào đầu mùa mưa, vì vậy khi bò ăn nhiều cỏ non nên trộn thêm ít rơm khô. Bò mới đẻ có chế độ ăn từ thấp đến cao, không cho bê nhỏ bú sữa bò mẹ bị viêm vú, sữa vắt ra cho bê uống ngay không để lâu.

HỎI: Nuôi vịt chuyên trứng Khakicampell ở nông hộ

ĐÁP: Chuồng trại – dụng cụ
Chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Bãi chăn thả (nếu có) phải sạch sẽ không có gạch đá, không có hố nước đọng, gần ao hồ. Các chất độn chuồng (phoi bào, trấu...) sạch sẽ, không bị mốc. Dụng cụ cho ăn, cho uống đầy đủ. Từ 1- 30 ngày sử dụng khay ăn (100 vịt/khay) và máng uống galông (2 – 4 lít: 50 vịt/máng). Từ ngày 31 trở đi dùng máng ăn, máng uống dài (có thể làm bằng kim loại hoặc gỗ kích thước như máng cho lợn con ăn).
Chăm sóc nuôi dưỡng
Giai đoạn 1 đến 14 ngày
Giai đoạn này vịt được nuôi úm trong chuồng mật độ 30 – 40 con/m2, nhiệt độ thích hợp là 30 – 33oC. Chú ý quan sát đàn vịt trong quây mà điều chỉnh nhiệt độ cho phù hợp. Ở giai đoạn này sử dụng thức ăn hỗn hợp cho vịt con hoặc sử dụng thức ăn tự phối trộn theo công thức:
+ Cơm chín: 3 phần (75%)
+ Đậm đặc vịt thịt (hoặc đậm đặc gà thịt): 1 phần (25%)
Cơm dấp nước để ráo, trộn thật đều với đậm đặc. Cho ăn 5 – 6 bữa/ngày (ăn tự do). Khi cho ăn lùa ra khỏi quây để tránh làm ướt đệm lót. Chú ý khi cho vịt uống nước không để bị ướt lông. Giai đoạn này ban đêm có chiếu sáng.
Giai đoạn 15 – 28 ngày
Giai đoạn này vịt được nuôi ở trong chuồng mật độ 20 – 30 con/m2, nhiệt độ thích hợp là 25 – 280C. Dùng thức ăn hỗn hợp cho vịt con hoặc thức ăn tự phối trộn theo công thức:
+ Gạo luộc hoặc thóc luộc: 3 phần (75%)
+ Đậm đặc vịt thịt (hoặc đậm đặc gà thịt): 1 phần (25%)
Cho ăn 4 bữa/ngày. Cách cho ăn giống như giai đoạn 1 – 14 ngày. Có thể cho vịt ăn thêm cỏ, rau, bèo... Giai đoạn này ban đêm có chiếu sáng.
Giai đoạn 29 – 100 ngày

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Giai đoạn này có thể thả vịt ra ngoài thời gian tăng dần theo tuổi mục đích cho vịt làm quen với nước. Mật độ nuôi 7 – 8 con/m2, nhiệt độ thích hợp là 20 – 220C. Giai đoạn này sử dụng máng ăn, máng uống dài. Thức ăn dùng thức ăn hỗn hợp cho vịt hậu bị hoặc sử dụng thức ăn tự phối trộn theo công thức:
+ Thóc + ngô: 6 phần (85%)
+ Đậm đặc vịt thịt (hoặc đậm đặc gà thịt): 1 phần (15%)
Lượng thức ăn từ 50 – 75g/con/ngày (nếu nuôi nhốt), 30 – 40g/con/ngày (nếu chăn thả). Giai đoạn này ban đêm không chiếu sáng.
Giai đoạn 101-130 ngày
Mật độ 6 – 7 con/m2, nhiệt độ thích hợp 18 – 200C. Thức ăn hỗn hợp vịt hậu bị hoặc thức ăn tự phối trộn theo công thức:
+ Thóc + ngô: 4 phần (70%)
+ Đậm đặc vịt thịt (hoặc đậm đặc gà thịt): 2 phần (30%)
Cho ăn tự do, lượng thức ăn 110 – 140g/vịt/ngày. Thả vịt ra ngoài cho ăn thêm rau, cỏ, bèo... Sau 4 tháng tuổi cho ăn tự do bằng thức ăn vịt đẻ. Từ ngày 120 trở đi thời gian chiếu sáng tăng dần 30 phút/tuần khi đạt được 16 – 17 giờ/ngày thì dừng lại.
Giai đoạn vịt đẻ
Mật độ 6 – 7 con/m2 nhiệt độ thích hợp là 18 – 200C. Thức ăn tốt nhất là dùng thức ăn vịt đẻ dạng viên của các hãng thức ăn lớn có uy tín như Con cò, Hi-gro. Tuy nhiên có thể phối trộn theo công thức:
+ Thóc: 3 phần (50%)
+ Ngô tốt (không mốc): 1 phần (15%)
+ Đậm đặc vịt đẻ (hoặc đậm đặc gà đẻ): 2 phần (35%)
Cho ăn tự do, lượng thức ăn 130 – 145g/con/ngày. Tỷ lệ đẻ bình quân cả năm thường đạt 75 – 85%. Nếu cho ăn và chăm sóc như quy trình này sẽ đạt 280 – 290 quả/mái/năm. Giai đoạn này ban đêm chiếu sáng đến 10 – 11 giờ.
Chú ý: Bổ sung đủ khoáng (bột xương, bột sò), vitamin lúc vịt đẻ rộ cho ăn đầy đủ về số lượng cũng như chất lượng. Đồng thời thực hiện đúng quy trình phòng dịch.

HỎI: Xin cho biết phương pháp nuôi ba ba theo công nghệ mới

ĐÁP: Hồ nuôi
- Hồ nuôi ba ba có thể thiết kế theo 3 kiểu, tùy theo điều kiện kinh tế của từng hộ: Hồ xây dựng nổi láng đáy bằng xi măng, hồ xây chìm không láng đáy và hồ không xây, chỉ quây bằng Bro-ximăng. Nếu có điều kiện kinh tế, tốt nhất là xây hồ nổi, láng đáy, xây tường 10 cm, cao 1m, vát 4 góc cho tròn, lỗ thoát nước cho sát đáy, phần đáy cho nghiêng về phía thoát nước. Lỗ nước vào đặt ống cao hơn đáy 20 cm. Bể phải xây chắc, trát bằng xi măng trơn bóng, kể cả đáy. Xây xong cho nước ngâm khoảng 20 ngày, bắt đầu ngâm phải cho nhiều cây và lá chuối. Thân chuối cắt ngắn khoảng 50 cm chẻ làm đôi lấy từng phần chà vào tường khoảng 3 lần, khi ngâm cho nước vào khoảng 70 cm là được. Sau đó tháo ra và cho nước mới vào khoảng 20 cm, chùi toàn bộ bể. Đồng thời đổ vào 1 lượt cát mịn dày khoảng 5 cm, cho vào 1 ít vôi để rửa cát cho sạch, sau đó xả hết nước, cho nước mới để xử lý nuôi.
- Cho cây phân xanh hoặc lá xoan theo tỷ lệ 15 kg/100 m2. Hòa thuốc Ngư đặc lợi theo tỷ lệ 1 kg cho 100 m3 nước (hoặc các loại khác như phân chuồng, đạm, lân cũng được) để tạo tảo và màu xanh cho nước ao. Khi xử lý xong đặt một số cành dừa kê nổi trên mặt nước để cho ba ba phơi nắng, lá dừa đặt gần chỗ cho ăn. Bàn ăn thì lấy một tấm ván đặt nghiêng khoảng 30 độ. Đặt 1/2 chiều rộng tấm ván chìm trong nước, 1/2 nổi lên. Tấm ván cho ăn rộng khoảng 25 cm, độ dài tùy chỗ rộng hay hẹp. Gỗ làm bàn ăn tránh các loại gỗ độc như lim, lát...
- Xây hồ theo kiểu không láng đáy thì phần đáy phải có nền đất cứng, ít bùn, giữ được nước. Nếu bùn nhiều thì phải vớt bớt bùn, chỉ để lại tối đa 20 cm bùn, tối thiểu là 10 cm. Số bùn để lại này phải vãi phân chuồng, vãi vôi, xử lý đảo đều với bùn, để không nước trong vòng 3 ngày, phơi nắng, sau đó cho nước vào và xử lý như hồ xây láng đáy đã nêu ở phần trên rồi thả giống vào. Còn đối với gia đình không có điều kiện xây hồ thì có thể quây bằng tấm prô xi măng, đáy phải xử lý như hồ không láng đáy. Sau cũng xử lý các loại thuốc, phân xanh như 2 loại hồ trên.
- Sau khi xử lý mà nước ao chuyển sang màu xanh là đạt yêu cầu. Khi nào thấy nước quá bẩn, có mùi hôi thối thì cho thay khoảng 40-60% nước trong hồ. Khi thấy ba ba chết trong hồ cần phải vớt ra đưa đến cách hồ tối thiểu 20m, vãi vôi lên trên và chôn sâu. Hết sức chú ý giữ yên tĩnh cho ba ba, nhất là khi phơi nắng, lên ăn.
Giống
Giống ba ba lai F1 giữa bố là ba ba gốc Đài Loan và mẹ là ba ba gốc Malaisia, có tên khoa học là Trionyxsinensis (Ba ba xanh) hoặc các giống ba ba nuôi truyền thống như ba ba trơn, ba ba gai.
Chăm sóc, nuôi dưỡng
Mật độ nuôi: Tùy theo tuổi mà có mật độ khác nhau. Nếu nuôi giống hoặc ươm giống từ 3 ngày tuổi đến 1 tháng thì thả với mật độ 100 con/m2; từ 1-4 tháng mật độ 50 con/m2, từ 4-8 tháng tuổi mật độ 10 con/m2; từ 8 tháng tuổi đến thu hoạch mật độ 3-4 con/m2.
Mực nước trong hồ: Từ 3 ngày tuổi đến 1 tháng tuổi để mức nước 20-30 cm; từ 1-4 tháng tuổi

mức nước 30-40 cm; từ 4 tháng tuổi đến thu hoạch để mức nước 60-80 cm.
Thức ăn: Thức ăn chủ yếu của ba ba là cá, ốc, giun, tôm, tép tươi. Tùy theo điều kiện đầu tư mà cho ăn: 50-70% cá tươi + cơm để nguội + cám (5-10%) + 1 ít quả chuối chín bóc vỏ đem xay nhỏ. Ở giai đoạn ba ba còn nhỏ trộn thêm sữa và vitamin. Mỗi ngày cho ăn 2 lần vào 9 giờ sáng và 4 giờ chiều.
Thời gian thay nước: Từ 3-6 tháng thay nước 1 lần, nhưng không thay quá 50% lượng nước trong hồ; nếu không có điều kiện thì 1 năm thay 1 lần cũng được.
Chữa bệnh
Nuôi ba ba chủ yếu thực hiện phòng bệnh; nếu thực hiện tốt, ba ba chỉ có mắc bệnh nấm lở, bám lông. Khi ba ba bị bệnh dùng thuốc diệt nấm, bám lông như loại thuốc dùng cho tôm, sử dụng theo hướng dẫn ghi trên bao bì sản phẩm, nhưng tăng lượng thêm 50%. Nếu trời rét đậm dưới 10oC cần chống rét cho ba ba bằng cách phủ nilon trắng kín mặt ao.

HỎI: Gà con mới nhận về khỏe mạnh, sau khi ốm vài ngày thấy một số con có hiện tượng khô chân, lông xù và gầy yếu… Nguyên nhân và biện pháp khắc phục? Trong giai đoạn gà con thay lớp lông tơ đầu tiên, chúng ta cần quan tâm giải quyết những vấn đề gì để gà con không cắn mổ lông nhau?
(Trần Quốc Thống, thị trấn ngã 5, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng và Phạm Thị Thanh Thoản, ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp).

ĐÁP: Hiện tượng gà con bị khô chân sau khi úm vài ngày thường chiếm tỷ lệ rất thấp trong đàn và chỉ gặp trong vòng 1-2 tuần lễ đầu, nhất là sau khi úm vài ngày. Những con gà khô chân sẽ dần dần bị suy yếu, còi cọc, xù lông, tăng trọng kém, có khi chết do nhiễm bệnh hoặc do những nguyên nhân khác. Hiện tượng gà con bị khô chân sau khi úm vài ngày có rất nhiều nguyên nhân như: Khô chân do bệnh tật, do chất lượng của gà con trong quá trình ấp... trong đó có nguyên nhân mà người chăn nuôi thường ít quan tâm, đó là nguyên nhân do gà con mới nhận về không được uống nước đầy đủ. Gà con khi mới vào chuồng úm sẽ rất khó tìm được nguồn nước uống. Nếu quan sát kỹ ta có thể thấy khi mới uống nước một vài lần đầu gà con thường nhúng cả mỏ vào nước, có khi ngập đến mũi, có khi ướt cả đầu. Điều đó chứng tỏ gà con chưa thành thạo việc này. Cho nên, điều quan trong là giúp cho gà con phát hiện ra nơi đặt máng nước uống để gà làm quen với động tác uống nước. Nếu ta đặt máng nước uống ở một góc nào đó hoặc số lượng máng nước uống không đủ sẽ gây trở ngại nhiều đến việc uống nước của gà con. Sau thời gian khoảng 4-5 giờ mà gà không tìm được nước uống thì những gà đó sẽ bị khô chân do thiếu nước.
Để khắc phục hiện tượng khô chân do thiếu nước ở gà con mới nở, người chăn nuôi cho gà uống được nước càng sớm càng tốt bằng cách đảm bảo có đủ ánh sáng, đủ máng uống trong chuồng úm. Ánh sáng sẽ phản chiếu với nước để giúp gà dễ dàng nhận ra nơi đặt máng nước uống...
Sau khi nở khoảng 2-3 tuần thì gà con sẽ thay lớp lông tơ đầu tiên để mọc lông vũ của gà trưởng thành. Giai đoạn thay lông là một trong những giai đoạn có nhiều thay đổi lớn trong cơ thể gà, chính vì vậy chúng ta cần quan tâm giải quyết một số vấn đề để hạn chế gà con cắn mổ lông nhau và sớm có được bộ lông hoàn chỉnh:
Thức ăn và dinh dưỡng: Thức ăn phải đảm bảo dinh dưỡng, nhất là đạm, khoáng, sinh tố và một số acid amin cần thiết cho việc tạo lông như Lysine, Methionine với liều lượng từ 0,1-0,2% trong thức ăn hoặc pha vào nước uống.
Mật độ nuôi và môi trường: Nuôi gà với mật độ vừa phải, nhất là môi trường mùa nắng nóng nên nuôi gà với mật độ thưa hơn mật độ quy định nhằm hạn chế gà cắn mổ lông nhau.
Hạn chế những tác động dẫn đến stress gây hại như: Thay đổi thức ăn đột ngột, chuyển chuồng, dồn chuồng, cắt mỏ...
Phát hiện, cách ly và điều trị kịp thời những gà bị mổ lông...

HỎI: Nhà tôi đã nuôi heo hàng chục năm, thông thường xảy ra các bệnh tụ huyết trùng, phó thương hàn… Tôi đã biết và chữa trị được. Nhưng quái lạ, lần này có một con heo thịt trọng lượng đã trên 70kg bị bỏ ăn một tuần, rồi vàng hết cả da (vàng như nghệ), cả gia đình hốt hoảng không hiểu bệnh gì?.
Nguyễn Thị Thanh Thu (Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc)

ĐÁP: Như bà trình bày thì đó là bệnh nghệ (bệnh heo nghệ – Leptospiosis). Bệnh này cũng thường gặp chứ không phải bệnh lạ. Bệnh do xoắn khuẩn Leptospira spp gây ra.
Nguyên nhân: Loại xoắn khuẩn Leptospira gây bệnh cho heo, trâu, bò và lây cả sang người. Hiện tại có 20 chủng Leptospira gây bệnh. Quan trọng nhất ở heo là Leptospira Canicola,

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

L.pomona, L.mitis... vi khuẩn gây bệnh hủy hoại gan, phá hủy hồng cầu nên sinh vàng các mô, dễ quan sát thấy là các niêm mạc hở và da. Loại xoắn khuẩn Leptospira invitro rất mẫn cảm với chất kháng sinh và chất sát trùng, chất tẩy uế, tẩy rửa, xà phòng, đặc biệt phơi khô là tiêu diệt nhanh nhất nhưng trong nước nó sống hàng tuần. Bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa, tiếp xúc trực tiếp và qua vết xước trên da, niêm mạc, qua đường sinh dục. Đối với động vật có chửa vi khuẩn xâm nhập gây sảy thai.
Triệu chứng: Xuyên suốt của bệnh này là sốt, viêm não, màng não, vàng da và chết. Gây sảy thai ở những heo có chửa. Triệu chứng cho thấy lúc đầu heo bỏ ăn, nằm một chỗ, sốt 400 – 40,50C ngắt quãng 3 – 5 ngày, ỉa chảy nhưng không có biểu hiện vàng da hay đái ra máu. Sau đó xuất hiện các triệu chứng nặng điển hình là vàng da, đái ra máu, xuất huyết, bại liệt nửa thân sau. Heo bị viêm màng não, run rẩy, phù đầu... tỷ lệ chết cao. Nếu heo chửa thì bị sảy thai khi nhiễm 5 – 8 ngày, bao dương vật của heo đực sưng to.
Phòng và điều trị: Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát, đặc biệt là phải tiêu diệt hết chuột vì chuột là nguồn lây bệnh nguy hiểm nhất. Khi heo từ 4 tháng tuổi tiêm vaccin Leptospira, tiêm lặp 2 lần cách nhau 1 tuần.
Điều trị dùng kháng sinh Penicillin, Streptomycin và các loại thuốc chứa Tylosin, Tiamulin có hiệu quả cao. Đặc trị bệnh này có thuốc AmTyO dùng 0,7 – 1ml/10kg trọng lượng. Penicillin 1 triệu UI kết hợp Streptomycin 1g tiêm cho heo 40 – 60kg. Các kháng sinh khác như Ampi Septol tiêm 1ml/8kg trọng lượng. Ampi-Kana 1g/40kg trọng lượng.
Bệnh heo nghệ dễ phát hiện và có thuốc đặc trị, vì vậy khi phát hiện sớm nên dùng kháng sinh điều trị 5 – 7 ngày sẽ có hiệu quả cao. Bên cạnh đó cần có các loại vitamin trợ sức cho heo như vitamin C – B1-B12 - ADE...

HỎI: Tại sao phải chích sắt, chích Vitamin A,D,E cho heo con, chích vào thời điểm nào và liều lượng bao nhiêu?

ĐÁP: Nhu cầu sắt (Fe) cho heo con mỗi ngày cần 7-16mg hoặc 21mg/1kg tăng trọng để duy trì mức độ Hemoglobin (hồng cầu) và Fe dự trữ cho cơ thể tồn tại và phát triển. Nhưng sữa heo mẹ chỉ cung cấp được 1mg/ngày, nếu heo con chỉ nhận sắt qua sữa mẹ thì cơ thể sẽ bị thiếu sắt, dẫn đến thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi cọc, chậm lớn và tiêu chảy... Vì vậy, phải chích sắt bổ sung cho heo con ngay từ ngày thứ 3 trở đi là tốt nhất. Liều lượng 100 – 200mg Fe ở dạng Fedextran, Fedextrin hoặc Gleptoferron... Nếu chích liều 100mg thì sau 7 ngày phải chích tiếp 1 liều 200mg. Nếu chích liều 200mg thì sau 3 tuần phải chích tiếp 1 liều 100mg, thì lượng sắt mới đủ cung cấp cho heo con đến lúc tập ăn. Vị trí chích: Lúc 3 ngày tuổi nên chích mông hay đùi sau. Lúc 10 – 21 ngày tuổi nên chích ở cổ sau gốc tai.
Nhiều người cho rằng, cho heo nái ăn thức ăn có chứa sắt dạng (Sulfat sắt, Citrat sắt, Ferric Choline...) hoặc chích Fedextran cho heo nái trước khi đẻ cũng được. Nhưng thực tế cho thấy, lượng sắt trên đều không được chuyển qua nhau tới thai hoặc qua sữa cho con bú. Một phần sắt được dự trữ trong cơ thể mẹ, một phần được thải ra ngoài theo phân. Heo con chỉ sử dụng được một ít, không đáng kể do liếm láp nền chuồng và phân của heo mẹ.
Heo con có thể bị trúng độc sắt do chích hoặc uống. Nếu uống liều 600mg/kg thể trọng loại Sulfat sắt thì sau 1 – 3 giờ có biểu hiện trúng độc (nổi mẩn đỏ, co giật hoặc chết). Nếu chích liều 100mg/ngày cũng có trường hợp trúng độc chết. Nguyên nhân của phản ứng trúng độc và chết cấp tính này là do cơ thể heo con sinh ra từ heo mẹ bị thiếu vitamin E. Vì vậy, đối với heo nái trước khi sinh cần phải chích hoặc bổ sung vào thức ăn vitamin ADE theo nhu cầu cần thiết.
Chích vitamin ADE cho heo có tác dụng kích thích sinh trưởng và tăng trọng. Vì vitamin ADE là 3 loại vitamin có tác dụng kích thích tổng hợp các tế bào cho cơ thể, tạo xương và phát triển cơ bắp. Chích vitamin ADE heo sẽ hồng hào, mướt da, mau lớn, chống còi cọc, xù lông hay tiêu chảy ở heo con... Tuy nhiên, nếu dùng không đúng liều sẽ phản tác dụng hay nói cách khác là tác dụng ngược làm cho heo kém ăn, còi cọc, chậm lớn. Thừa vitamin A làm cho gan bị phù, tiết dịch vị kém gây biếng ăn. Thừa vitamin D làm tăng Calci huyết, mềm xương gây bại liệt... Bởi vậy, nếu đã dùng Premix sinh tố có A D E trộn vào thức ăn theo tỷ lệ quy định thì không được chích bổ sung vitamin ADE. Chỉ chích cho những heo không được bổ sung Premix sinh tố hoặc có bổ sung nhưng không thường xuyên.
Với những loại vitamin ADE dạng chích hiện nay trên thị trường Việt Nam (1ml có A: 500.000 UI; D: 75.000 UI, E: 50 UI) chúng ta có thể chích cho heo theo quy trình và liều lượng sau: Tháng thứ nhất trọng lượng từ 15 – 25kg chích 0,5ml/con; tháng thứ hai trọng lượng từ 25 – 40kg chích 0,5ml/con; tháng thứ ba trọng lượng từ 40 – 60kg chích 1ml/con; tháng thứ tư trọng lượng từ 60 – 80kg chích 1ml/con; tháng thứ năm trọng lượng từ 80-100kg chích 1ml/con.

HỎI: Xin các nhà khoa học cho biết cách thiết kế chuồng trại nuôi nhím. Kỹ thuật chọn nhím giống? Cách chăm sóc nhím như thế nào? Những bệnh thường gặp và cách phòng trừ? Địa chỉ bán nhím giống ở miền Bắc? Tôi xin chân thành cám ơn. (Phạm Thị Thu Hiền- Ninh Hòa, Hoa Lư, Ninh Bình)

ĐÁP: **Kĩ thuật chọn nhím giống**

Cần phải chọn những con to khoẻ, nhanh nhẹn, không bệnh tật. Để nuôi nhím cho năng suất cao thì phải nuôi ghép đôi một đực, một cái là tốt nhất. Tuy nhiên nếu thiếu con đực thì có thể ghép hai cái với một đực.

Cách chọn đực cái như sau: Nếu là nhím trưởng thành thì con đực có mỏ dài, đầu nhọn thân hình thon dài, đuôi dài hơn con cái, dưới háng có hai dịch hoàn và dương vật nhô ra phía trước bụng. Nhím cái có mỏ ngắn, đầu hơi tròn, thân ngắn mập hơn con đực, dưới bụng có hai hàng vú nổi rõ. Nếu nhím còn nhỏ thì công việc chọn đực cái bằng cách: Để ngửa con nhím dùng hai ngón tay cái vạch lỗ sinh dục ra nếu thấy có gai giao cấu thì đấy là con đực, còn nếu không thấy gai giao cấu là con cái. Cần phải quan sát kỹ vì gai giao cấu hơi nhỏ.

Kĩ thuật làm chuồng nuôi và chăm sóc nhím (đã được đăng tải bạn có thể tím ở trong mục trả lời phần chăn nuôi, trang 3).

Các bệnh của nhím

Nhím thường ít bị dịch bệnh. Một số bệnh thông thường có thể gặp như:

- Bệnh ký sinh trùng ngoài da: Do ve, mò cắn gây nên ghẻ lở, ta có thể dùng thuốc bôi hoặc để nhím tự liếm cũng khỏi. Để phòng bệnh này, nên vệ sinh sát trùng chuồng và xung quanh chuồng mỗi tháng 1-2 lần.

- Bệnh đường ruột: Do khẩu phần thức ăn cung cấp không đầy đủ như ngoài thiên nhiên, nhím có thể bị tiêu chảy. Trường hợp này, có thể dùng thuốc trị tiêu chảy hoặc bổ sung thêm thức ăn đắng chát như ổi xanh, cà rốt, rễ cau, rễ dừa... Để phòng bệnh tiêu chảy, nên cân đối khẩu phần thức ăn đầy đủ cho nhím. Không nên cho nhím ăn các loại thức ăn bẩn thiu, ẩm mốc, hôi thối...

Địa chỉ mua nhím giống tại miền Bắc

1. Bác sĩ thú y Phùng Quang Trường
Trạm nghiên cứu động vật hoang dã- Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì.
Điện thoại: 034.881834 hoặc 0912.233974

2. Trung tâm nghiên cứu khoa học và sản xuất lâm nghiệp vùng Tây Bắc.
Cây số 6, thị xã Sơn La
Điện thoại: 022.855508

3. Đỗ Văn Phòng địa chỉ: Tiên Hưng - Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang

---

HỎI: Hiện nay tôi đang dự định nuôi nhím nhưng không biết đầu ra như thế nào. Xin cho tôi biết vài nơi tiêu thụ. (Võ Thị Thùy Trang- Bình Chánh, TP HCM)

ĐÁP: **Hiện nay, nhím được xếp vao loại thú quí hiếm. Thịt nhím được chế biến thành các món hấp dẫn được người tiêu dùng rất ưa chuộng. Các bộ phận của nhím cũng được sử dụng vào nhiều việc. Mật nhím được dùng để chữa đau mắt và xoa bóp cho các vết thương, chữa đau lưng. Thịt, ruột già, gan và cả phân nhím cũng được dùng để chữa bệnh phong nhiệt. Đặc biệt, dạ dày của nhím là vị thuốc rất độc đáo để chữa bệnh dạ dày.**

Do đó hiện nay nhím bán rất chạy. Bạn nên liên hệ bán nhím thịt cho các nhà hàng đặc sản ở địa phương bạn. Hoặc bán nhím cho các nhà hàng ở xa hơn ngoài địa phương nơi bạn sinh sống. Hơn nưa, bạn có thể liên hệ với các web bán hàng qua mạng để giới thiệu bán nhím.

HỎI: Hiện nay tôi có các loại rau như rau muống, lang, keo, cỏ dại cho nhím ăn nhiều có hại không? Xin

tư vấn giúp tôi các loại củ, quả nhím ăn được mang lại nguồn lợi kinh tế cao. Xin chân thành cám ơn. (Phạm Bạch Yến- Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang)

ĐÁP: **Nhím là loài ăn tạp. Khi sống ngoài tự nhiên, nhím ăn chủ yếu là các loại củ, quả rễ cây, thân cây, một số loài côn trùng và gium đất. Do đó khi nuôi nhím bạn không nên cho nhím chỉ ăn các loại lá cây kể trên mà nên cho nhím ăn theo chế độ sau:**

Đối với con trưởng thành lượng thức ăn một ngày cần là:
- Thức ăn thô: 0,5kg/con/ngày là các loại lá sung, lá vả, lá dướng, dây khoai lang, thân cây lạc, cây ngô, lá keo dậu, lá mít, chè khổng lồ, các loại cỏ chăn nuôi như cỏ voi, cỏ ghine...
- Thức ăn tinh: 0,3kg/con/ngày (Ngô, sắn, hạt dẻ, hạt gắm bí ngô....)
- Thức ăn giàu vitamin: ổi xanh, chuối xanh, mơ, mận, quả sung, quả me....
- Thức ăn khoáng:
Muối: 2-3g/con/ngày
Xương trâu, bò: 100-200g/con/ngày

Cần quan sát khi cho nhím ăn. Nếu nhím thích ăn loại thức ăn gì thì tăng thêm loại thức ăn đó. Nếu thấy nhím ăn nhanh hết thức ăn, tăng thêm khẩu phần ăn cho nhím. Nếu thấy thức ăn còn thừa thì giảm bớt khẩu phần.

Thức ăn của nhím tuy đa dạng nhưng để nuôi nhím hiệu quả nên chủ động có những nguồn thức ăn bổ thường xuyên, ổn định cho nhím. Cần dự trữ bí ngô, khoai, sắn, khô dầu lạc, ngô.... ngoài ra trong vườn nên trồng các loại cây cho lá, quả, củ.

Như vậy để nuôi nhím một cách hiệu quả bạn nên cho nhím ăn các loại rau quả phổ biến ở địa phương bạn.

Bạn có thể tham khảo thêm khẩu phần ăn của nhím theo cách nuôi của Viện Chăn nuôi Quốc Gia.

HỎI: Xin vui lòng tư vấn cho tôi cách nuôi bò sinh sản. Tôi muốn nuôi khoảng 10 con giống, xin cho biết giá thành một con giống. Giống cỏ và số lượng cỏ đủ cho 10 con bò ăn. Và cách nuôi nhốt có phù hợp không? (Đặng Như Sơn- Thượng Kiệm, Kim Sơn, Ninh Bình)

ĐÁP: **1. Nuôi bò sinh sản**

Chọn bò cái làm giống

Một bò cái sinh sản tốt phải đạt những yêu cầu:
- Bò có khả năng sinh sản tốt tức là đẻ sớm: bò đẻ lứa đầu trung bình ở 27-30 tháng tuổi (bò động dục lần đầu ở 18-21 tháng tuổi); và khoảng cách giữa hai lứa đẻ ngắn: tốt nhất là đẻ năm một từ 12-14 tháng đẻ một bê.
- Ngoại hình thể hiện là một con bò cái sinh sản tốt: nhìn chung bò có dáng thanh nhẹ, da mỏng, lông thưa, thuần tính, các phần đầu, cổ, thân và vai kết hợp hài hoà; đầu thanh nhẹ, mõm rộng, mũi to, hàm răng đều đặn, trắng bóng, cổ dài vừa phải và thanh, da cổ có nhiều nếp nhăn; ngực sâu, rộng, xương sườn mở rộng, cong về phía sau, bụng to nhưng không sệ, bốn chân thẳng và mảnh, móng khít, mông nở, ít dốc; bầu vú phát triển về phía sau, 4 núm đều, dài vừa phải, không có vú kẹ, da vú mỏng, đàn hồi, tĩnh mạch vú nổi rõ, ngoằn ngoèo...

Phối giống cho bò

- Phát hiện động dục: Muốn bò cái khi phối giống đạt tỉ lệ thụ thai cao, cần chú ý theo dõi phát hiện kịp thời bò cái động dục để đưa đi phối giống cho bò đúng lúc.
Khi bò cái động dục thường có những biểu hiện chủ yếu như: bò kêu rống, đi lại bồn chồn, phá chuồng, ăn kém hay bỏ ăn, con vật hưng phấn cao độ, thích nhảy lên lưng các con khác.
Khi thấy bò cái động dục đứng yên cho bò khác nhảy (chịu đực), âm hộ hơi mở, có màu đỏ hồng chuyển sang nhạt, có niêm dịch keo dính. Đây là lúc nên cho phối giống.
- Phối giống cho bò (có 2 phương pháp phối giống cho bò):
+ Thụ tinh nhân tạo: dẫn tinh viên dùng tinh dịch bò (tinh viên, tinh cọng rạ đông lạnh) và dụng cụ đẻ phối giống nhân tạo cho bò cái. Cách phối này bê đẻ ra sẽ đẹp, to hơn so với dùng bò đực giống trực tiếp.
+ Dùng bò đực giống lai cho nhảy trực tiếp: những nơi không có điều kiện phối giống nhân tạo, có thể cho bò đực giống Zêbu thuần hoặc lai cho nhảy...

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Chăm sóc bò chửa

Bò cái có chửa cần được ăn uống đầy đủ, mỗi ngày cho ăn 30-35kg cỏ tươi, 2kg rơm ủ, 1kg thức ăn tinh ngô, cám..., 30-40g muối, 30-40g bột xương.
Không bắt bò làm việc nặng như cày bừa, kéo xe..., tránh xô đẩy, xua đuổi bò mạnh trong các tháng chửa tháng thứ 3, 7, 8, 9.
Đỡ đẻ cho bò
Thời gian mang thai của bò trung bình 281 ngày. Bò sắp đẻ có triệu chứng: hiện tượng sụt mông, bầu vú căng, đầu vú chĩa về hai bên, niêm dịch keo dính lòng thòng ở mép âm hộ, đau bụng đứng lên nằm xuống, chân cào đất, ỉa đái nhiều lần, có cơn rặn mạnh, bọc ối thò ra mép âm môn.
- Nếu bò đẻ bình thường (thai thuận) chỉ cần hỗ trợ bằng cách dùng tay kéo nhẹ thai ra. Khi bò đẻ vỡ ối, hứng lấy nước ối; cắt dây rốn dài khoảng 10-20cm, sát trùng bằng cồn i ốt 5%; lau rớt dãi trong mũi mồm bê và để bò tự liếm con. Nếu bò mẹ mệt không liếm phải dùng khăn lau khô rớt dãi trong mũi mồm và toàn thân cho bê con; bóc móng để bê con đỡ trơn trượt khi mới tập đi; cân trọng lượng bê con; vệ sinh phần thân sau và bầu vú cho bò mẹ, cho bò mẹ uống nước ối có thêm ít muối, cám và nước ấm; cho bê con bú, ghi sổ sách theo dõi bò, bê.
- Trường hợp đẻ khó phải gọi cán bộ thú y can thiệp kịp thời.

2. Trồng cỏ voi làm thức ăn cho trâu, bò

Cỏ voi là loại cây thân thảo chia đốt (như cây mía), chiều cao cây có thể tới 2m, đẻ nhánh mạnh, sinh trưởng nhanh. Cây cỏ voi cho năng suất chất xanh rất cao, nhất là vào mùa mưa, một năm có thể cho thu cắt từ 15-20 lứa, năng suất chất xanh đạt trên 100 tấn/ha/năm.

Cỏ voi dễ trồng, dễ chăm sóc, ít sâu bệnh, có thể trồng và cho thu hoạch quanh năm. Các loại động vật nhai lại như trâu, bò, ngựa, dê, hươu nai... rất thích ăn loại cỏ này. Hiện nay, nông dân nhiều vùng trong cả nước đã tiến hành trồng cỏ voi làm thức ăn xanh quanh năm cho trâu, bò. Cỏ voi dùng cho vật nuôi ăn trực tiếp hoặc có thể mang ủ chua khi lượng cỏ thu hoạch nhiều, làm thức ăn dự trữ cho mùa đông khô rất tốt.

Thời vụ trồng

Cỏ voi có thể trồng quanh năm, song tốt nhất là trồng vào vụ xuân (tháng 2- 3) và vụ thu (tháng 8- 9), trong đó trồng vào tháng 2- 3 là thích hợp hơn cả, không những sau khi trồng, cây bén rễ nhanh, mau chóng hồi phục và sinh trưởng mạnh, mà mùa xuân, khi nhiệt độ ấm dần lên, cây sinh trưởng và đẻ nhánh mạnh, hệ số nhân giống cao, việc trồng thời kỳ này sẽ rất thuận lợi về số lượng giống.

Làm đất và bón lót

Cây cỏ voi không kén đất, song thích loại đất thịt nhẹ, có khả năng thoát nước tốt (hay những vùng đất bãi, đất trung du); nên chọn trồng cỏ voi ở những nơi chủ động nguồn nước tưới.
- Làm đất: Cày bừa đất kỹ, trước khi bừa đất được cày ải là tốt nhất. Đất cần được làm tơi, nhặt sạch cỏ, lên luống cao 25- 30cm, rộng 1- 1,2m, để rãnh rộng 30- 40cm, làm phẳng mặt luống.
- Bón lót: Trước khi trồng cần bón lót phân chuồng, lân và kali với lượng bón cho 1 sào Bắc bộ là 5 tạ phân chuồng, 7kg lân, 4kg kali. Phân đạm không dùng để bón lót mà chia ra bón thúc sau mỗi lần thu hái cỏ.

Trồng và chăm sóc cỏ voi

- Nhân giống: Cỏ voi có thể được trồng bằng hạt hay bằng hom giống. Tuy nhiên, do cỏ voi dễ sống, sinh trưởng mạnh nên người dân trồng cỏ voi hầu như đều nhân giống vô tính và trồng bằng hom. Nên dùng các cây có từ 100 ngày tuổi trở lên, lấy phần thân già đến bánh tẻ để làm giống (phần thân từ gốc đến trên nửa thân), chặt bỏ ngọn cho trâu bò ăn, thân còn lại chặt thành các hom giống có chiều dài 40- 50cm, mỗi cây cho từ 2- 3 hom giống để trồng.

Kỹ thuật trồng: Có thể rạch hàng sâu từ 15- 18cm, hàng cách hàng 50- 60cm hay đào hốc trồng với mật độ 30x 50cm (2.000- 2.400 hom giống/sào). Đặt hom nghiêng và sâu trong đất 15- 20cm, sau đó lấp đất, nén chặt tay và tưới đẫm nước. Sau 5- 7 ngày, hom bật mầm, bén rễ, sống bình thường. Sau khi cỏ đã sinh trưởng tốt, cần tưới đủ ẩm để cây lớn nhanh, chóng cho thu hoạch. Độ ẩm đất nên duy trì khoảng 70- 75%, cứ 2- 3 ngày tưới một lần.

Thu hoạch cỏ voi

Sau trồng từ 2- 2,5 tháng có thể cho thu hoạch. Tuỳ nhu cầu thức ăn xanh của vật nuôi mà thu

hái. Nên thu hái theo kiểu cuốn chiếu tuần tự, sao cho sau khoảng 15- 20 ngày quay lại cắt đợt tiếp theo. Cỏ voi đẻ nhánh khoẻ nên khi thu hoạch, cần cắt sát gốc để chúng tái sinh đều. Sau mỗi lần cắt cần bón thúc đạm với tỷ lệ 0,8- 1kg urê cho một sào cỏ. Đối với ruộng làm giống, trước khi cắt hom 1- 2 tuần nên bón thúc thêm 0,5- 1kg lân để cỏ đẻ nhánh khoẻ, cứng cây, vừa tăng số lượng hom, vừa tăng sức sống của hom giống.

Cỏ voi có thể cho thu hoạch liên tục 4- 5 năm liền, sau đó mới phải trồng lại.Với phương pháp trồng và thu hái như trên, năng suất chất xanh của cỏ voi đạt trung bình 3,5- 4 tấn/sào/năm, hoàn toàn có thể đáp ứng đủ thức ăn xanh để nuôi 2- 3 con bò thịt hoặc 2 con bò thịt và 2 bê con.

3. Giá của bò giống
Tùy thuộc vào từng giống bò và hình thái con bò bạn có thể liên hệ với Công ty giống bò thịt, bò sữa Phú Yên, xã Kỳ Phú, huyện Ninh Quan, Ninh Bình. Điện thoại: 030. 846.234

HỎI: Bê lù đù, bụng to, lông xù, nằm một chỗ, lúc đầu phân lổn nhổn, hơi táo, từ màu đen chuyển sang màu vàng sẫm có lẫn máu, sau đó chuyển sang màu vàng xám, đặc sền sệt, rồi ngả sang màu trắng và lỏng dần, tiêu chảy vọt cần câu, mùi tanh khẳm, rất thối và khó chịu, kèm theo triệu chứng bê, nghé

thường xuất hhiện từng cơn đau bụng quằn quại, sau đó có thể ngã ra vật vã mất cảm giác… Bệnh gì, nguyên nhân và biện pháp phòng trị? (Nguyễn Văn Hưu và một số bạn ở ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn)

ĐÁP: **Với các triệu chứng như mô tả có thể là bê bị bệnh giun đũa. Bệnh do loài giun đũa (Toxocara vitulorum) sống ký sinh trong ruột non của bê gây nên. Bệnh hay gặp ở bê lứa tuổi 20 – 90 ngày sau khi đẻ và thường phát vào mùa lạnh.**
Nguyên nhân: Để khẳng định bệnh, ngoài các triệu chứng lâm sàng nêu trên nên kết hợp với đặc điểm dịch tễ: Bệnh chỉ thấy ở bê mà không thấy ở bò trưởng thành. Có thể kiểm tra trứng giun trong phân.
Điều trị:
Đối với bê , nghé dưới 2 tháng tuổi có thể sử dụng thuốc Levamisol 1ml/10kg thể trọng, tiêm dưới da. Kết hợp dùng các thuốc trợ sức như vitamin ADE 3ml/con, tiêm bắp thịt, Cafein Natribenzoat 5ml/con, tiêm bắp thịt. Sau 1 tháng tiêm lại lần 2 để chống tái nhiễm.
Đối với bê nghé trên 2 tháng tuổi, có thể sử dụng thuốc Ivermectin với liều dùng 1ml/12kg thể trọng, tiêm dưới da để đồng thời tiêu diệt các loại ký sinh trùng khác như ve, bét, rận... Kết hợp dùng các thuốc trợ sức vitamin ADE, Cafein Natribenzoat...
Hoặc có thể dùng một trong các loại thuốc sau:
- Phenothiazin, liều dùng 0,05g/kg thể trọng, cho uống 2 lần/ngày, liên tục trong 2 ngày.
- Piperazin, liều phòng và trị 0,25g/kg thể trọng, đây là loại thuốc đặc trị giun đũa ở bê.
- Tetramisol: Liều 8 – 10mg/kg thể trọng, cho uống hoặc tiêm.
- Mebenvet: Liều 0,5g/kg thể trọng, cho uống vào hai buổi sáng.
Phòng bệnh:
- Áp dụng các biện pháp thông thường: Chuồng nuôi, dụng cụ cho bê ăn, uống phải vệ sinh sạch sẽ, nuôi dưỡng tốt bê để nâng cao sức đề kháng, tẩy uế chuồng trại, môi trường chăn nuôi đảm bảo vệ sinh, định kỳ sử dụng thuốc phòng nhiễm...
- Tẩy giun định kỳ cho trâu bò mẹ vào giữa mùa xuân hàng năm để đề phòng bê, nghé nhiễm giun qua nhau thai.

HỎI: Làm thế nào biết bò sắp sinh?

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

ĐÁP: **Bò mang thai 280 ngày (hơn 9 tháng), vì vậy việc biết ngày sinh của bò là rất quan trọng. Để dự tính ngày sinh của bò, phải tính từ ngày phối giống cộng thêm 280 ngày.**
Cách tính ngày
- Lấy ngày phối giống bò cộng với 5 hay 7 ngày (có thể vào tháng 2 có 28 ngày) và lấy tháng phối giống cộng với 9, sẽ có ngày sinh dự kiến. Ví dụ:
- Bò phối giống lần cuối vào 10-2-2004, cách tính sẽ là ngày 10 + ngày 7 = ngày 17; tháng 2 + tháng 9 = 11 tháng, vậy là ngày sinh dự kiến vào ngày 17-11-2004.
- Bò phối giống 7-3-2004, sẽ là: ngày 7 + ngày 5 = ngày 12; tháng 3 + tháng 9 = 12 tháng, vậy ngày sinh dự kiến vào ngày 12-12-2004.
Bò cũng có thể sinh sớm hơn hay muộn hơn nên cần theo dõi biểu hiện của bò mẹ trước ngày sinh dự kiến là 7-10 ngày.
Biểu hiện khi sắp sinh
7-10 ngày trước khi sinh, bầu vú bò mẹ từ từ căng lên, núm vú căng chứa đầy sữa là bò sắp đẻ. Chú ý theo dõi đề phòng viêm vú trước khi sinh.
1-3 ngày trước khi sinh, âm hộ chảy ra nhiều dịch nhờn đặc màu trắng. Khi dịch nhờn loãng dần là bò sắp đẻ. Hiện tượng sụp mông thấy rõ ở hai bên gốc đuôi, đuôi lệch sang một bên và ít cử động. Bò có biểu hiện bồn chồn, hay đứng lên nằm xuống, đi tiêu, tiểu nhiều lần...
Biểu hiện bò sinh khó
Bò rặn nhiều, vỡ ối nhưng vẫn không thấy thai ra. Nếu bê con lộ ra sau 3 giờ mà vẫn chưa ra được, hoặc bê con ló ra ở tư thế không bình thường (ra ngược), bò mẹ có vẻ bồn chồn, đau đớn... là biểu hiện không bình thường, cần gọi thú y can thiệp.

HỎI: Xin cho biết cách khắc phục bệnh vô sinh và chậm sinh ở bò sữa.

ĐÁP: **Hầu hết những hộ chăn nuôi đều có ước muốn rút ngắn thời gian sinh sản của bò cái. Xin giới thiệu biện pháp "Rút ngắn khoảng cách lứa đẻ cho bò cái và khắc phục bệnh vô sinh hoặc chậm sinh ở bò cái đẻ" để nhằm đáp ứng nhu cầu này.**
Phương pháp rút ngắn khoảng cách lứa đẻ
Thông thường thời gian mang thai của bò cái là 275 - 285 ngày, khoảng cách lứa đẻ kéo dài khoảng 3 năm. Sau khi đẻ, bò động dục trở lại tùy thuộc ở kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc tốt, đúng quy trình kỹ thuật hoặc kỹ thuật kém. Để rút ngắn khoảng cách lứa đẻ phải tuân thủ những quy trình chăn nuôi hợp lý hoặc phải tác động để rút ngắn khoảng cách từ khi bò đẻ đến khi phối giống có chửa xuống còn khoảng 2 - 3 tháng. Trong điều kiện bình thường thì bò động dục trở lại chỉ mất thời gian khoảng 40 -50 ngày sau khi đẻ, để hàng năm con bò cái mang lại mỗi năm 1 con bê con.
Khoảng cách lứa đẻ dài hay ngắn có nhiều nguyên nhân. Khoảng cách lứa đẻ thường kéo dài đến 390 - 420 ngày, thậm chí là hơn, để khắc phục được tình trạng này cần chú ý:
+ Vào giai đoạn cai sữa và ngay sau khi đẻ, nuôi bò cái hợp lý phù hợp với nhu cầu gia súc.
+ Chuẩn bị và chăm sóc chu đáo bò cái vào lúc đẻ (chuồng trại sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện vệ sinh và hộ lý tốt).
+ Sau khi bò đẻ nên thụt rửa tử cung bằng dung dịch Rivanol hoặch Lugol với tỉ lệ: Nếu dùng dung dịch Rivanol 1-2% khoảng 300 - 500ml; nếu Lugol 100 ml (dung dịch Lugol là hỗn hợp I2, KI và nước cất theo tỉ lệ 1:2:300); nếu dùng nước muối dung dịch 1-2% khoảng 300 - 500ml. Sau đó đưa một trong các loại kháng sinh phổ rộng vào thẳng tử cung. Oxytetracyline 2,5g pha với 30ml nước hoặc Kanacyline 3g pha với 30ml nước, hoặc Ampicyline 2-3g pha với nước.
- Kết hợp tiêm bắp toàn thân hàng ngày (5 ngày liền), thuốc dùng tiêm là gentanyline 1ml cho 10kg thể trọng hoặc Ampi - septol 1ml cho 10-12kg thể trọng.
- Trường hợp đẻ khó, sót nhau hoặc bị viêm nhiễm đường sinh dục cần can thiệp và điều trị kịp thời, tích cực để sớm phục hồi chức năng sinh sản.
- Chọn lựa và sử dụng loại tinh chất lượng tốt để phối cho bò cái động dục đúng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, đặc biệt là phối giống vào thời điểm thích hợp.
Khắc phục bệnh chậm sinh và vô sinh
Hiện tượng chậm sinh và vô sinh có thể gặp ở bò cái tơ trên 2 năm tuổi hoặc ở bò cái sau đẻ 3 -5 tháng nhưng không thấy động dục trở lại. Có nhiều nguyên nhân gây ra hiện tượng này:
- Với bò cái tơ: Nguyên nhân có thể là do tử cung buồng trứng kém phát triển; không có tử cung hoặc buồng trứng có khối u nằm trên buồng trứng hoặc do chế độ dinh dưỡng kém, đặc biệt là các chất khoáng, vitamin A dẫn đến rối loạn nội tiết, cũng có thể do viêm nhiễm đường sinh dục. Cần xác định rõ nguyên nhân để có biện pháp điều trị đúng.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Nếu do bị bệnh từ bệnh dị hình khiếm khuyết thì không có cách chữa trị, cần loại bỏ bò cái này. Nếu trường hợp khác thì chữa trị bằng kháng sinh hoặc cải thiện chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng khẩu phần, sử dụng hóc môn để tác động lên bò.
- Với bò cái trưởng thành: Nguyên nhân do chăm sóc nuôi dưỡng kém, mất cân đối hoặc thiếu thành phần dinh dưỡng trong khẩu phần dẫn đến tình trạng bò gầy yếu, bò ít được vận động, có các bệnh như u nang buồng trứng, viêm tử cung, thể vàng tồn lưu... dẫn đến rối loạn hoặc thiếu hóc môn quá trình sinh sản. Cũng có thể do bò sữa đẻ lứa đầu có sản lượng lớn hoặc do bò cái mà bê con của nó đang bú sữa.
Để khắc phục tình trạng này hiệu quả, trước hết cần xác định rõ nguyên nhân. Theo dõi xem bò cái sữa không động dục thực sự hay động dục thầm lặng, thậm chí đã sử dụng cách dùng bò đực thí tình mà vẫn không phát hiện được bò động dục để áp dụng biện pháp thích hợp.
Nếu bò đẻ lứa đầu và năng suất sữa cao thì phải chờ đợi thêm thời gian. Trong thời gian này, không cho bê con bú sữa mẹ. Nếu bò gầy yếu do nuôi dưỡng cần phải tăng khẩu phần giàu hàm lượng các chất đạm, đường, vitamin, khoáng... Kết hợp chăn thả trên bãi cỏ để bò có điều kiện vận động tiếp xúc với môi trường bên ngoài.
Nếu xác định nguyên nhân bò cái không động dục do ung thư buồng trứng (có thể là u nang hay u nang thể vàng) có thể tiêm Prostaglandin (2ml chế phẩm estrumate) trong trường hợp u nang thể vàng.
Trường hợp thấy bò bị viêm tử cung với thể vàng tồn lưu thì biện pháp điều trị tốt nhất cũng là tiêm Prostalandin hoặc các chất tương tự (2ml chế phẩm estrumate) để làm tiêu biến thể vàng, giảm hàm lượng prosgestaron và tăng hàm lượng estrogen trong máu.

HỎI: Xin cho tôi biết cách chọn và ấp trứng vịt bằng phương pháp thủ công?

ĐÁP: **Để khắc phục nhanh đàn gia cầm, thủy cầm sau dịch cúm, sau đây xin trao đổi kinh nghiệm chọn và ấp trứng vịt theo phương pháp thủ công: Trứng vịt ấp tốt nhất phải là trứng lấy từ đàn vịt giống bố mẹ khỏe mạnh, không mắc dịch bệnh và ở tuổi thành thục từ 6 – 8 tháng tuổi trở lên, chọn những quả trứng không méo mó, không quá dài hay quá tròn, vỏ sạch không dính phân, dính máu, nhưng cũng không nên lấy những quả nhẵn quá (vì sợ đã bị rửa hoặc lau quá kỹ làm mất màng vỏ bảo vệ trứng). Không lấy quả rạn nứt, vỏ sần sùi hay quá mỏng. Soi qua ánh sáng ở phần đầu to của quả trứng thấy phần rỗng ở đầu quả trứng nhỏ là trứng tốt, nếu phần rỗng hơi to hoặc quá to là trứng đã bị loãng do trứng đã để lâu ngày và để ở nơi có nhiệt độ cao, làm ảnh hưởng sự phát triển của phôi, ảnh hưởng tỷ lệ nở vịt con sau này. Loại bỏ những quả có 2 lòng đỏ, lòng đỏ, lòng trắng có vết máu, những quả có những chấm nhỏ màu tím sẫm, những quả đó đã bị nấm mốc xâm nhập.**
Hiện nay có một số nhà lò đã dùng điện để ấp trứng với quy mô lớn, song vốn đầu tư cũng lớn. Việc ấp trứng thủ công từ xa xưa của ông cha ta đến nay vẫn được áp dụng. Trong bài viết này xin trao đổi qui trình ấp trứng vịt bằng vỏ trấu thóc nóng.
Cách làm lò ấp và nhiệt độ ấp trứng
Trứng vịt sau khi đã được tuyển chọn đạt yêu cầu được đưa vào túi lưới, rồi đem vào xếp ở các lò ấp gọi là "pho nóng", mỗi pho nóng là một hình khối tròn được quây bằng cót, có đường kính 0,6 – 0,8m, chiều cao 0,8 – 1m, đáy và xung quanh pho có trộn trấu được rang nóng dày 20cm, trấu được rang nóng ở nhiệt độ 40OC. Sau khi đã rải trấu thóc nóng xuống đáy và xung quanh pho, xếp đều các túi đựng trứng vào pho, cứ một lượt trứng lại rải một lượt trấu thóc nóng phủ kín trứng, cứ như thế xếp gần đến miệng pho, trên cùng cũng rải một lượt trấu thóc nóng dày 15 – 20cm, rồi đậy kín bao tải để giữ cho nhiệt độ trong pho được ổn định. Liên tục giữ nhiệt độ thích hợp 37,5 –38 OC, ở giai đoạn đầu trong vòng một tuần kể từ ngày ấp, 37 - 38OC ở giai đoạn 2 (từ 8 - 12), cứ 3 giờ một lần phải thay trấu nóng. Đến giai đoạn 3 (từ ngày 13 – 15) không phải dùng trấu thóc nóng nữa, nhưng vẫn phải ủ trứng trong pho nóng, nhiệt độ lúc này vẫn phải đảm bảo 37,5 – 38,5OC. Từ ngày 16 - 28 thì chuyển sang pho lạnh, nhưng mỗi lượt trứng vẫn phải dùng chăn đắp lên trứng để đảm bảo cho trứng có nhiệt độ 37–38 OC trước khi vịt nở.
Về độ ẩm: Ở giai đoạn đầu và cuối yêu cầu độ ẩm phải cao hơn so với giai đoạn giữa, giai đoạn 1 từ ngày ấp - ngày 7, độ ẩm cần có 70 – 75%. Giai đoạn 2 từ ngày 8 - 15, độ ẩm cần có 50 – 55% , giai đoạn 3 (từ ngày 22 – 28), độ ẩm cần có 65-70%, có thể điều chỉnh độ ẩm bằng mấy cách sau:
- Phun nước làm ẩm phòng ấp 36 – 37OC, đắp vải màn ướt lên trứng, muốn biết cụ thể độ ẩm trong phòng ấp, ta dùng một ẩm độ kế có sẵn bán trên thị trường.
- Đảo, làm mát, thông thoáng cho trứng: Việc này làm cùng với việc thay trấu thóc nóng ở giai đoạn 1 và 2, cứ 3 – 4 giờ thay trấu thóc nóng một lần, ta kết hợp đảo trứng và làm mát cho trứng; ở giai đoạn sau khoảng cách đảo trứng càng ngắn hơn: 2 – 3 giờ một lần, đảo kết hợp phun nước làm mát cho trứng, riêng phun nước ngày phun 2 lần là đủ. Để có

tác dụng thông thoáng, việc đảo trứng nên làm lần lượt từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới và ngược lại.
- Kiểm tra trứng ấp. Từ ngày thứ 7 cần được kiểm tra bằng cách soi trứng, dùng chụp soi lên ánh sáng mặt trời hoặc ánh đèn, kịp thời loại bỏ những trứng không phôi, chết phôi, trứng bị dập vỡ hoặc bị thối.
Trên đây là những kinh nghiệm cơ bản khi tiến hành ấp trứng vịt theo phương pháp thủ công, yêu cầu mọi thao tác phải nhẹ nhàng, thận trọng theo từng bước đã trao đổi. Làm đúng như kinh nghiệm trên tỷ lệ vịt nở của các bạn sẽ đạt hiệu quả cao.

HỎI: Phương pháp chăn nuôi ngan Pháp

ĐÁP: **I/ Đặc điểm giống ngan.**
Năm 1992 giống ngan Pháp được nhập vào nước ta gồm 2 dòng R31 và R51, năm 2001 nhập tiếp 2 dòng R51 và R71.
Ngan được phát triển rộng rãi với nhiều vùng sinh thái khác nhau. Ngan thương phẩm nuôi nhốt 9 tuần tuổi hoặc nuôi nhốt kết hợp với chăn thả 12 tuần tuổi ngan đạt khối lượng 2,5 - 3 kg/con mái, 4,5 - 5 kg/con đực.
Ngan sinh sản có tuổi đẻ là 26 tuần, năng suất trứng 160 - 200 quả/ mái/năm.
II/ Kỹ thuật nuôi ngan con (0 - 8 tuần tuổi).
1. Chuồng nuôi: Thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Độn chuồng bằng trấu, phoi bào hoặc rơm rạ khô không bị hôi mốc. Thường xuyên thay độn chuồng hoặc rải thêm chất độn chuồng. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ để nhốt và nuôi ngan như: vây, ràng, hoặc cót, máng ăn, máng uống hoặc mẹt tre, tấm nilon thay cho máng ăn máng uống làm sao khi cho ngan ăn tất cả đều được ăn uống. Thường xuyên phải vệ sinh máng ăn, máng uống. Mật độ tuần đầu 30 con/m2, tuần tuổi 2 - 4 từ 10 - 20 con/m2, 4 - 8 tuần từ 6 - 8 con/m2. Nhiệt độ chuồng nuôi 3 ngày đầu đảm bảo 28 - 320C, sau đó giảm dần đến ngày thứ 10 trở đi 20 -250C.
2. ánh sáng: Ngan con cần chiếu sáng 24/24 giờ ở 2 tuần đầu, sau đó 18/24 giờ, ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên.
3. Thức ăn: Thức ăn đảm bảo chất lượng:
+ 1-28 ngày tuổi:
- Protein thô: 20%
- Năng lượng trao đổi: 2850 - 2900 Kcal/kg
+ 29-56 ngày tuổi (ngan giống), 29 - giết thịt (ngan thương phẩm):
- Protein thô: 18%
- Năng lượng trao đổi: Ngan nuôi giống 2850 - 2900 Kcal/kg, ngan nuôi thương phẩm 3000 - 3200 Kcal/kg.
Có thể sử dụng thức ăn hỗn hợp dạng viện hoặc dùng gạo lật nấu cơm (cho ngan con), thóc luộc, ngô bung, thóc sống (cho ngan choai, hậu bị, sinh sản) trộn với bột cá, đỗ tương, Premik VTM, khoáng hoặc mồi tươi như: tôm, tép, cá, cua, ốc, giun đất, don dắt... Sử dụng bổ sung hoặc thay thế thêm rau xanh, bã bia cho ngan ăn. Ngan nuôi thương phẩm thì cho ăn tự do.
Ngan nuôi giống ngày đầu cho ăn 4g/con/ngày, sau đó mỗi ngày cộng thêm 4 gam đến 21 ngày tuổi, từ 22 - 28 ngày tuổi mỗi ngày cộng thêm 2g. Từ 29 - 35 ngày tuổi cho ăn 100gam/con/ngày, từ 36 - 49 ngày: 105g/con/ngày, từ 50 - 56 ngày: 110 g/con/ngày.
Ngan thương phẩm nuôi nhốt kết thúc ở 9 tuần tuổi, nuôi nhốt kết hợp chăn thả kết thúc ở 12 tuần tuổi.
Ngan giống kết thúc ở 8 tuần chọn ngan chuyển lên hậu bị.
Ngan giống khối lượng ở 56 ngày tuổi đạt trung bình mái: 1,4 - 1,6 kg, đực: 2,4 - 2,5 kg.
Chọn ngan để tỷ lệ đực mái là 1/4
III/ Kỹ thuật nuôi ngan hậu bị (9 - 25 tuần tuổi).
Ngan phát triển dưới điều kiện ánh sáng khí hậu tự nhiên phải chú ý khi thời điểm ngan thay lông. Mật độ chuồng nuôi 4 -5 con/m2, phải có sân chơi. Nuôi chăn thả phải có bãi chăn và có nơi cho ngan tránh nắng mưa. Chuồng trại phải luôn khô ráo, sạch sẽ.
Nước uống phải đầy đủ, sạch sẽ, đặc biệt khi nuôi khô phải thay nước thường xuyên cho ngan.
1. Thức ăn: Thức ăn đảm bảo dinh dưỡng:
- Protein thô: 15,5%
- Năng lượng trao đổi: 2850 - 2900 Kcal/kg
Lượng thức ăn đảm bảo cho ngan:
09 - 11 tuần tuổi: 112g/con/ngày
12 - 15 tuần tuổi: 115g/con/ngày
16 - 18 tuần tuổi: 120g/con/ngày
19 - 21 tuần tuổi: 125g/con/ngày
22 - 23 tuần tuổi: 130g/con/ngày
24 - 25 tuần tuổi: 135g/con/ngày
Từ tuần tuổi thứ 24 trở đi cho ăn thức ăn của ngan đẻ.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Thức ăn sử dụng hỗn hợp dạng viên hoặc thức ăn sẵn có của địa phương để nuôi ngan. Chỉ cho ngan ăn 1 lần trong ngày hết lượng thức ăn quy định.
2. Kiểm tra khối lượng ngan:
Thường xuyên kiểm tra khối lượng ngan để tránh ngan quá to hoặc quá nhỏ, khối lượng trung bình:
Tuần tuổi 12: Mái: 1,8 - 2 kg,
Đực: 3,3 - 3,5 kg.
Tuân tuổi 16: mái: 2 - 2,1 kg, đực: 3,6 - 3,8 kg
Tuần tuổi 20: mái: 2,1 - 2,3 kg, đực: 3,9 - 4,2kg
Tuần tuổi 24: mái : 2.4 - 2.8 kg, đực: 4,2 - g
3. ánh sáng: Trước khi ngan đẻ 5 tuần tăng dần thời gian chiếu sáng sao cho khi ngan đẻ đạt thời gian chiếu sáng 16 - 18 h/ngày.
Kết thúc tuần 23 chọn ngan chuyển lên sinh sản.
Tỷ lệ đực mái ghép 1/5
IV Kỹ thuật nuôi ngan đẻ
1. Chuồng trại: Chuồng trại phải khô, sạch, lớp độn chuồng phải dày từ 10 - 15 cm, thường xuyên bổ sung độn chuồng, có các ổ đẻ cho ngan đẻ. Chuồng không bị mưa hắt, nắng không chiếu trực tiếp vào ổ đẻ.
2. ánh sáng: Thời gian chiếu sáng 16 - 18 h/ngày.
3. Mật độ: Đối với chuồng có sân chơi hoặc có bãi chăn: 3-4 con/m2 cho chuồng nuôi.
4. Thức ăn: Nhu cầu dinh dưỡng
Nhu cầu dinh dưỡng
- Protein thô: 17 - 17,5%
- Năng lượng trao đổi: 2700 Kcal/kg
Ngan đẻ quả trứng đầu tăng lượng thức ăn lên 15%, khi đàn đẻ 5% tăng dần lượng thức ăn sao cho 7 ngày sau ngan ăn tự do ở ban ngày.
5. Nước uống: Luôn cung cấp đầy đủ nước uống sạch sẽ cho ngan. Máng uống không đặt xa quá nơi cho ngan ăn.
6. Lịch tiêm phòng và uống thuốc cho ngan:
1 -3 ngày tuổi:
+ Dùng thuốc phòng chống nhiễm trùng rốn, các bệnh đường ruột rà ảnh hưởng tác nhân Stress: Streptomyxin 4 mg/con: Neotesol, Tetraxyclin, Ampi - coly 60 mg/kg P; bổ sung VTM.
18 - 25 ngày tuổi:
+ Tiêm phòng vắc xin dịch tả 1 lần, tiêm dưới da
+ Bổ sung VTM và kháng sinh như: Ampi-coly, Sulphamide, Neomyxin, Tetraxyclin,... để phòng các bệnh do vi trùng gây ra.
50 - 60 ngày tuổi:
Tiêm vacxin dịch tả lần 2.
70 - 120 ngày tuổi:
Bổ sung VTM và kháng sinh
Chú ý sự biến động về thời tiết và sức khoẻ đàn ngan để bổ sung kháng sinh và phòng bệnh cho ngan 1 - 2 tháng 1 lần nhưng phải thay đổi loại thuốc dùng.
160 - 170 ngày tuổi:
Tiêm vacxin dịch tả lần 3, bổ sung kháng sinh và VTM. Sau khi ngan đẻ 4-5 tháng tiêm vacxin dịch tả lần 4 và phòng kháng sinh đối với các bệnh do vi trùng 1-2 tháng/lần

HỎI: Trường hợp bò mẹ sau khi sinh, tử cung bị lộn ra ngoài, cần phải can thiệp như thế nào?
(Nguyễn Văn Ngàn, ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TPHCM)

ĐÁP: Bò mẹ sau khi sinh, tử cung có thể bị lộn hoàn toàn ra ngoài. Hiện tượng này thường xảy ra ở những bò già, đã đẻ nhiều lứa, chăm sóc, nuôi dưỡng kém, ít vận động và những bò đẻ khó do thai to, thao tác kéo thai quá mạnh... Khi gặp trường hợp tử cung bị lộn ra ngoài phải xử lý ngay, càng sớm càng tốt. Càng để lâu hiệu quả điều trị càng thấp do tử cung bị khô, xung huyết, tổn thương và dễ nhiễm trùng, thậm chí có thể phải cắt bỏ tử cung hoặc gây chết.
Chúng ta có thể xử lý theo các bước sau:
- Cho bò đứng vào gióng đỡ (nếu có), phần mông cao hơn phần đầu, khi không thể cho bò đứng dậy được cũng có thể xử lý ở vị trí nằm, nhưng khó khăn và vất vả hơn.
- Rửa sạch toàn bộ phần tử cung lộn ra ngoài, bóc nhau. Nếu bò ở vị trí nằm thì phải lót tấm ni lông bên dưới, trước khi rửa.
- Rửa lại bằng dung dịch sát trùng nhẹ hoặc dung dịch có tính chất làm săn da (có thể dùng dung dịch phèn chua 2%, dung dịch Novocain 3%...).
- Một người giúp nâng đỡ tử cung lên ngang âm hộ, người kia dùng hai tay ấn từng phần tử cung vào bên trong cho đến khi toàn bộ tử cung được đưa vào hết. Lưu ý, tay phải được sát trùng sạch sẽ, móng tay cắt ngắn và thao tác phải nhẹ nhàng để tránh gây tổn thương.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Kiểm tra lần cuối xem tử cung có bị xoắn không.
- Bơm thụt bằng dung dịch thuốc sát trùng và đặt kháng sinh phổ rộng vào tử cung.
Nếu thấy có hiện tượng xuất huyết thì tiêm thuốc cầm máu. Nếu bò có triệu chứng toàn thân như sốt, kém ăn, ủ rũ... thì điều trị toàn thân bằng kháng sinh và các loại thuốc trợ sức.
Trường hợp bò rặn nhiều cần chú ý: Dùng dung dịch Novocain phong bế vùng khum đuôi; khâu nép âm hộ để cố định và tránh không cho tử cung bị đẩy trở lại ra ngoài.

HỎI: Các triệu chứng thiếu vitamin ở gà. Nguyên nhân và cách phòng trị.

ĐÁP: Nếu thiếu Vitamin A gà sẽ chậm phát triển, giảm đẻ, tỷ lệ nở thấp, mắt mờ, mào khô, sừng hóa.
- Nếu thiếu vitamin D gà sẽ bị chứng xương mềm, đi tập tễnh, khớp xương biến dạng, gà đẻ xương rổng, võ trứng mỏng, giảm đẻ.
- Nếu thiếu Vitamin PP gà sẽ bị triệu chứng miệng lỡ lóet, viêm khớp, viêm ruột.
Nếu thiếu Vitamin B1 gà bị chứng chân yếu ngón co quắp, đầu nghẹo, không đi được, kém ăn, gầy còm.
- Nếu thiếu Vitamin B2 lòng đỏ trứng g à không thẫm, xu hướng đi bằng đầu gối, ngón co quắp, hấp thu thức ăn kém làm gà chậm lớn.
- Nếu thiếu Vitamni B12 gà thiếu máu chậm lớn.
Nếu thiếu Vitamin E gà thư ờng bị triệu chứng phù đầu, sưng xuất huyết não, gà con đi lại khó khăn, đi hay ngã hoặc đầu cúi gập giữa 2 chân. Gà kém hoạt động tỷ lệ nở thấp.
Nguyên nhân chính dẫn đến gà thiếu Vitamin là do thành phần thức ăn dùng nuôi gà thiếu Vitamin. Biện pháp khắc phục chủ yếu là bổ sung Vitamin vào thức ăn: Hanminvit-Super: 1g/1l ít nước hoặc 1 kg thức ăn. B complese: 1ml/con, tiêm bắp hoặc dưới da. Multivit-fort: 1ml/2kg thể trọng tiêm bắp dưới da. Thuốc giải: 3g/lít nước.

Gà nuôi thả tự nhiên thông thường năng suất sản xuất thịt trứng thấp, dinh dưỡng được cân bằng tương tựlối sống tự do. Mặc khác gà chăn thả tự nhiên có khả năng thích ứng với điều kiện môi trường biến đổi. Thức ăn chủ yếu tự kiếm, gặp cỏ ăn cỏ, gặp lá ăn lá, có cơm ăn cơm... xét về mặt dinh dưỡng gà chăn thả tự nhiên có chuỗi thức ăn phong phú, đa dạng có tác dụng bổ sung hỗ trợ vì vậy gà ít bị mắc triệu chứng thiếu Vitamin. Hơn thế gà chăn thả tự nhiên vận động nhiều, có đủ ánh sáng yếu tố cần thiết để tổng hợp 1 số Vitamin tăng quá trình trao đổi chất. Còn gà nuôi nhốt năng suất sản xuất cao trong điều kiện ít vận động, thiếu ánh sáng tự nhiên, thức ăn mất cân đối Vitamin do đó gà thường bị các triệu chứng của căn bệnh thiếu Vitamin.

HỎI: Nông dân thường gọi bệnh phù đầu vịt; thực ra đó là bệnh gì? Phải chăng là bệnh dịch tả vịt? Cách phòng trị bệnh ra sao?

ĐÁP: Vịt có triệu chứng phù đầu chưa hẳn là bị bệnh dịch tả vịt; mà cần phải xem xét cụ thể từng trường hợp kết hợp với các triệu chứng, bệnh tích đặc hiệu khác như sau:
- Vịt bị phù đầu kết hợp với triệu chứng viêm niêm mạc mắt và đi phân loãng trắng xanh; bệnh tích xuất huyết ở đường tiêu hóa và bị viêm loét ruột, gan bị xuất huyết hoại tử lấm chấm trắng hình đinh ghim, màng bao tim tích chất dịch màu vàng và mỡ vành tim xuất huyết thì mới có thể nghi là bệnh dịch tả vịt. Bệnh này không có thuốc điều trị; chỉ ngừa bằng vaccin dịch tả vịt lúc vịt 3 ngày nhỏ mắt,hoặc nhỏ mũi cho vịt, lúc vịt 3 tuần, 3 tháng tuổi thì tiêm ngừa cho vịt dưới da cổ, da ức, da đùi hoặc màng cánh.
- Vịt bị phù đầu kết hợp với triệu chứng viêm mũi chảy nước, bệnh tích trên túi khí bị vàng đục, có phủ sợi fibrin có thể là bệnh viêm xoang mũi truyền nhiễm do Mycoplasma. Ngừa bệnh cho vịt bằng vaccin Mycoplasma chích cho vịt 1 tháng tuổi và trước khi vịt đẻ; hoặc có thể ngừa bệnh cho vịt bằng kháng sinh Tylosin, Tiamulin, Norfloxacin, Erythromycin kết hợp với vệ sinh chuồng trại thường xuyên thay đổi chất độn chuồng, tránh ẩm mốc, tránh mưa tạt gió lùa.

HỎI: Nhà tôi có nuôi gà ta ăn thịt, gà đã được uống các loại thuốc phòng. Gà đến khoảng 1,5 kg thì có hiện tượng đi phân lỏng nhiều nước nhưng không phải là phân trắng. Gà uống nhiều nước nhưng gà cứ bị gầy khô. Tôi muốn hỏi hiện tượng trên là bệnh gì? Có thuốc nào điều trị loại bệnh này không? Xin cám ơn. (Phạm Thị Thu Hiền- Ninh Hòa, Hoa Lư, Ninh Bình)

ĐÁP: Các bước mô tả của bạn còn sơ sài nên chưa thể xác định chắc chắn là gà bị mắc bệnh như thế nào. Nếu bạn muốn chẩn đoán một cách chính xác bệnh của gà phải ghi tỉ mỉ các triệu chứng của gà, tiến hành mổ gà bệnh và mô tả tỉ mỉ lại các hiện tượng bất thường của gà bệnh. Qua mô tả của bạn rất có thể gà bị bệnh Gumboro kế phát theo bệnh Newcastle (Bệnh Gumboro phát sinh có thể kéo theo rất nhiều bệnh khác).

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Triệu chứng:

Đàn gà đang ăn uống bình thường, bỗng nhiên có một số con cơ hậu môn co bóp nhanh, mạnh như muốn đi ngoài nhưng không thực hiện được. Sau đó 1-2 giờ có một số con nằm quay ra nền, số con còn lại uống rất nhiều nước. Sau đó không lâu số gà nằm bẹp tăng lên nhanh, đàn ga trở lên xơ xác như vừa trải qua một cơn lốc. Sau đó 6-8 giờ từ khi gà nằm xuống đất, gà bắt đầu chết, sang ngày hôm sau, gà chết tăng lên nhanh và ngày thứ 7-8 thì gà lại trở lại bình thường. Đó là bệnh Gumboro thuần túy.

Khi kế phát với Newcatle thì gà bệnh tăng lên rất nhanh ngày nào cũng có gà chết ở mật độ cao.

+ Trong đàn có nhiều gà có triệu chứng hen thở.
+ Chân, mỏ kém bóng và trở lên khô quắt.
+ Lông gà xù, gà ủ rũ, nhiều gà chảy nước miếng, nước mũi thành sợi từ mỏ kéo xuống đất.
+ Gà gầy nhanh
+ Phân gà từ loãng vàng, loãng vàng trắng chuyển sang loãng xanh hoặc nhớt xanh.
+ Sau cơn hen gà phát tiếng "toóc".
+ Những gà còn sống đứng chụm đống lại với nhau ủ rũ, cổ rụt, run rẩy. Khi rắc cám mới thì xông ra ăn nhưng chỉ ăn vài miếng rồi quay lại ngày chụm đầu 1 góc chuồng, muốn ăn nhưng không ăn được.
- Gà chết mỗi ngày một nhiều thậm chí sau hàng chục ngày kể từ khi nổ ra bệnh gà vẫn tiếp tục chết. Tỉ lệ chết 40-100%.

Mổ khám

Khi có triệu chứng như trên ngày nào cũng phải mổ khám nghi chép tỉ mỉ để tiện theo dõi và so sánh quá trình phát bệnh.
- Lột da gà cho ta thấy ngay xuất huyết li ti thành từng đám trên bề mặt cơ đùi, cơ ngực.
- Túi Fabricius sưng rất to và 2-3 ngày đầu, khi bỗ đôi số điểm xuất huyết li ti, thậm chí có cả cục máu, sau đó mật độ xuất huyết nặng hơn và túi bắt đầu teo lại. Trong nhiều trường hợp Fabricius chứa một cục như bã đậu phụ.

Khi ghép với bệnh Newcatle ngoài những bệnh tích trên ta còn thấy rõ:
- Thể trạng gà rát kém, gà gầy và ướt
- Bóp mồm gà thấy chẩy nhiều nước từ mũi, miệng
- Vạch hậu môn thấy xuất huyết nặng.
- Cả đường ruột từ mề xuống tận hậu môn đều bị viêm xuất huyết, đôi chỗ bị viêm loét, một số trường hợp xuất huyết thành vệt ngang nơi phân cách giữa dạ dày cơ hoặc cả dạ dày tuyến là một mảng xuất huyết đỏ nếu để nâu có vảy màu nâu đen.
- Gan, lách, tim bình thường, túi mật căng, thận hơi bị sưng, chứa nhiều urat hoặc xuất huyết.
- Phổi bị sung huyết.

Điều trị

Bệnh Gumboro ghép với bất kì bệnh nào thì bước đầu đều tiến hành 2 bước:
Bước 1: Chủng ngừa Newcatle bằng vaxin.
- Nếu đàn gà từ 30 ngày tuổi trở lên và đã 2 lần phòng Lasota thì lập tức tiêm vaxin H1.
- Nếu đàn gà dưới 1 tháng tuổi và mỗi nhỏ được 1 hoặc 2 lần Lasota thì bơm trực tiếp vaxin Lasota vào miệng mỗi con từ 1-2 ml vaxin đã pha loãng với nước cho tất cả gà trong đàn.
Bước 2: ngay sau đó chữa Gumboro và có nhiều cách chữa:
C1: Cho 100 kg trọng lượng gà:
+ 2 gói Anti-Gum 10g
+ 20-25 gam stress Bran hoặc Mix hoặc polyonin A hoặc 1 loại Premix vitamin hòa tan trong nước.
T. colivit 2 gói = 20 gam
Vitamin K 1%ml x 10 ống.
Vitamin C 5% 5mlx5-10ống
Vitamin B1 2,5% 5mlx5-10 ống
Tất cả thuốc trên pha với 12-15 lít nước cho gà đủ uống trong ngày, đêm. Chú ý tất cả gà nằm bẹp phải nhốt riêng và nhỏ trực tiếp vào miệng cho mỗi con từ 2-3ml/lần làm như vậy 4-5 lần/ngày, liên tục 3-4 ngày.
Cách 2: Pha trong 12-15lít nước cho 100kg gà uống.
- 2 gói Anti Gum
- Vitamix 200g 1 thìa canh
- 2 gói T.colivit=20g hoặc T.umgiaca 20g

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Đồng thời tiêm bắp trực tiếp dung dịch sau:
Vitamin B complex 2ml/ống: 10 ống
Vitamin K 2ml/ống: 10 ống
Vitamin C 5% 5ml/ống: 5-10 ống.
Viatamin B1 2,5% 5ml/ống: 5-10ống.
Tiêm mỗi con từ 0,5-1ml/lần nếu gà từ 1,5kg trở lên tiêm với liều lượng gấp đôi. Mỗi ngày tiêm 1 lần, tiêm liên tục 2-3 ngày.
Cách 3: Cho 100kg gà
- Stress bran 25gam(điện giải và tăng lực x1/2gói)
- Glucoza 100gam
- Vitamin B1 5% 5ml/ống: 10 ống
- Viatamin C 5% 5ml/ống: 10 ống
- Vitamin K 1% 2ml/ống: 10-15 ống.
- T.Avimicin 10gam/gói: 2 gói
Tất cả thuốc trên hòa vào 12-15lít nước để cho 100kg gà uống trong ngày. Những con gà không tự uống được nhốt riêng và bơm thuốc trực tiếp vào miệng mỗi con 1-3ml/lần, 5-6lần/ngày, liên tục 3-4 ngày.

Nếu phát hiện bệnh sớm chỉ cần 3-4 ngày điều trị benẹh sẽ khỏi và sau 8-10 ngày, đàn gà trở lại bình thường. Làm theo 1 trong 3 cách trên, kết hợp tiêm H1 hoặc Lasota sẽ cứu sống được 90-95% số gà mắc bệnh (với điều kiện gà đã được sử dụng 2 lần vaxin Lasota).

HỎI: Xin cho hỏi cụ thể về các mô hình và cách nuôi ếch trên ao ruộng và xây hồ như thế nào? Giá ếch giống và ếch thành phẩm, thức ăn cho ếch? (Nguyễn Văn Phú- Gò Công Đông- Tiền Giang)

ĐÁP: I. Nuôi ếch đồng trong ao và lồng

Ếch không chịu được rét, suốt mùa đông ếch ẩn nấp trong hang tránh rét, sang mùa xuân ấm áp mới đi lại kiếm ăn. Nên bắt đầu nuôi ếch từ mùa xuân, tháng 2-3 dương lịch.

Chuẩn bị ao và lồng nuôi

Ao nuôi ếch không cần sâu, có thể tận dụng các ao rộng, căng lồng dọc bờ ao để nuôi. Nước ao sạch, có thể thay nước khi cần. Ao nên tẩy vôi khử trùng hay khử trùng bằng thuốc tím 100g/m2 mặt ao trước khi nuôi.

Thiết kế lồng nuôi ếch là việc làm quan trọng của nghề nuôi ếch lồng. Lồng được căng trên ao nhờ các cọc tre tạo thành khung cắm sâu xuống đáy ao. Dùng lưới nilon (cỡ 60 mắt/cm2) quây thành lồng nuôi. Kích thước lồng dài 2m, rộng 1,5m và cao 1m, chân lưới cắm sâu trong đất 5-10cm. Với kích thước lồng như thế này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ếch sinh trưởng tốt và tiện lợi cho chăm sóc, quản lý của người nuôi. Nước trong ao nên duy trì 40-50cm, bên trong lồng bố trí các tấm xốp phủ nilon lên trên gọi là "sàn lồng" nổi lên trên mặt nước để ếch có thể nhảy xuống uống nước hay leo lên ngồi trên sàn lồng, đồng thời là nơi cho ếch ăn hàng ngày. Diện tích phần sàn lồng nổi chiếm 2/3 diện tích mặt nước. Mỗi lồng nuôi với kích thước như trên có thể thả 200-250 con ếch giống (khoảng 5-6g/con).

Tiêu chuẩn ếch giống

Ở Việt Nam có nhiều giống ếch như ếch đồng, ếch xanh, ếch gai... song nuôi ếch đồng là có giá trị hơn cả: ếch đồng dễ nuôi, ít bị bệnh, chóng lớn, con giống rẻ. Ếch giống 35-40 ngày tuổi đạt trọng lượng 5-6g/con, chọn những con khoẻ mạnh, không bị dị hình, kích cỡ đồng đều. Thả mỗi lồng nuôi 1-1,5kg ếch giống. Tuỳ thời điểm nuôi trong năm mà giá ếch giống (giống ếch đồng) dao động 30.000-50.000 đ/kg.

Chăm sóc

Ếch thích ăn côn trùng, cá, tôm, cua... song nuôi ếch công nghiệp nên dùng thức ăn hỗn hợp, như thế sẽ kinh tế và có nguồn thức ăn ổn định. Thức ăn hỗn hợp trong nuôi ếch thịt thương phẩm nên dùng loại kích thước 2-4mm, hàm lượng đạm 30%. Cho ếch ăn với lượng thức ăn chiếm 4-5% khối lượng ếch nuôi, ngày cho ăn 1 lần. Khi cho ếch ăn, vãi thức ăn lên sàn lồng, theo dõi ếch ăn để điều chỉnh lượng thức ăn sao cho ếch ăn được nhiều nhưng không để dư

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

thừa thức ăn, vừa gây tốn phí, vừa làm bẩn nước nuôi. Cần chú ý kiểm tra lồng nuôi, phát hiện kịp thời các khe hở, lỗ hở, các sinh vật ăn thịt ếch (chuột, rắn...) làm hao hụt số lượng ếch nuôi. Hàng tháng cần phân loại ếch để tách nuôi riêng những con không cùng kích cỡ, tránh để những con lớn ăn thịt con nhỏ.

Trong quá trình nuôi, ếch có thể bị mắc một số bệnh như bệnh chướng hơi, bệnh đường ruột, bệnh trùng bánh xe... nguyên nhân chủ yếu do nước nuôi bẩn, môi trường nuôi bị ô nhiễm. Để phòng bệnh, cần giữ sạch nước nuôi, nếu nước bẩn, nước tù đọng, nước bị chua... cần thay nước mới. Tuyệt đối không để nước ao bị nhiễm các hoá chất bảo vệ thực vật, các loại thuốc diệt cỏ. Khu vực nuôi cần được giữ yên tĩnh ếch mới ăn nhiều và chóng lớn. Thức ăn phải sạch, không bị thối hỏng. Khi phát hiện ếch bị bệnh cần điều trị kịp thời và dứt điểm, nếu con ếch nào chết cần loại bỏ ngay.

Thu hoạch, vận chuyển

Sau khi nuôi 3-4 tháng, trọng lượng ếch đạt 80-100g/con, mỗi lồng nuôi có thể cho thu từ 12-20kg ếch thịt. Trước khi thu hoạch, ngừng cho ăn để ếch bài tiết hết phân, và gom ếch lại nuôi với mật độ dày để ếch quen dần trước khi tập hợp ếch để vận chuyển. Lúc đánh bắt cần nhẹ nhàng, tránh sây sát. Để vận chuyển ếch, dùng bao tải, túi lưới... cho ếch vào trong, nhúng nước rồi vận chuyển. Nhìn chung cần giữ cho da ếch luôn ướt khi vận chuyển thì ếch sẽ không bị chết.

II. Nuôi ếch trong ruộng lúa

Ruộng lúa là môi trường rất tốt cho ếch sinh sống và phát triển. Những côn trùng hại lúa là nguồn thức ăn ếch ưa thích...

Chọn ruộng nuôi

Chọn ruộng có nguồn nước đầy đủ, cấp thoát nước thuận lợi, diện tích từ vài trăm đến vài nghìn m2, trong đó 2/3 diện tích để trồng lúa, còn lại trồng xen khoai nước hoặc sen. Nếu ruộng lúa và ao sen sát cạnh nhau có thể bao bờ chung, đào một hố bảo vệ rộng 1 - 2m2, sâu 50 - 60m, ở gần cửa cống thoát nước và xẻ mương bảo vệ rộng 30cm, sâu 50cm xung quanh ruộng lúa, nối liền hố với mương để ếch và nòng nọc có chỗ sinh sống khi tháo cạn phơi lúa. Bờ ruộng nên đắp rộng và cao, giữ độ sâu nước từ 6 - 15cm, nên trồng loại lúa ngắn ngày, khi gặt để lại gốc cho lúa nảy chồi.

Trước khi thả ếch phải rào lưới. Dùng 2 tấm lưới nilon khâu lại, độ cao 1,5m trở lên, chân lưới vùi sâu xuống đất trên 10cm. Lưới được buộc vào các cọc nẹp tre, gỗ làm giá đỡ, có thể dùng giấy tẩm dầu, tấm lợp xi măng hay xây tường gạch (tuy nhiên cần chú ý vì những loại vật liệu này thông gió kém, dễ đổ, trôi... khi có mưa bão). Tại các chỗ cửa rào, cửa cống cấp thoát nước cần bịt bằng lưới nilon, mắt lưới to nhỏ tuỳ kích cỡ loại ếch nuôi.

Thả ếch

Khi nhiệt độ nước trên 18oC hoặc sau khi cấy lúa xong 10 ngày thì thả ếch (cỡ 20g/con) vào ruộng, mật độ thả 1.000 con/sào. Nên thả cùng cỡ trên một diện tích để tránh con lớn ăn con bé. Không thả nòng nọc ở ruộng vì sẽ bị lươn, côn trùng, ếch đồng, thuỷ sinh... ăn.

Nếu ruộng lúa ít côn trùng có thể mắc đèn bẫy sâu bọ, sau khi gặt lúa. Trời lạnh ít sâu bọ cho ếch ăn thêm tôm, cá nhỏ, giun... Ruộng nuôi giữ nước sâu 6 - 15cm. Khi cần phơi nắng, tháo nước cạn dần để nòng nọc rút vào mương bảo vệ hoặc ruộng khoai, ao sen.

Chống nóng

Vào mùa hè, cây lúa còn nhỏ, ruộng không có gì che mát, nhiệt độ có khi lên tới 38 - 40oC, vượt quá mức thích nghi của ếch. Vì vậy cần cấy lúa chính vụ hay lúa sớm, khi gặt lúa cần để gốc rạ đều cho mọc lúa chét. Cạnh ruộng lúa nên trồng khoai, sen để ếch trú ẩn, hoặc lấy rơm rạ lợp vào một chỗ che mát trên mương để bảo vệ ếch.

Chăm sóc

Ruộng lúa nuôi ếch cần điều chỉnh mật độ cấy thích hợp, cải tiến kỹ thuật bón phân để giảm nhẹ nguồn bệnh, không cần sử dụng đến thuốc trừ sâu, ếch vẫn có thể sinh trưởng và phát dục thuận lợi, không cần phơi ruộng hạn chế lúc đẻ nhánh, ruộng nuôi ếch cần bón lượng phân lót nhiều hơn, giảm hay bỏ hẳn bón thúc để nâng cao hiệu quả bón phân, giảm tác hại cho ếch.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Lợi ích

Nuôi ếch một thời gian thì phần lớn côn trùng trong ruộng có ếch ít hơn, sẽ bớt bệnh hại lúa, nên cũng ít phải phun thuốc trừ sâu. Nếu có dùng nên chọn loại ít độc hoặc dồn ếch về khu ruộng khoai, sen để tránh độc vài ngày. Tốt nhất là không nên dùng.

III. Giá ếch trên thị trường và hiệu quả kinh tế

Giá ếch thịt bán ra khoảng 20000- 30000 đồng/kg
Giá sản xuất ra 1kg ếch thịt vào khoảng 18000- 20000đ bao gồm tiền giống, tiền thức ăn, công chăm sóc, thuốc phòng trị bệnh.
Tuỳ thời điểm nuôi trong năm mà giá ếch giống (giống ếch đồng) dao động 30.000-50.000 đ/kg.

HỎI: Xin các nhà khoa học cho tôi biết kỹ thuật nuôi heo nái. Những bệnh thường gặp và cách phòng bệnh? (Nguyễn Thị Anh- Ninh Hoà, Hoa Lư, Ninh Bình)

ĐÁP: I. Kĩ thuật nuôi lợn cái hậu bị

Giai đoạn nuôi lợn nái hậu bị là giai đoạn nuôi để lợn phát triển theo hướng giữ làm giống.

1. Tiêu chuẩn chọn lợn cái hậu bị

- Về giống, có thể chọn để nuôi:
Lợn nội: Ỉ, Móng cái, Ba xuyên, trắng Phú Khánh...
Lợn ngoại: Yocsia, Landrat...
Lợn lại F1: giữa Yocsia với lợn nội (Ỉ, Móng Cái...)

Đối với lợn nội: ta chọn những con nhanh nhẹn, khỏe mạnh và to con nhất trong đàn, lợn mẹ xét theo chỉ tiêu số lứa đẻ/năm, khả năng tiết sữa của lợn mẹ, số con/ổ, khối lượng sơ sinh, ...chọn những con thuốc lợn mẹ có chỉ tiêu cao hơn bình quân của toàn đàn.

Khi chọn lợn ngoại và lợn lai, cần biết rõ nguồn gốc bố- mẹ và khả năng sinh sản của lợn mẹ. Chọn nái lại F1 giống sản xuất lợn lai nuôi thịt, nên chọn lợn lai Fx Móng Cái, vì có nhiều trong sản xuất dễ chọn lọc, để nuôi trong điều kiện chăn nuôi hộ gia đình.

2. Tiêu chuẩn của lợn nái mẹ khi chọn làm lợn hậu bị

- Lợn nái đẻ từ lứa 2-3 trở lên đến lứa thứ 6-7.
- Có số lứa đẻ: 1,8-2 lứa/nái/năm
- Số con sơ sinh: 10con/ổ trở lên
- Số con cai sữa: 8con/ổ trở lên
- Khối lượng cai sữa 50-55 ngày tuổi 12-15kg/con.
- Không có bệnh tật trong thời gian theo mẹ đến khi cai sữa.

Tự nuôi lợn nái để chọn lợn con làm giống hậu bị đơn giản hơn vì đã chọn cặp bố mẹ cho phối giống, đã theo dõi và nuôi dưỡng đàn lợn con trong giai đoạn theo mẹ, đã trực tiếp theo dõi bệnh tật và tiêm phòng bệnh cho lợn.

Trường hợp mua giống ở bên ngoài, cần lưa ý quan hệ chặt chẽ với người hoặc đơn vị cung cấp giống.

3. Kĩ thuật nuôi dưỡng

Lợn có khối lượng 25-55kg, nhu cầu năng lượng trao đổi cần tới 4000-4500 Kcal, lợn 55-80kg c 7000Kcal.

Nếu một kg thức an có năng lượng trao đổi 2800-3000 Kcal, thì lợn có khối lượng 25-55kg cho ăn mỗi ngày 1,5-1,8kg, lợn có khối lượng 55-80kg cho ăn mỗi ngày 2,3-2,5kg. Tỷ lệ protein tiêu hóa trong 1kg thức ăn hỗn hợp l 14% ở lợn 25-55kg và 13% ở lợn 55-80kg. Mỗi ngày cho ăn 2-3 bữa, trong điều kiện chăn nuôi gia đình, cho ăn thức ăn sệt (60-65% nước) là tốt nhất vì dịch tiêu hóa ở tuyến nước bọt tiết ra nhiều nhất. Bữa ăn chính vào buổi sáng và buổi chiều, buổi trưa cho ăn nhẹ và chú ý cho uống nước tự do. Nước sạch và trong.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Cần theo dõi không để cho lợn quá béo hoặc quá gầy.

4. Những điểm cần chú ý

- Kết thúc giai đoạn hậu bị, những con được chọn làm nái sinh sản phải đạt những tiêu chuẩn sau:
Lợn lai F1: 68-75kg (Lợn lai có 50% máu nội - MC), cao chân, 4 chân vững, có 12 vú trở lên, núm vú cách đều nhau, có nguồn gốc từ bố mẹ rõ ràng, quan trọng là từ mẹ sinh sản tốt và đực không đồng huyết, không có bệnh truyền nhiễm, mãn tính.

- Một số chỉ tiêu sinh lí, sinh dục đạt được:
Tuổi phối giống lần đầu: 7-8 tháng, không quá 10 tháng tuổi. Khối lượng phối giống lứa đầu 65-90kg ở lợn lai F1 và lợn ngoại thuần.
Tuổi động dục đầu tiên thường ở 6-6,5 tháng tuổi, nhưng chưa được cho giao phối, phải đợi chu kì động dục 2 vì lúc này bộ máy sinh dục phát triển hoàn chỉnh hơn. Như vậy, tuổi đẻ lứa đầu ở lợn khoảng 12-13 tháng tuổi.

II. Những điều cần biết khi phối giống lợn nái

Trong quá trình chăn nuôi lợn nái, để có năng suất cao bà con nông dân cần biết một số điều cơ bản sau đây:

1. Phối giống cho lợn nái đúng lúc:

Mỗi chu kỳ động dục của lợn nái trung bình là 21 ngày. Muốn lợn nái đẻ nhiều con, cần phát hiện lợn động dục chính xác. Những căn cứ chủ yếu để phối giống cho lợn nái.

– Trọng lượng lợn nái nội phải đạt 45 – 50kg trở lên.
– Trọng lượng lợn nái ngoại phải đạt 80 – 90kg trở lên.
– Thời gian nuôi nái nội 5 – 6 tháng.
– Âm hộ chuyển từ màu đỏ tía sang màu mận chín, xuất hiện những nếp nhăn.
– Dịch nhờn tiết ra có độ bám dính cao biểu hiện có rơm rạ bám dính vào âm hộ.
– Khi vỗ vào hông khum lợn đứng im, dạng chân ra, đuôi quạt sang một bên. Khi đè mạnh lên lưng mà lợn đứng im là thời kỳ mê ỳ của lợn.
– Mắt lợn nái lờ đờ kém linh hoạt, đây là thời điểm dẫn tinh dịch thích hợp, lợn nái tơ phối vào cuối ngày thứ 3 hoặc sáng ngày thứ 4. Kể từ lứa thứ 2 trở đi thường phối vào cuối ngày thứ 2 hoặc sáng ngày thứ 3 kể từ lúc bắt đầu động dục.

Khối lượng tinh dịch cho mỗi lần phối

– Đối với lợn nái nội 30ml cho mỗi lần phối với điều kiện chất lượng tinh dịch đảm bảo 1 tỷ tinh trùng trong 1 liều tinh.
– Đối với lợn nái ngoại 3 liều 30ml cho mỗi lần phối, khoảng 3 tỷ tinh trùng chất lượng tinh phải đảm bảo.
– Cần phối lại một lần nữa cho lợn nái. Nếu phối cho lợn nái buổi sáng thì 4 – 5 giờ chiều cần phối lại một lần như vậy nữa thì tỷ lệ có chửa chắc chắn sẽ cao. Điều này đúng cho cả lợn nái nội và lợn nái ngoại.

2. Nuôi dưỡng, chăm sóc lợn trong và sau khi phối

Trước và trong khi phối giống cần cho lợn nái ăn khẩu phần đầy đủ dinh dưỡng, đặc biệt quan tâm đến chất đạm, chất khoáng vitamin. Thông thường mức trộn thức ăn giàu chất đạm như khô dầu ép máy hoặc bột đậu tương rang là 10%, bột cá 5% để bổ sung chất đạm cho lợn. Với khoáng chất nên trộn bột vỏ sò, bột xương tỷ lệ 2 – 3% và cần mua Premix vitamin, Premic khoáng lượng mỗi thứ trộn vào 1% trong thức ăn hỗn hợp cho lợn. L.Lysin HCl 0,1%, metymin 0,2% trộn hỗn hợp trong tổng khối lượng thức ăn. Lợn chửa 3 tháng 3 tuần 3 ngày khoảng 114 ± 2 ngày, với lợn nái nội mức ăn 3 tháng đầu khi có chửa là 1,3 – 1,4kg/con/ngày. Từ 91 ngày đến trước 2 ngày đẻ là mức 1,5 – 1,6kg/con/ngày. 2 –3 ngày trước khi đẻ giảm khẩu phần thức ăn xuống chỉ cho ăn mức 1,3 – 1,4kg thức ăn hỗn hợp/con. Trong một ngày cung cấp nước sạch đầy đủ cho lợn.

Với lợn nái ngoại tùy trọng lượng to nhỏ khác nhau, mức ăn trong thời kỳ có chửa như sau:

– 3 tháng đầu ăn 1,8 – 2kg/con/ngày.
– 91 ngày đến trước khi đẻ 2 – 3 ngày ăn mức 2 – 2,5kg/con/ngày.
– 2 – 3 ngày trước khi đẻ cho ăn mức 1,8 – 2kg/con/ngày.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Khi giảm lượng thức ăn xuống cần tăng cường cho lợn uống nước đầy đủ để lợn dễ đẻ.

Lưu ý: Vấn đề dinh dưỡng được nhiều người chăn nuôi quan tâm đó là: Trong mùa hè chăn nuôi lợn nái bằng khẩu phần hèm rượu quá nhiều đặc biệt trong những ngày nắng nóng thì lợn con dễ bị chết lưu và có thể dẫn đến tử vong cả lợn mẹ.

III. Kĩ thuật chăm sóc lợn nái đẻ

1. Hiện tượng sắp đẻ

Khi thấy lợn căng bầu vú, nặn đầu vú có sữa trong tiết ra (sữa đầu), mông bị sụt là lợn sắp đẻ (đẻ sau đó 2-3 giờ). Trước đó khoảng 2 ngày, âm hộ lợn sưng to, lợn đi lại quanh chuồng, bỏ ăn, ỉa phân cục không vào chổ nhật định, ủi máng ăn, máng uống đẻ cả rơm lót chuồng. Khi lợn tìm chỗ nằm, âm hộ chảy nhờn là lợn bắt đầu đẻ.

2. Đỡ đẻ và chăm sóc khi đẻ

Cần chuẩn bị nơi kín gió, ấm, lót rơm mềm để nhót riêng lợn con, hoặc nhốt vào thùng có lót lá khô.

Chuẩn bị khăn hoặc vải mềm để lau khô lợn con mới sinh
Khi lợn đẻ, bọc nước ra trước, lợn con ra theo, sau đó bình thường cứ 10 phút đẻ ra 1 con. Thời gian đẻ khoảng 2-3 tiếng, nếu đẻ lâu (8-10 tiếng) là lợn mẹ yếu. có thể do suy dinh dưỡng hoặc bị bệnh. Trường hợp này lợn con dễ bị ngạt chết. Khi đẻ lợn nằm nghiêng một phía, bốn chân duỗi thẳng, thỉnh thoảng lưng co, bụng thót rặn đẻ, lúc đó là con sắp ra. Nếu bình thường cứ để lợn đẻ tự nhiên, không can thiệp. Khi đẻ, lợn mẹ ít quan tâm đến con đẻ ra, lợn khi trở mình dễ đè chết con, cần theo dõi sát sao.
Lợn nái thường đẻ vào chiều tối và đêm, ít khi đẻ ban ngày và sáng sớm. Cần phải trực tiếp theo dõi chăm sóc cho đến lúc đẻ xong.

Nếu lợn đẻ bọc thì phải xé bọc sau khi bọc ra khỏi âm hộ để lợn con không bị chết ngạt. Trường hợp lợn bị ngạt, có thể hà hơi vào mồm lợn co, nâng hai chân trước lên xuống trong 5 phút, lợn sữ sống và khỏe mạnh trở lại.

Nhau thai thường ra sau khi đẻ con cuối cùng 12-20 phút. Nhau càng nặng, lợn con càng to và khỏe. Nhau ra từng đoạn, đàn yếu. Cần chú ý theo dõi lấy hết nhau, không để lợn mẹ ăn nhau, ảnh hưởng đến sức tiết sữa.

3. Chăm sóc lợn nái sau khi đẻ

Sau khi ra nhau, dùng nước ấm rủa sạch vú và âm hộ.
Thay rơm ẩm ướt bằng rơm mới khô cho lợn nái nằm.
Cho uống đầy đủ nước sạch có pha muối, vì sau khi đẻ, lợn thường khát nước do mất máu.

Để tránh bệnh sưng vú, cho lợn mẹ ăn cháo trong 1-2 ngày đầu. Cho ăn thêm rau tươi non phòng táo bón.

Cần đo thân nhiệt hàng ngày sau đẻ 2-3 ngày và theo dõi một số bệnh như viêm vú, viêm tử cung.

Sau 3 ngày cho lợn nái ăn thức ăn theo quy định cho đến khi cai sữa như sau:
Lợn nái nôi x 75% máu ngoại, trong đó có lợn lai F1
Mức ăn (kg) Tự do
NLTĐ(Kcal/kg thức ăn) 2900-3000
Protein thô(%) 15-17

Lợn ngoại và lai ngoại x ngoại

Mức ăn (kg) Tự do
NLTĐ(Kcal/kg thức ăn) 2800-3000
Protein thô(%) 17-19

IV. Kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc lợn con theo mẹ

1. Chăm sóc lợn con sơ sinh

- Sau khi đẻ, lợn con cần được chống lạnh, sưởi ấm nhất là vào vụ đông xuân. Tuần đầu nhiệt

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

độ chuồng nuôi cần 32-34oC. Tuần thứ hai, nhiệt độ cần 30oC. Cho lợn con nằm trên sàn gỗ có trải rơm 5-7 ngày đầu. Chú ý bảo vệ đàn con, không để lợn mẹ đè chết.

- Lợn con sau khi dinh cần được lau chúi nhớt, dãi ở mồm và mũi. Cắt răng nanh, dùng bấm móng tay cắt các đầu nhọn của răng. Răng bấm càng sớm càng tốt, vì lúc này rang còn mềm, ít chảy máu. Cắt răng nanh nhằm tránh lợn con cắn vú mẹ khi tranh nhau bú sữa. Tránh bấm vòa lợi chảy máu dễ nhiễm trùng.

- Sát trùng rốn: cuống rốn thường bị đứt, đó là lợn khỏe. Cuống rốn lợn dài cần có sự can thiệp: Buộc cuống rốn cách da bụng 1-1,5cm, bằng chỉ tơ, cắt phía ngoài chỗ buộc chỉ và sát trùng bằng cồn 70o.

- Loại bỏ những con quá yếu, quá nhỏ sau khi nái đẻ xong. Lợn con giữ lại nuôi 10-12 con, ứng với số vú của mẹ là vừa. Nếu số con vượt quá số vú, có thể san cho con mẹ khác nuôi với điều kiện chúng đã được bú sữa đầu 2 ngày của lợn mẹ.

- Lợn con sau khi đẻ 1-1,5 giờ cần được bú sữa mẹ, để vừa kích thích lợn mẹ đẻ tiếp, lợn con tăng nhiệt chống lạnh. Để lâu hàm lợn con bị cứng không bú được, lợn yếu dần. Lợn tự tìm vú bú, con khỏe thường chiếm vú ngực, con yếu bú vú bụng.

Sau thời gian bú vài lần, lợn con có phản xạ bú đúng vú được chọn lúc đầu, con khác không tranh được. Thời gian tiết sữa ngắn nên cần tránh những tác động làm ngắt quãng sự tiết sữa của lợn mẹ và bú sữa của đàn con.

Trong 3 ngày đầu, sữa của con nái có đủ dinh dưỡng cùng các chất kháng thể đảm bảo cho lợn tránh nhiễm bệnh. Chất sắt có trong sữa giảm dần, vì vật cần tiêm chất sắt để hỗ trợ cho lợn con. Thường sau khi đẻ 4 ngày, tiêm 2cacao dextran Fe loại có hàm lượng 100mg/cacao để phòng bệnh thiếu máu.

2. Tập cho lợn con ăn sớm

Thường mỗi năm lợn nái có thể sinh sản 2 lứa. Muốn đạt được hiệu quả này, phải thực hiện biện pháp cai sữa cho lợn con sớm, sau 40-50 ngày tuổi. Cai sữa muộn, lợn con lớn không đều, ảnh hưởng đến thời gian sinh sản lứa sau của lợn mẹ. Lợn mẹ sau khi đẻ, sữa tiết ra tăng dần và cao nhất là tuần thứ 3 (sau đẻ 14-21 ngày). Sang tuần thứ 4 trở đi sữa giảm dần, ngược lại lợn con đã tăng trọng gấp 3-4 lần, nên đòi hỏi dinh dưỡng càng nhiều. Vì vậy, sau tuần thứ 3, lợn con chỉ bú sữa mẹ không thì chưa đủ lượng và chất nên phát triển chậm lại, lợn mẹ bị con bú nhiều thể trọng giảm sút.

Vì vậy, từ sau 21 ngày nên tập cho lợn con ăn. Thức ăn của lợn con cần đủ chất bột, chất đạm, sinh tố và vi lượng. Chủ yếu vẫn là bột gạo, bột ngô, cám, bột sắn, cá nhạt, đậu tương rang, bã rượu... Những ngày đầu tập cho ăn phải dùng que quấn bông hoặc vải bôi cháo loãng có đường vào vú mẹ để lợn con bú thì mút luôn, sau đó có thể ngăn lợn nái riêng để cho con tập ăn. Cũng có thể cho lợn nhỏ đã biết ăn ở máng để lợn con bắt chước. Những dụng cụ tập cho lợn ăn phải sạch sẽ, thức ăn không để ôi thiu sẽ làm cho lợn con bị ỉa chảy. Chỉ tập 3-4 ngày, lợn con đã biết ăn ở máng, tập cho lợn con tách mẹ và chỉ nên tách ban ngày. Ngày đầu nên tách từ 7 giờ sáng đến 10 giờ trưa, ngày thứ 2 tách lâu thêm nửa tiếng hoặc hơn tuỳ theo thời gian tập cai sữa. Nếu tập cho ăn trong 20 ngày, mỗi ngày tách thêm nửa giờ. Ngày cai sữa cuối cùng cũng chỉ nên tách mẹ từ khoảng 7 giờ đến 17-18 giờ.

Trước ngày cai sữa hoàn toàn chỉ cho lợn mẹ, lợn con ăn nửa suất. Đến ngày tách con cai sữa, cho lợn con ăn từ từ, không cho ăn no. Sau khi cai sữa, tách con ra nuôi tiếp đến 60-90 ngày tuổi. Lúc này, lợn con lớn nhanh, ngày tách con cho lợn mẹ nhịn ăn 24 giờ để lợn mẹ ngừng sữa.

3. Cách cai sữa sớm cho lợn con

Để nâng cao năng suất sinh sản của lợn nái và tăng hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi, việc cai sữa sớm cho lợn con là rất quan trọng. Việc cai sữa sớm cho lợn con có tác dụng: giảm hao mòn của lợn nái và tăng số lứa đẻ/năm; giảm sự truyền lây bệnh từ lợn mẹ sang lợn con và tăng khả năng sinh trưởng và sức đề kháng ở giai đoạn sau của lợn con.

Thời gian cai sữa cho lợn con sớm khoảng từ 21-28 ngày tuỳ điều kiện chăn nuôi. Muốn cai sữa sớm cho lợn con, sau khi sinh 7-10 ngày, lợn con phải được tập ăn bằng thức ăn dễ tiêu hoá, có mùi thơm giống như sữa mẹ như loại sữa Nutrilac 306 hoặc đạm sữa có độ đạm cao.

Đầu tiên dùng sữa Nutrilac 306 hoặc đạm sữa hoà với nước dạng sền sệt bôi vào miệng, mép

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

của lợn con, đồng thời bôi lên bầu vú lợn mẹ để lợn con quen dần với thức ăn, mỗi ngày làm 3-4 lần. Cần đặt một máng ăn chuyên dùng cho lợn con để kích thích sự tò mò của chúng. Khi lợn con đã quen những loại thức ăn này sẽ tiến hành bổ sung dần loại Siêu hạng lợn con 333 hiệu "Con heo vàng") khi lợn con được 15 ngày tuổi. Sau 3-4 ngày khi lợn con đã quen hẳn với loại thức ăn này, tiến hành trộn theo tỉ lệ: 30% đậm đặc Siêu hạng 333+70% cám gạo, cám ngô đã nấu chín, mỗi ngày cho ăn 4-5 bữa. Ngoài ra có thể dùng hỗn hợp 114 cho lợn con ăn.
Nếu tập ăn tốt cho lợn con, đến thời gian cai sữa 21 ngày lợn con đã đạt trung bình 5kg và 28-35 ngày đạt 7kg. Trong quá trình chăm sóc lợn con theo mẹ luôn đảm bảo chuồng trại khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Khi cai sữa nên đưa lợn mẹ đi và giữ lợn con lại để lợn con không bị xáo động, dễ quen với môi trường và hệ sinh vật trong chuồng nuôi, tránh hiện tượng tiêu chảy và bệnh phù đầu sau.

V. Những biểu hiện bất thường ở lợn nái cần chú ý

Lợn nái thường háu ăn, khi ăn xong là ngủ ngay. Nhưng cần chú ý tới những dấu hiệu bất thường là triệu chứng của bệnh.

1. Bỏ ăn

Lợn nái mới cai sữa có thể nhớ con không ăn, nhưng sau đó lại rất háu ăn, nhất là sau khi phối giống. Vì vậy, nếu sau khi phối giống mà lợn nái biếng, bỏ ăn là dấu hiệu bất thường hoặc báo bệnh, cần phải tìm căn nguyên của bệnh... Có thể do thay đổi khẩu phần, hương vị thức ăn đột ngột, nái không quen ăn sẽ bỏ thức ăn, hay ủi phá thức ăn vung vãi, nếu vậy nên pha trộn thức ăn cũ với thức ăn mới, dần dần lợn sẽ quen, không nên thay đổi thức ăn đột ngột, nái bỏ ăn sẽ mất sức. Còn lợn nái bệnh chỉ ngửi thức ăn rồi bỏ đi, dáng đi mệt nhọc uể oải, thiếu nhanh nhẹn.

Trường hợp nái què, sưng khớp không dậy đến máng ăn được, thường nằm ì một chỗ. Trường hợp này nên cho nái uống đủ nước, rồi đút thức ăn trực tiếp để lợn chóng lành bệnh, vì nếu không chăm sóc kỹ, nái có thể chết vì đói, khát hoặc mất sức, dễ mắc bệnh cấp tính.

2. Đi lại không yên trong chuồng

Lợn nái sau khi ăn xong nằm xuống ngủ ngay là lợn khoẻ. Song nếu ăn hai bữa chính rồi, lợn cứ đi lại không yên trong chuồng, hãy lưu ý sự bất thường này:

- Có thể lợn động đực chờ giao phối, bộ phận sinh dục có nhiều nước nhờn. Ấn tay lên mông, lợn vểnh tai, lim dim.
- Lợn đang sốt hoặc nhiễm bệnh, say nắng, não bị ảnh hưởng, nhìn lợn thẫn thờ, mắt không tinh nhanh, lạc thần; mũi, mép có thể chảy nước dãi, thở mệt; hông, bụng thóp vì không ăn; tiếng kêu khàn khàn khi vỗ lên lưng, đánh hoặc tiêm thuốc không chạy, không biết đau, hay bị các lợn khoẻ cắn xé vì trạng thái bất thường kể trên.

Sau khi cho lợn ăn, hãy quan sát nếu thấy lợn đứng đờ đẫn, bụng hóp, thở mệt là có thể lợn bị những bệnh trên, để sớm trị liệu.

3. Mắt đỏ

Lợn sốt cao, lòng trắng mắt sẽ đỏ ngầu. Triệu chứng mắt đỏ kèm theo sự tăng nhịp hô hấp, thở hồng hộc, chảy nước dãi, rất nguy hiểm đến sinh mạng. Lợn bị sốt thường nằm mê ngủ, chỉ thấy sườn ngực bụng thở nhanh, nếu sốt nặng thường há mõm để thở. Hãy theo dõi để phát hiện sớm lợn bị bệnh. Nếu sốt nặng sẽ làm lợn nái hư thai, ra thai hoặc tiêu thai dần trong tử cung, lợn nái thành vô sinh.

4. Khô mũi và lưỡi

Trường hợp lợn bị sốt, mũi khô có máu đông vì khát nước, lưỡi cũng khô nước bọt, cần cấp nước có pha chút muối để quân bình sinh lý, thân nhiệt.

Thở khò khè, ngáy tiếng lớn
Do viêm mũi và phế quản kinh niên, hậu chứng của bệnh cảm cúm do virus.

4. Chảy máu cam

Hiện tượng này do viêm xoang mũi sau thời kỳ sổ mũi nặng vì cúm lợn kèm phụ nhiễm độc trùng. Lợn có thể hắt hơi, bật chảy máu từ một hoặc hai lỗ mũi. Tiêm thêm Vitamin C là cách duy nhất làm hạn chế chứng chảy máu cam trên lợn nái.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

HỎI: Xin ý kiến các nhà khoa học về kỹ thuật nuôi vỗ béo bò thịt? (Nguyễn Thị Hương- xã Cổ Đô, Ba Vì, Hà Tây)

ĐÁP: Vỗ béo bò thịt

Để nâng cao chất lượng và số lượng thịt bò thì trước khi giết mổ người nuôi bò thịt cần áp dụng các nguyên tắc trong quy trình kỹ thuật chăn nuôi sau sẽ có con bò bán được giá như ý.

- Cần phải vỗ béo trước khi bán giết mổ. Thời gian vỗ béo tùy thuộc và độ béo của bò, bê trước khi vỗ béo và yêu cầu của thị trường về chất lượng thịt.

- Thông thường thời gian vỗ béo là 60 hoặc 90 ngày.

- Trước khi vỗ béo bò phải tăng trọng bình thường.

Thức ăn vỗ béo: 5 loại

- Thức ăn xanh: Gần như bất kỳ thức ăn xanh nào cũng có thể vỗ béo, thức ăn vỗ béo tốt nhất là cỏ khô, ủ chua, thức ăn xanh, ngoài ra còn sử dụng rơm ủ urê 4%. Tất cả những thức ăn này đều phải băm nhỏ 3 -5cm trộn vào thức ăn tinh khi cho ăn.

- Thức ăn cung cấp năng lượng: Hầu hết các hạt ngũ cốc, cám gạo có thể sử dụng làm nguồn năng lượng. Các hạt thức ăn ngũ cốc trước khi cho ăn phải được nghiền nhỏ tới kích thước 10 - 19mm rồi trộn đều với thức ăn khác trước lúc cho ăn. Ri mật đường cũng có thể dùng làm thức ăn vỗ béo.

- Thức ăn brotein: Dùng các hạt có dầu (khô dầu lạc, khô dầu đậu tương, khô dầu dừa hạt bông).

- Muối khoáng: Tùy vào nguồn cung cấp thức ăn trong vỗ béo mà có thể bổ sung bột xương hay khoáng.

Một số điểm cần lưu ý trước khi vỗ béo:

- Để bò thích nghi với khẩu phần tránh các rối loạn tiêu hoá cần cho gia súc ăn từ từ để quen thức ăn.

- Tuổi vỗ béo có ngoại hình cân đối,lông da bóng mượt.

- Phân theo nhóm, đều về khối lượng và giới tính để dễ chăm sóc nuôi dưỡng.

- Phải tẩy giun sán trước khi vỗ béo.

- Cung cấp thường xuyên và đầy đủ thức ăn.

- Tuỳ theo điều kiện nuôi dưỡng để định phương thức vỗ béo.

- Phối hợp khẩu phần vỗ béo phải đáp ứng nhu cầu duy trì dinh dưỡng và phát triển theo mức tăng trọng trong dự kiến.

Tuỳ theo nguồn thức ăn sẵn có mà phối hợp khẩu phần để hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng.

Tiêu chuẩn và nhu cầu dinh dưỡng:

Khối lượng (kg) 230 260 290 320
ME Kcal) 12,5 14 16 17.5
Protein tiêu hoá 455 514 574 633
Ca (g) 25 28 32 35
P(g) 14 16 17 19

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Muối (g) 27 31 35 38

Khẩu phần vỗ béo

Khối lượng (kg) 230 260 290 320
Cỏ tươi 30 35 35 40
Cỏ khô 1 1 1 1
Rơm (kg) 5 5 3 5
Ủ tươi (kg) 5 5 4 4,5
Tinh (kg) 0,5 1,5 1 1,5

Khẩu phần cho bò vỗ béo nuôi nhốt hoàn toàn thường tỷ lệ tinh/thô: 70/30.

HỎI: Xin cho biết giống ếch bò mua ở đâu? Giá cả? Cây thức ăn trichathera có hàm lượng đạm, vitamin... như thế nào? Có thể thay thế hoàn toàn thức ăn tinh? (Năm Hồng- Bình Long, Bình Phước)

ĐÁP: Trichotera Gigatea còn gọi là chè khổng lồ là cây thức ăn cho gia súc phổ biến ở Colombia. Cuối năm 1990, chè khổng lồ được nhập và thử nghiệm ở nước ta. Cho đến nay chưa có tài liệu nào nói về cây Gigatea, ngoài ý kiến của ông Preston chuyên gia của SAREC.

Sau môt thời gian trồng thăm dò và khảo sát trên đồng ruộng, bộ môn Đồng Cỏ Viện Chăn Nuôi đã công bố một số kết quả tại cuộc hôi thảo quốc gia do SAREC tài trợ vào tháng 12/1993.

Chè khổng lồ tươi trong thu hoạch trong mùa mưa có hàm lượng nước trung bình 80-85%, hàm lượng xơ 25%, prôtêin thô 4%. Trong Trichotera khô hàm lượng protein thô đạt 14-16%. Trichotera có chứa nhiều vitamin cần thiết cho gia súc.

Mặc dù năng suất chè khổng lồ không cao, nhưng sự phân bố sinh khối điều trong năm, đặc biệt có tỉ lệ cao vào lúc giáp hạt chè khổng lồ là cây thức ăn xanh trong vụ đông xuân. Dê, lợn,thỏ... đều thích ăn chè khổng lồ.

Trâu, bò cần phải tập, lúc đầu chúng không thích ăn. Ở lợn tỉ lệ lợi dụng chè khổng lồ tươi đạt 70-80%. Lợn rất thích ăn chè khổng lồ tươi, nhưng ăn quá nhiều lợn đi ngoài phân lỏng, ngừng ăn lợn trở lại bình thường. Có thể sử dụng chè khổng lồ như là thuốc chữa bệnh táo bón ở gia súc mà không gây độc hại.
Như vậy chè khổng lồ không thể thay thế được hoàn toàn thức ăn tinh cho gia súc mà chỉ sử dụng như là nguồn thức ăn xanh bổ sung hoặc dùng để chữa bệnh táo bón cho gia súc.

2. Ếch bò (ếch đồng)
Tuỳ thời điểm nuôi trong năm mà giá ếch giống (giống ếch đồng) dao động 30.000-50.000 đ/kg.

Bạn có thể liên hệ mua ếch giống tại Sở Thủy sản, Sở Khoa học công nghệ của tỉnh hoặc vào trang web: http://www.vietlinh.com.vn

HỎI: Xin cho biết kỹ thuật nuôi nhím sinh sản? (Trần Thị Thu- Gia Viễn, Ninh Bình)

ĐÁP: Nhím là loài vật dễ nuôi, ít dịch bệnh, yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng cũng rất đơn giản.

Chuồng nuôi

Chuồng nuôi nhím nên làm nửa sáng nửa tối, không cần ánh sáng trực tiếp, tránh mưa tạt và nắng nóng, bảo đảm khô sạch, thoáng mát. Nền và sân chuồng làm bằng bê tông dày 8-10cm, nghiêng khoảng 3-4%, để thoát nước và để nhím không đào hang chui ra... Xung quanh khu chuồng rào bằng lưới thép B40, cao trên 1,5m.
Nên làm hang giả cho nhím ở bằng loại ống cống phi 50-60cm hoặc tôn uốn cong, để nổi trên nền chuồng để vệ sinh, sát trùng...
Máng uống rộng khoảng 20-25cm, cao 20-25cm, để nhím không ỉa đái vào và xây máng ở ngoài sân để nước vung vãi ra không làm bẩn, ướt nền chuồng.

Trong chuồng nên để một vài khúc gỗ, sắt hoặc đá liếm để nhím mài răng và không cắn phá chuồng.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Diện tích chuồng nuôi nhím không cần rộng, trung bình 1m2/con.

Thức ăn

Thức ăn của nhím rất đa dạng như: dễ cây, mầm cây, rau, củ, quả ngọt bùi, đắng, chát...

Bình thường nhím ăn 2kg thức ăn/con/ngày. Nhưng khi nhím đẻ cần bổ sung thêm thức ăn tinh nhiều chất đạm, chất béo, chất bột, đường... để nhím con mau lớn, nhím mẹ đỡ mất sức, vì vừa phải tiết sữa nuôi con vừa mang thai. Thức ăn cho nhím cần bổ sung thêm mầm, rễ cây các loại, nhím đực sẽ phối giống hăng hơn.
Khẩu phần thức ăn cơ bản hàng ngày cho mỗi con nhím theo từng giai đoạn:
- 1-3 tháng tuổi: Cho ăn mỗi con/ngày: 0,3kg rau, củ, quả các loại, 0,01kg cám viên hỗn hợp, 0,01kg lúa, bắp, đậu các loại.
- Từ 4-6 tháng tuổi: 0,6kg rau quả củ, 0,02kg cám viên hỗn hợp, 0,02kg lúa bắp đậu, 0,01kg khô dầu, dừa, lạc.
- Từ 7-9 tháng tuổi: 1,2kg rau quả củ, 0,04kg cám viên hỗn hợp, 0,04kg lúa bắp đậu, 0,02kg khô dầu dừa lạc.
- Từ 10-12 tháng tuổi: 2kg rau quả củ, 0,08kg cám viên hỗn hợp, 0,08kg lúa bắp đậu, 0,04kg khô dầu dừa lạc.

Nước uống

Nhím ăn rau, quả, củ nên ít uống nước, nhưng cũng phải có đủ nước sạch cho nhím uống tự do, trung bình 1 lít/5 con/ngày.
Nhím thường uống nước vào buổi sáng và buổi trưa. Nhím không thích tắm ướt mình, nếu bị ướt nhím sẽ rùng mình và vẩy lông liên tục sẽ không tốt.

Phòng bệnh

Nhím thường ít bị dịch bệnh. Một số bệnh thông thường có thể gặp như:
- Bệnh ký sinh trùng ngoài da: Do ve, mò cắn gây nên ghẻ lở, ta có thể dùng thuốc bôi hoặc để nhím tự liếm cũng khỏi. Để phòng bệnh này, nên vệ sinh sát trùng chuồng và xung quanh chuồng mỗi tháng 1-2 lần.
- Bệnh đường ruột: Do khẩu phần thức ăn cung cấp không đầy đủ như ngoài thiên nhiên, nhím có thể bị tiêu chảy. Trường hợp này, có thể dùng thuốc trị tiêu chảy hoặc bổ sung thêm thức ăn đắng chát như ổi xanh, cà rốt, rễ cau, rễ dừa... Để phòng bệnh tiêu chảy, nên cân đối khẩu phần thức ăn đầy đủ cho nhím. Không nên cho nhím ăn các loại thức ăn bẩn thỉu, ẩm mốc, hôi thối...

HỎI: Tôi muốn hoi nha khoa hoc tôi nên cho lợn ăn thưc ăn như thê nào đê cho lợn co nhiêù thit nac hơn. Mong nha khoa hoc tra lơi sơm dum tôi đê tôi chăn nuôi năng suât đươc cao hơn trươc đây. Tôi xin cam ơn. (Nguyên Thi Tuyêt- Xom 5, Chât Bình, Kim sơn, Ninh Bình)

ĐÁP: 1. Chọn lợn nuôi thịt:

- Chọn con khỏe, nhanh nhẹn, da mỏng, lông thưa, bóng mượt, mặt trắng, ăn xốc.
- Lợn giống nuôi thịt: cai sữa 45-46 ngày có trọng lượng đạt 9-15kg, 90 ngày có trọng lượng đạt 18-25kg.
- Bốn chân đi thẳng, khỏe, đi bằng móng. Không chọn con chân yếu, vòng ống nhỏ, chân đi chữ X hoặc O vòng kiềng đi bằng bàn.

2. Thức ăn nuôi lợn:

Thức ăn phải thơm, ngon, không ôi, thiu, mốc.
Thức ăn hỗn hợp nuôi lợn từ tập ăn đến 90 ngày tuổi.
- Từ tập ăn đến 45 ngày tuổi:
Trộn 10kg thức ăn hỗn hợp theo tỷ lệ:
Bột ngô: 4,09kg.
Bột gạo: 2,0kg.
Bột đỗ tương rang: 2,0kg.
Bột cá loại I: 1,1kg.
Bột xương: 0,6kg.
Premix vitamin: 0,1kg.
Premix khoáng: 0,1kg.
Tetracyclin + lysine: 0,01kg.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Từ 45 ngày tuổi đến 90 ngày tuổi
Bột ngô, tấm gạo: 5,0kg.
Cám gạo loại I: 2,0kg.
Khô nhân lạc: 1,2kg.
Bột cá loại I: 0,8kg.
Bột đỗ tương rang: 0,8kg.
Premix vitamin: 0,1kg.
Premix khoáng: 0,1kg.

3. Chăm sóc lợn nuôi thịt:

- Cho ăn 2-3 bữa/ngày. Tăng khẩu phần dần dần.
- Lợn thịt từ 15-30 kg trọng lượng, cho ăn 0,6-1,2kg thức ăn/con/ngày.
- Lợn thịt từ 30-50kg cho ăn 1,2-2kg thức ăn/con/ngày.
- Lợn thịt từ 50-100kg cho ăn 2-2,6kg thức ăn/con/ngày.
- Lợn được uống nước sạch, mát.
- Chống rét, nóng, ruồi, muỗi về mùa hè.
- Ngày tắm 1-2 lần về mùa hè.
- Dọn chuồng 1-2 lần/ngày.
- Xuất chuồng ở trọng lượng 90-100kg (6-7 tháng tuổi).

4. Một số bệnh thường gặp:

- Phòng bệnh: Hàng năm tiêm phòng 3 loại Vacxin: dịch tả, tụ huyết trùng, đóng dấu.
- Lợn con ỉa phân trắng: lợn ỉa phân trắng, tanh, khắm nhiều lần trong ngày, da nhăn, mắt trũng, đứng nằm run rẩy. Chữa bằng lá chát, bị nặng cho lợn con uống Streptomycin 0,1g/con. Cho mẹ ăn rau dừa nước.
- Bệnh hồng lỵ: Sốt 40-41oC, ăn kém, thích uống nước, sau ỉa lỏng, phân có chất nhầy lẫn máu, mùi tanh, lợn đau khi rặn ỉa, ỉa ít phân, đi nhiều lần trong ngày. Chữa Tylosin uống 20-30mg/kg thể trọng/ngày hoặc Biseptan
uống 50mg/kg thể trọng/ngày.
- Bệnh ký sinh trùng: Lợn gầy yếu, lông xù, chậm lớn, da trắng nhợt.
Phòng: cứ 3 tháng tẩy 1 lần bằng Dipterex 0,15-0,20g/kg trọng lượng hay Santonin 0,05g/kg trọng lượng. Riêng lợn chửa, lợn con dưới 30 ngày tuổi không tẩy.
- Bệnh viêm tử cung: lợn sốt cao 40-41oC thường sốt vào buổi chiều (15-17 giờ) âm hộ chảy nước đục trắng, mùi tanh. Phòng: vệ sinh lợn nái trước khi đẻ, đặc biệt phần vú, âm hộ, khi lợn đẻ xong phải bơm rửa tử cung bằng nước sôi để nguội pha 1phần nghìn thuốc tím.
- Bệnh bại liệt sau khi đẻ; lợn nái bị bại liệt 2 chân sau đi không được.
Phòng: kiểm tra khẩu phần bảo đảm đủ lượng canxi, phốtpho. Cho ra tắm nắng, vận động.

5. Chuồng trại:

Tùy theo quy mô sản xuất nhưng phải đảm bảo: sự thông thoáng, giảm bớt nhiệt độ vào mùa hè (đông ấm, hạ mát). Hướng chuồng Đông-Tây là tốt.

HỎI: Tôi muốn mở trang trại nuôi bò thịt. Xin hỏi điều kiện để nuôi có hiệu quả nhất. Và nuôi bò thịt thì chọn giống như thế nào. (Huỳnh Thanh Nhuận- Vinh Hạnh, Châu Thành, An Giang)

ĐÁP: 1. Điều kiện để nuôi bò thịt đạt hiệu quả cao: nên nuôi với hình thức bán chăn thả, cho ăn kết hợp với thức ăn tinh (gạo, ngô, sắn, ... nấu lên) và thức ăn thô xanh (trồng một số loại cỏ có dinh dưỡng cao). Tiêm phòng các loại bệnh theo chỉ dẫn của thú y địa phương.

2. Chọn giống bò thịt:

Bò nội có ưu điểm là thích nghi với khí hậu nóng ẩm, phù hợp với tập quán nuôi tận dụng, chịu được kham khổ nhưng tầm vóc lại nhỏ, tăng trọng chậm, tỷ lệ thịt xẻ thấp.

Để chăn nuôi bò thịt đạt hiệu quả cao nên lai tạo giống nhằm tạo ra nguồn giống có ưu thế về năng suất và trọng lượng, lại phù hợp với điều kiện, tập quán chăn nuôi của từng địa phương. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm của các nhà khoa học khuyến cáo cho nông dân sử dụng các giống bò có năng suất cao để phối giống cho đàn bò cái nội sinh sản để từng bước nâng cao tầm vóc, trọng lượng và sức sản xuất của con lai.

3. Chọn giống:

- Chọn nhóm bò lai Zebu (gồm 3 con giống chính: bò Sind, bò Sahiwal và bò Brahman). Đây là

những giống bò xuất phát từ những nước nhiệt đới, có khả năng chống chịu được với khí hậu ở Việt Nam.
- Bò Sind: có lông màu cánh gián, con đực trưởng thành nặng 450-500kg, con cái nặng 320-350kg. Khối lượng sơ sinh 20-21kg, tỷ lệ thịt xẻ 50%, phù hợp với điều kiện chăn nuôi chưa đảm bảo thường xuyên về thức ăn xanh và hạn chế nguồn thức ăn tinh.
- Bò Sahiwal: ngoại hình gần giống bò Sind nhưng tầm vóc cao hơn. Con đực trưởng thành nặng 500-550kg, con cái nặng 400kg, phù hợp với điều kiện chăn nuôi trung bình tức là đảm bảo tương đối đầy đủ lượng thức ăn tinh và thức ăn xanh.
- Bò Brahman: được nuôi rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới và cận nhiệt đới. Có màu lông trắng xám hoặc đỏ. Ngoại hình chắc, hệ cơ phát triển, tai to cụp xuống. Con đực trưởng thành nặng 600-700kg, con cái nặng 380kg, tỷ lệ thịt xẻ đạt 52,5%. Bò này yêu cầu cao về lượng thức ăn thô xanh và thức ăn tinh vì vậy thích hợp với những nơi có điều kiện chăn nuôi tốt, am hiểu về kỹ thuật chăn nuôi, hiệu quả kinh tế rất cao.
Ngoài 3 giống trên, nguồn giống khác được tạo ra từ đàn bò sữa cũng đem lại hiệu quả cao trong chăn nuôi bò thịt.
Để chủ động giống trong chăn nuôi bò thịt nên nuôi bò sinh sản để lai tạo giống nhằm cho ra giống bò thịt hiệu quả nhất và phù hợp với điều kiện chăn nuôi.

4. Tạo giống:

Muốn tạo giống phát triển đàn bò thịt, trước hết phải tạo đàn bò cái giống để làm nền cho lai tạo với giống bò đực có tầm vóc lớn hơn và giống bò Vàng của Việt Nam là thích hợp nhất vì nó thích nghi với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chịu được mức độ nuôi dưỡng kém, chống chịu được nhiều loại bệnh tật, ký sinh trùng, mắn đẻ nhưng tầm vóc nhỏ bé.
Người ta lấy bò cái Vàng làm nền cho lai với đực giống Zebu tạo ra con lai F1. Tiếp tục lấy con lai F1 cho lai tiếp với đực Zebu tạo ra con lai F2. Con lai F2 này được dùng làm giống để phát triển đàn bò thịt chất lượng cao.
Để giảm tỷ lệ rủi ro cho chăn nuôi bò sinh sản nên chọn con có trọng lượng từ 160kg trở lên, ngoại hình đẹp, tính hiền lành, mắn đẻ, phàm ăn, không có vú lép, mông nở. Việc phối giống phải thông qua các kỹ thuật viên cơ sở.

a/ Nhu cầu dinh dưỡng

- Protein: Năng suất thịt đạt cao hay thấp là do lượng protein quyết định. Nếu thiếu prôtêin bò sẽ gầy yếu và tăng trọng kém. Những thức ăn giàu prôtêin là cỏ non, cỏ họ đậu, khô dầu đậu tương, bột cá, bã bia...
- Bột đường và mỡ (glucid và lipid): Là những chất dinh dưỡng cần thiết cung cấp năng lượng cho bò hoạt động và cho sản phẩm. Chất bột đường có nhiều trong bột ngô, cám, gạo,tấm, khoai lang... Chất mỡ cấp năng lượng nhiều nhất, thường gấp 2,5 lần so với protein và bột đường.
- Chất khoáng: Canxi và phốtpho là 2 chất không thể thiếu của bò để tạo xương và tiết sữa. Cho bò ăn thêm bột xương, bột sò,... có thể bổ sung thêm một lượng canxi, phốt pho. Ngoài ra bò còn cần một số nguyên tố vi lượng khác như sắt, đồng, kẽm, coban... , những chất trên thường có trong cỏ xanh, thân cây ngô, rau, đậu...
- Vitamin: Bò cần Vitamin nhóm A, B và D. Vitamin A rất cần thiết để duy trì sức khỏe và cho sữa. Vitamin A, B có nhiều trong cỏ xanh, cỏ ủ chua....Vitamin D có nhiều trong các loại thức ăn ủ men, cỏ khô, bã rượu bia... Bò cần chăn thả ngoài đồng để có điều kiện tổng hợp vitamin D.
- Nước uống: Bò cần nước để vận chuyển các chất dinh dưỡng, điều chỉnh thân nhiệt và để sản xuất sữa. Hàng ngày bò cần một lượng nước khá lớn bằng 1/10 trọng lượng cơ thể, vì vậy cung cấp đầy đủ nước uống cho bò là rất cần thiết.
b/ Nguồn thức ăn và phân loại: Thức ăn cho bò thịt không cầu kỳ như các loại gia súc khác, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng như đạm, khoáng, mỡ..., bò mới cho năng suất thịt cao. Nguồn thức ăn chủ yếu cho bò thịt là cỏ tươi ở bãi chăn thả, cỏ khô, rơm rạ... và một số loại thức ăn thô xanh khác như ngọn mía, thân cây ngô... Ngoài ra cần cho ăn thêm thức ăn tinh như cám, bột bắp, bột gạo... phụ phế phẩm ngành thực phẩm như khô dầu phụng, khô dầu dừa,... thức ăn củ quả như khoai
lang, bí đỏ... và thức ăn nhiều nước. Người ta chia thức ăn cho bò thịt ra làm các loại như sau: Thức ăn thô xanh, Thức ăn thô khô như cỏ khô, thân cây ngô sau thu hoạch... Thức ăn củ quả, Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin.

HỎI: Tôi muốn biết giống dê sữa nào cho hiệu quả nhất, tên là gì,giống dê sữa này hiện nay ở đâu bán và giá c
Củ Chi, TP HCM)

ĐÁP: Những giống dê sữa hiện

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Dê Bách Thảo: Là giống dê kiêm dụng sữa thịt. Nguồn gốc của giống dê này có thể là con lai giữa dê hàng trăm năm nay. Dê có màu lông đen loang sọc trắng, tai co cụp xuống; trọng lượng trưởng thành 22kg; khả năng cho sữa là 1,1–1,4 kg/ ngày với chu kỳ cho sữa là tháng, đẻ 1,7 con/lứa và 1,8 lứa/năm. Có thể nuôi nhốt hoàn toàn, hoặc nhốt kết

Dê Jumnapari: Là giống Ấn Độ nhập vào nước ta năm 1994, màu lông trắng tuyền, chân cao; trọng lư 6 tháng 22–24 kg; khả năng cho sữa 1,4–1,6 kg với chu kỳ 180–185 ngày. Tuổi phối giống lần đầu 8 tốt với thời tiết

Dê Beetal: Cũng là 1 giống dê Ấn Độ được nhập về cùng lúc với dê Jumnapari; màu lông đen tuyền h Jumnapari; phàm ăn

Dê Barbari: Là giống dê được nhập về từ Ấn Độ có màu lông vàng loang đốm trắng, tai nhỏ thẳng; năng cho sữa 0,9–1kg/ngày với chu kỳ 145–148 ngày; khả năng sinh sản tốt đẻ (18 con/ lứa và 1,7 khổ tốt, hiền lành phù hợp với hình

Dê Alpine: Là giống dê sữa của Pháp (nuôi nhiều ở vùng núi Alpes), màu lông chủ yếu màu vàng, đôi con đực 50–55kg, sản lượng sữa 900–1000 lít/ 1 chu kỳ cho sữa 240–250 ngày. Dê Alpine đã được Thuận; tinh cọng rạ của giống dê cũng được nhập về từ Pháp, đang được dùng để la

Dê Saanen: Là giống dê chuyên dụng sữa của Thụy Sĩ, nuôi nhiều ở Pháp và các nước châu âu; dê có sữa/chu kỳ trong 290–300 ngày. Trọng lượng con cái trưởng thành 45–50 kg, con đực 65–75 kg. Gi và đã dùng lai tạo với dê Bách Thảo, cho kết quả tốt. Mới đây, chúng ta nhập 25 dê Saanen về

Các con lai: Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây đã tiến hành nghiên cứu hàng loạt các công th con lai F1 và P2. Con lai sinh trưởng và tăng trọng tốt, khả năng sinh sản và cho sữa đều cao hơn dê c nước ta. Sử dụng dê đực 3 giống dê Ấn Độ lai với dê Cỏ và dê Bách Thảo, cho con lai cũng có k

Chú ý: những giống dê cho năng suất sữa cao

Một số mô hình chăn nuôi dê đạt hiệu quả cao v
- Hộ ông Nguyễn Đình Minh, 15/54/12, ấp 3, xã Bình Hưng Hòa,
- Hộ ông Út, Bình Chánh,
- Hộ ông Hướng, Bình Chánh, TP.H
- Hộ ông Huấn, tỉnh Long
- Hộ ông Thắng, 33 Chu Văn An, Sông Mao,

Hiện tại giá dê hậu bị từ 100.000 - 120.000đ/kg.

HỎI: Nhà tôi có nuôi 200 con thỏ. Khi thỏ con được 2 tháng tuổi thì tự dưng lăn ra chết. Tôi muốn hỏi bệnh đoá Ninh Hoà, Hoa Lư, Ninh Bình)

ĐÁP: Tình trạng thỏ chết hàng loạt đang xảy ra rất nghiêm trọng ở vùng Đông Nam bộ mà cho đến na thể thống kê được.Mặc dù Chi cục thú y của các tỉnh đó đã khám nghiệ

Còn theo PGS.TS Đinh Văn Bình (Giám đốc Trung tâm nghiên cứu dê thỏ Sơn Tây - Viện Chăn nuôi Qu cách đây 6 năm ở miền Bắc như Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình và Bắc Ninh ... khoảng 560.0 để tìm ra vắc xin. Do thỏ bị vi
khuyến cáo nông dân vệ sinh chuồng trại cho thật tốt và mua vắc xin dùng cho thỏ.

HỎI: Xin vui lòng cho tôi hỏi kỹ thuật nuôi lươn thịt? kỹ thuật cho lươn sinh sản nhân tạo? Thức ăn cho lươn? nhân tạo chưa? (Nguyễn Thành Chơn- ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang)

ĐÁP: Lươn là một loài cá sống ở những nơi nước tĩnh, mực

Lươn nuôi thích hợp ở vùng đồng

Chú ý: Trước khi thả lươn vào chuồng, ao nuôi thì phải tắm bằng dung dịch nước muối loãng 5 ph

1. Chuồng

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Có thể nuôi trong bể xi măng diện tích khoảng 1-2 m2 có lót cao su ở dưới, nuôi trong ao đ
- Làm chuồng nuôi lươn: chuồng nuôi cao khoảng 1m, có dải nilon kín khắp chuồng, sau đó đổ đất s
tránh bị bệnh hoặc có thể rắc vôi bột để làm giảm độ phèn), lớp bùn đáy này phải sạch, nhuyễn v
- Mỗi chuồng nuôi phải có ụ đất chiếm khoảng 1/4 diện tích chuồng và Ụ đất này phải cao hơn mực nư
lên trên để lươn nằm thở và cửa thông xuống dưới đáy để lươn thoát hiểm. Vì vậy ụ đất đắp phải đạ
lọt cơ thể và phải trồng một ít cỏ lên trên để cho mát. Còn mặt nước có thể thả một
- Chiều sâu của nước tối thiểu phải bằng chiều dài của con lươn. Mực nước t
- Chuồng nuôi nên có gờ để tránh lươn bò ra ngoài và nên lót một lớp cao su đối vớ
- nguồn nước để nuôi lươn tốt nhất là nước sông hoặc nước mương.
- Sau mỗi lần nuôi lớp bùn ở dưới đáy có thể đem

2. Thức ăn cho lươn và
- Thức ăn tự nhiên của lươn tương đối phong phú: bao gồm những động vật thân mềm sống ở bùn đ
ếch. Đối với con tép nhỏ thì có thể thả trực tiếp cho ăn, còn đối với cua, ốc... thì phải đạp nát
- Lượng thức ăn nhiều hay ít phụ thuộc vào trọng lượng của lươn và chiếm tối đa là 5% trọng lượng t
ăn), không nên cho lương ăn quá nhiều vì nếu ăn k
- Không nên cho lươn ăn 1lần/ngày, có thể cho ăn 2-3 lần/ngày thì hiệu quả sẽ cao hơn. Và nên chọn
mọc và buổi chiều nên cho ăn trước lúc mặt trời lặn. Thường thì buổi sáng lươn ăn ít hơn buổi chiều
lại để
- Thức ăn không nên đổ dồn vào 1 chỗ mà rải rác ra làm 3-4 chỗ. Khi cho ăn nên để thức ăn trong c
thiếu. Nếu lươn ăn hết thì thức ăn cho hơi ít, nếu lươn ăn còn
- Nếu trời năng nóng hay mưa kéo dài thì có thể giảm lượng thức ăn hoặc ngừng cho ăn vì nắng n
- Đặc biệt phải thường xuyên kiểm tra nhiệt độ nước (dùng nhiệt kế), nếu nhiệt

3. Sinh trưởng và
- Lươn từ lúc sinh đến 200g (khoảng 8 tháng) tất cả đều là lươn cái, từ 200
- Lươn đẻ rải rác quanh năm nhưng chú ý nhất là vào thời điểm từ
- Mỗi lần đẻ, mỗi con lươn chỉ đẻ 200-300 trứng. Nếu sử dụng phương pháp sinh sản nhân tao thì phả
khó bán. Cho đến nay ở Việt nam
Cho nên nguồn nhân giống chủ y
- Khi mua giống ngoài tự nhiên thì tìm nơi cung cấp hoặc người bán tin tưởng vì thực tế lươn bán ở
mang về không có cách nào phát hiện ra và phải 1-2 tháng sau nó mới chết. Khi bắt lươn khoảng 50
bò đi mất thì những con này nuôi sẽ không

4. Bệnh và cách phòng
Lươn thường ít
- Tắm cho lươn giống trong dung dịch nước muối nồng độ 5 phần nghìn trước khi thả nuôi để hạn ch
cá
- Nếu mất độ nuôi quá dầy (quá 40com/m2), nguồn nước bị ô nhiễm nắng nóng liên tục sẽ làm lươn
thấy có hơi và chui ra khỏi tổ). Loại bệnh này hiện chưa có thuốc chữa, chỉ có thể thay
- Bệnh ký sinh trùng bên trong: khi cho ăn tôm, ếch, ốc... đương nhiên lươn sẽ bị nhiễm một số loại
liều lượng rất nhỏ và pha vào với thức ăn nhưng tuyệt đối không đư
- Bệnh chết hàng loạt (bệnh nhiễm ở bên trong) thì phải mang tới nơi có chuyên môn để xét nghiệm
tự xác định bằng cách khi con lươn sắp chết bắt con ươn lên kiểm tra lỗ rốn của nó, nếu thấy sưng đỏ
bị nặng lắm rồi và c
- bệnh nấm và lở loét: thường do bị trầy xước làm cho một số vi khuẩn, nấm xâm nhập vào cơ thể. Có
lên nơi
- Bệnh đỉa: do một số loài ký sinh ở trong mang, máu gây ra. Bệnh
Chú ý: Để tránh bệnh thì tuyệt đối nước phải sạch, thức ăn không được quá thừa.

HỎI: Xin tư vấn giúp tôi quy trình làm hệ thống ga từ nước thải lợn và các loại gia súc khác. Chi phí để xây dựn

ĐÁP: Hầm khí biogas sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tạo ra khí gas phục vụ sản xuất và sinh h
quả kinh tế thiết thực. Đặc biệt là với các hộ chăn nuôi, vừa tận dụng được chất thải gia

Hầm biogas có các tiêu chuẩn kinh

Lượng vi khuẩn gây hại trong phân và chất thải chăn nuôi đã bị phân hủy thành khí gas và nước. Năn
Tiết kiệm tiền chất đốt từ 80.000-150.000 đồng/hộ/tháng. Thêm vào đó, nước thải của hệ thống đã
rau sạch. Tổng kinh phí xây dựng một hầm ga trung bình từ 4-5 triệu đồng. Việc sử dụng hầm biogas
triệu đồng/năm. Hầm biogas còn mang lại phân bón an toàn cho canh tác, hạn chế côn trùng phát triể
sức khỏe người nông dân. Như vậy có thể thấy, khí gas từ hầm biogas là hoàn toàn bình thường và l
được triển khai xây dựng rộng rãi ở các tỉnh, thành từ Bắc vào Nam. Tuy nhiên, để hầm biogas hoạt đ

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

khi xây dựng cần phải được hướng dẫn cụ th

Bạn có thể liên hệ để biết
Trạm tư vấn và chuyển giao công nghệ cấp nước và vệ sinh nông thôn 73 Nguyên Hồng - Hà Nội.

HỎI: Tôi muốn biết giống dê sữa nào cho hiệu quả nhất, tên là gì,giống dê sữa này hiện nay ở đâu bán và giá cả của nó như thế nào. (Trần Văn Nhận- Ấp 1, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP HCM)

ĐÁP: Những giống dê sữa hiện có ở Việt Nam:

Dê Bách Thảo: Là giống dê kiêm dụng sữa thịt. Nguồn gốc của giống dê này có thể là con lai giữa dê British-Alpine từ Pháp với dê Ấn Độ và nhập vào nước ta, nuôi qua hàng trăm năm nay. Dê có màu lông đen loang sọc trắng, tai co cụp xuống; trọng lượng trưởng thành 40–45 kg dê cái, dê đực 75–80 kg, sơ sinh 2,6-2,8kg, 6 tháng 19–22kg; khả năng cho sữa là 1,1–1,4 kg/ ngày với chu kỳ cho sữa là 148–150ngày; tuổi phối giống lần đầu là 7-8 tháng, đẻ 1,7 con/lứa và 1,8 lứa/năm. Có thể nuôi nhốt hoàn toàn, hoặc nhốt kết hợp chăn thả ở các vùng, và đều cho kết quả tốt.

Dê Jumnapari: Là giống Ấn Độ nhập vào nước ta năm 1994, màu lông trắng tuyền, chân cao; trọng lượng trưởng thành 42–46kg, con đực 70–80kg, sơ sinh 2,8–3,5kg, 6 tháng 22–24 kg; khả năng cho sữa 1,4–1,6 kg với chu kỳ 180–185 ngày. Tuổi phối giống lần đầu 8–9 tháng; đẻ 1/3 con/lứa, 1,3 lứa/năm. Dê phàm ăn và chịu đựng tốt với thời tiết nóng bức.

Dê Beetal: Cũng là 1 giống dê Ấn Độ được nhập về cùng lúc với dê Jumnapari; màu lông đen tuyền hoặc lông trắng, tai to dài cụp; khả năng sản xuất tương đương dê Jumnapari; phàm ăn và hiền lành.

Dê Barbari: Là giống dê được nhập về từ Ấn Độ có màu lông vàng loang đốm trắng, tai nhỏ thẳng; trọng lượng trưởng thành 30–35kg; dê có bầu vú phát triển, khả năng cho sữa 0,9–1kg/ngày với chu kỳ 145–148 ngày; khả năng sinh sản tốt đẻ (18 con/ lứa và 1,7 lứa/ năm). Dê có thân hình thon chắc, ăn rất tạp, chịu đựng kham khổ tốt, hiền lành phù hợp với hình thức chăn nuôi ở nước ta.

Dê Alpine: Là giống dê sữa của Pháp (nuôi nhiều ở vùng núi Alpes), màu lông chủ yếu màu vàng, đôi khi đốm trắng, tai nhỏ thẳng; trọng lượng trưởng thành 40–42kg, con đực 50–55kg, sản lượng sữa 900–1000 lít/ 1 chu kỳ cho sữa 240–250 ngày. Dê Alpine đã được nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây và tỉnh Ninh Thuận; tinh cọng rạ của giống dê cũng được nhập về từ Pháp, đang được dùng để lai tạo với dê trong nước, bước đầu đã cho kết quả tốt.

Dê Saanen: Là giống dê chuyên dụng sữa của Thụy Sĩ, nuôi nhiều ở Pháp và các nước châu âu; dê có màu lông trắng, tai vểnh nhỏ; có năng suất sữa cao 1000–1200kg sữa/chu kỳ trong 290–300 ngày. Trọng lượng con cái trưởng thành 45–50 kg, con đực 65–75 kg. Giống dê Saanen cũng đã được nhập vào nước ta bằng tinh cọng rạ, và đã dùng lai tạo với dê Bách Thảo, cho kết quả tốt. Mới đây, chúng ta nhập 25 dê Saanen về Việt Nam nuôi thử nghiệm và đang theo dõi thích nghi chúng.

Các con lai: Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây đã tiến hành nghiên cứu hàng loạt các công thức lai giữa các giống dê. Dê Bách Thảo đực lai với dê cái Cỏ, cho con lai F1 và P2. Con lai sinh trưởng và tăng trọng tốt, khả năng sinh sản và cho sữa đều cao hơn dê cỏ từ 25 – 30%, có khả năng thích ứng với chăn nuôi ở nhiều vùng nước ta. Sử dụng dê đực 3 giống dê Ấn Độ lai với dê Cỏ và dê Bách Thảo, cho con lai cũng có khả năng sản xuất cao hơn so với dê Cỏ và dê bách Thảo thuần.

Chú ý: những giống dê cho năng suất sữa cao nhất là dê Saanen và Alpine

Một số mô hình chăn nuôi dê đạt hiệu quả cao và hiện đang có bán giống dê lai:
- Hộ ông Nguyễn Đình Minh, 15/54/12, ấp 3, xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh, TP.HCM. ĐT: 08 8755313.
- Hộ ông Út, Bình Chánh, TP.HCM. ĐT: 08 8579096
- Hộ ông Hướng, Bình Chánh, TP.HCM. ĐT: 08 961 0280
- Hộ ông Huấn, tỉnh Long An. ĐT: 072 880483
- Hộ ông Thắng, 33 Chu Văn An, Sông Mao, Bắc Bình, Thuận Hải. ĐT: 062660067

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Hiện tại giá dê hậu bị từ 100.000 - 120.000đ/kg.

HỎI: Nhà tôi có nuôi 200 con thỏ. Khi thỏ con được 2 tháng tuổi thì tự dưng lăn ra chết. Tôi muốn hỏi bệnh đoá là gì. Nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trừ. (Phạm Thị Thu Hiền- Ninh Hoà, Hoa Lư, Ninh Bình)

ĐÁP: Tình trạng thỏ chết hàng loạt đang xảy ra rất nghiêm trọng ở vùng Đông Nam bộ mà cho đến nay vẫn chưa xác định được là bệnh gì. Số lượng thỏ ở đây chết khó thể thống kê được.Mặc dù Chi cục thú y của các tỉnh đó đã khám nghiệm nhưng xác định thỏ không mắc bệnh dịch gì.

Còn theo PGS.TS Đinh Văn Bình (Giám đốc Trung tâm nghiên cứu dê thỏ Sơn Tây - Viện Chăn nuôi Quốc gia) thì cho rằng thỏ bị bệnh bại huyết (bệnh này đã phát hiện cách đây 6 năm ở miền Bắc như Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình và Bắc Ninh ... khoảng 560.000 con chết. Trước đây, khi thỏ bị vi rút, Trung tâm cũng phối hợp để tìm ra vắc xin. Do thỏ bị vi rút nên dễ lây lan, cần khuyến cáo nông dân vệ sinh chuồng trại cho thật tốt và mua vắc xin dùng cho thỏ.

HỎI: Xin vui lòng cho tôi hỏi kỹ thuật nuôi lươn thịt? kỹ thuật cho lươn sinh sản nhân tạo? Thức ăn cho lượn? hiện nay tại Việt Nam có ai đã thành công trong việc cho lươn sinh sản nhân tạo chưa? (Nguyễn Thành Chơn- ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang)

ĐÁP: Lươn là một loài cá sống ở những nơi nước tĩnh, mực nước nông, lớp bùn đáy tương đối nhiều.

Lươn nuôi thích hợp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chú ý: Trước khi thả lươn vào chuồng, ao nuôi thì phải tắm bằng dung dịch nước muối loãng 5 phần nghìn thì trong quá trinh nuôi sẽ hạn chế được một số bệnh.

1. Chuồng nuôi:

- Có thể nuôi trong bể xi măng diện tích khaỏng 1-2 m2 có lót cao su ở dưới, nuôi trong ao đất, thậm chí có thể cải tạo chuồng nuôi heo cũ để nuôi lươn.
- Làm chuồng nuôi lươn: chuồng nuôi cao khoảng 1m, có dải nilon kín khắp chuồng, sau đó đổ đất sét bùn xuống đáy chuồng nuôi (loại bùn này phải có độ phèn ít để tránh bị bệnh hoặc có thể rắc vôi bột để làm giảm độ phèn), lớp bùn đáy này phải sạch, nhuyễn và cao khoảng 15 - 20cm. Chuồng nuôi phải không bị mất nước.
- Mỗi chuồng nuôi phải có ụ đất chiếm khaỏng 1/4 diện tích chuồng và Ụ đất này phải cao hơn mực nước 5-10cm để cho lươn làm tổ. Tổ của lươn có 2 cửa, 1 cửa thông lên trên để lươn nằm thở và cửa thông xuống dưới đáy để lươn thoát hiểm. Vì vậy ụ đất đắp phải đạt yêu cầu là dài gấp 2-3 lần chiều dài của con lươn vì nó phải chui lọt cơ thể và phải trồng một ít cỏ lên trên để cho mát. Còn mặt nước có thể thả một ít bèo tây hoặc những cây sống được ở trên mặt nước.
- Chiều sâu của nước tối thiểu phải bằng chiều dài của con lươn. Mực nước thấp nhất so với mặt bùn đáy ít nhất khoảng 20cm.
- Chuồng nuôi nên có gờ để tránh lươn bò ra ngoài và nên lót một lớp cao su đối với chuồng nuôi bằng xi măng để tránh lươn bị trày xước.
- nguồn nước để nuôi lươn tốt nhất là nước sông hoặc nước mương. Nước không được nhiễm bẩn hay thuốc trừ sâu.
- Sau mỗi lần nuôi lớp bùn ở dưới đáy có thể đem phơi cho khôn để lần sau nuôi tiếp.

2. Thức ăn cho lươn và cách cho lươn ăn:
- Thức ăn tự nhiên của lươn tương đối phong phú: bao gồm những động vật thân mềm sống ở bùn đáy hoặc là những con trùn đỏ và một số loại ốc vỏ mềm, tép, cua, ếch. Đối với con tép nhỏ thì có thể thả trực tiếp cho ăn, còn đối với cua, ốc... thì phải đạp nát, bỏ chết rồi mới cho ăn vì lươn thích ăn thức ăn có mùi tanh.
- Lượng thức ăn nhiều hay ít phụ thuộc vào trọng lượng của lươn và chiếm tối đa là 5% trọng lượng thân (Ví dụ: Nếu thả 100kg lươn giống thì cho ăn tối đa là 5kg thức ăn), không nên cho lương ăn quá nhiều vì nếu ăn không hết sẽ làm cho nước bị thối.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Không nên cho lươn ăn 1lần/ngày, có thể cho ăn 2-3 lần/ngày thì hiệu quả sẽ cao hơn. Và nên chọn thời điểm để cho lươn ăn, buổi sáng nên cho ăn trước lúc mặt trời mọc và buổi chiều nên cho ăn trước lúc mặt trời lặn. Thường thì buổi sáng lươn ăn ít hơn buổi chiều nên buổi sáng chỉ nên cho ăn 2kg thức ăn/ 100kg lươn giống; còn lại để buổi chiều.
- Thức ăn không nên đổ dồn vào 1 chỗ mà rải rác ra làm 3-4 chỗ. Khi cho ăn nên để thức ăn trong cái sảo nhỏ và thả xuống mặt nước để kiểm tra lượng thức ăn thừa thiếu. Nếu lươn ăn hết thì thức ăn cho hơi ít, nếu lươn ăn còn thừa 1 ít là lượng thức ăn cho vừa đủ.
- Nếu trời năng nóng hay mưa kéo dài thì có thể giảm lượng thức ăn hoặc ngừng cho ăn vì nắng nóng, mưa nhiều thì lươn sẽ ở trong tổ nhiều hơn là đi kiếm ăn.
- Đặc biệt phải thường xuyên kiểm tra nhiệt độ nước (dùng nhiệt kế), nếu nhiệt độ dưới 20-22 và lớn hơn 30 thì nên ngừng cho ăn.

3. Sinh trưởng và Sinh sản
- Lươn từ lúc sinh đến 200g (khoảng 8 tháng) tất cả đều là lươn cái, từ 200g trở đi thì có một số con chuyển thành lươn đực
- Lươn đẻ rải rác quanh năm nhưng chú ý nhất là vào thời điểm từ tháng 6-8 thì đẻ nhiều do mưa nhiều, nước lên
- Mỗi lần đẻ, mỗi con lươn chỉ đẻ 200-300 trứng. Nếu sử dụng phương pháp sinh sản nhân tao thì phải dùng thuốc với số lượng lớn, như vậy giá thành sẽ rất cao và rất khó bán. Cho đến nay ở Việt nam vẫn chưa đáp ứng được. Cho nên nguồn nhân giống chủ yếu dựa vào tự nhiên.
- Khi mua giống ngoài tự nhiên thì tìm nơi cung cấp hoặc người bán tin tưởng vì thực tế lươn bán ở ngoài thường mắc một số bệnh hoặc dùng thuốc để bắt. Sau khi mang về không có cách nào phát hiện ra và phải 1-2 tháng sau nó mới chết. Khi bắt lươn khaỏng 50g trở lên thường người ta hay vuốt nhẹ để sống lưng để lươn khỏi bò đi mất thì những con này nuôi sẽ không lớn và từ từ cũng sẽ chết.

4. Bệnh và cách phòng trị một số bệnh
Lươn thường ít mắc bệnh
- Tắm cho lươn giống trong dung dịch nước muối nồng độ 5 phần nghìn trước khi thả nuôi để hạn chế phần lớn bệnh. Nếu lươn mắc bệnh thì dùng thuốc tương tự cho cá
- Nếu mất độ nuôi quá dầy (quá 40com/m2), nguồn nước bị ô nhiễm nắng nóng liên tục sẽ làm lươn mắc bệnh phù đầu (triệu chứng: đầu to hơn binh thường, ấn vào thấy có hơi và chui ra khỏi tổ). Loại bệnh này hiện chưa có thuốc chữa, chỉ có thể thay nước trong bể nuôi cho mát và giảm lượng thức ăn từ từ.
- Bệnh ký sinh trùng bên trong: khi cho ăn tôm, ếch, ốc... đương nhiên lươn sẽ bị nhiễm một số loại giun sản. Có thể dùng thuốc của người hoặc của gia súc để trị với liều lượng rất nhỏ và pha vào với thức ăn nhưng tuyệt đối không được để lại mùi vì như vậy lươn sẽ không ăn.
- Bệnh chét hàng loạt (bệnh nhiễm ở bên trong) thì phải mang tới nơi có chuyên môn để xét nghiệm xác định bệnh và có biện pháp điều trị thích hợp. Ngoài ra có thể tự xác định bằng cách khi con lươn sắp chết bắt con ươn lên kiểm tra lỗ rốn của nó, nếu thấy sưng đỏ và ấn nhẹ thấy chảy ra nước màu hồng thì những con lươn này đã bị nặng lắm rồi và chắc chắn sẽ chết.
- bệnh nấm và lở loét: thường do bị trầy xước làm cho một số vi khuẩn, nấm xâm nhập vào cơ thể. Có thể tắm bằng nước muối 5-7 phần nghìn và bôi thuốc kháng sinh lên nơi bị trầy.
- Bệnh đỉa: do một số loài ký sinh ở trong mang, máu gây ra. Bệnh này có thể dùng thuốc tím nhưng rất khó chữa
Chú ý: Để tránh bệnh thì tuyệt đối nước phải sạch, thức ăn không được quá thừa.

HỎI: Xin tư vấn giúp tôi quy trình làm hệ thống ga từ nước thải lợn và các loại gia súc khác. Chi phí để xây dựng là bao nhiêu? (Hà Văn Kiên- Lạng Giang, Bắc Giang)

ĐÁP: Hầm khí biogas sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tạo ra khí gas phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Đây là mô hình mới xử lý ô nhiễm môi trường và đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Đặc biệt là với các hộ chăn nuôi, vừa tận dụng được chất thải gia súc, lại vừa triệt tiêu được những mùi hôi hám khó chịu.

Hầm biogas có các tiêu chuẩn kinh tế và ưu điểm sau:

Lượng vi khuẩn gây hại trong phân và chất thải chăn nuôi đã bị phân hủy thành khí gas và nước. Năng suất gas (CH4) đạt từ 0,5-0,6m3/m3 dịch phân hủy/ ngày đêm. Tiết kiệm tiền chất đốt từ 80.000-150.000 đồng/hộ/tháng. Thêm vào đó, nước thải của hệ thống đã

diệt hết 99% trứng giun sán, tận dụng làm phân vi sinh hoặc tưới rau sạch. Tổng kinh phí xây dựng một hầm ga trung bình từ 4-5 triệu đồng. Việc sử dụng hầm biogas giúp cho mỗi hộ gia đình tiết kiệm trung bình được từ 700.000 - 1 triệu đồng/năm. Hầm biogas còn mang lại phân bón an toàn cho canh tác, hạn chế côn trùng phát triển và sinh trưởng, qua đó giúp giảm dịch hại từ 70%-80%, bảo vệ sức khỏe người nông dân. Như vậy có thể thấy, khí gas từ hầm biogas là hoàn toàn bình thường và không hề ảnh hưởng gì tới sức khỏe con người. Hiện hầm bioga đã được triển khai xây dựng rộng rãi ở các tỉnh, thành từ Bắc vào Nam. Tuy nhiên, để hầm biogas hoạt động hiệu quả nhất và bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật, người dân khi xây dựng cần phải được hướng dẫn cụ thể hoặc thuê đội ngũ xây lắp.

Bạn có thể liên hệ để biết thêm thông tin tại: Trạm tư vấn và chuyển giao công nghệ cấp nước và vệ sinh nông thôn 73 Nguyên Hồng - Hà Nội.

HỎI: Tại sao khi tiêm heo phải tiêm vào góc tai, bẹn và khấu đuôi nhưng chỗ đó lại rất nhạy cảm. Xin hỏi ngoài những chỗ đó ra còn có thể tiêm ở vị trí nào nữa? (Hứa Văn Hạnh- Đồng Nai)

ĐÁP: Khi tiêm cho heo, và cho các loại gia súc chăn nuôi nói chung người ta thường tiến hành tiêm theo các phương pháp sau:

- Cách tiêm thịt (Các tiêm bắp): Nguyên tắc chung là tiêm vào nơi có khố cơ dày, không có dây thần kinh và mạch máu chạy qua. Trên gia súc có nhiều vị trí tiêm bắp thịt nhưng để an toàn cho người tiêm, vị trí tiêm bắp thuận lợi nhất như sau:
· Tiêm mông, đùi sau, bắp thịt cổ.

- Cách tiêm tĩnh mạch có hai vị trí tiêm:

· Tiêm tĩnh mạch cổ: Dùng để cấp một lượng thuốc lớn
· Tiêm tĩnh mạch tai: Dùng để cấp một lượng thuốc nhỏ

- Cách tiêm dưới da: Để thuận tiện người tiêm dùng kim ngắn tiêm vào da ở vùng cổ gia súc.

Như vậy, hai cách tiêm mà bạn hỏi là tiêm tai tức là tiêm tĩnh mạch tai. Têm vào khấu đuôi - tiêm vào phần mông là tiêm bắp vì ở đây heo có lớp thịt nạc dày.

Ngoài các vị trí tiêm trên bác sĩ thú y còn có thể tiêm vào các vị trí sau: Đùi sau, phần bắp thịt cổ, da dưới cổ và tĩnh mạch cổ.

HỎI: Tôi đọc bài sử dụng nước Ozone để trị cúm gia cầm. Xin quý báo vui lòng cung cấp hộ tôi: Địa chỉ, Điện thoại, EMail của Tiến sĩ Nguyễn Văn Khải, hoặc nơi tiến sĩ làm việc. Tôi muốn mua nước Ozone tại TP.Hồ Chí Minh hoặc Đồng Nai thì tôi có thể mua ở đâu. (Nguyễn Thế Vỹ- TP HCM)

ĐÁP: Tiến sĩ Nguyễn Văn Khải:
Nơi làm việc: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Điện thoại liên hệ: 04.6645023
Có thể mua nước Ozone ở các viện Vệ sinh dịch tễ của tỉnh.
Ngoài ra Trung tâm phát triển Công nghệ cao thuộc Viện Khoa học Vật liệu có cung cấp máy sản xuất ra loại nước này và có cung cấp trực tiếp nước Ozone cho những nơi không đủ điều kiện mau máy. Chi phí cho phương pháp này cũng rất rẻ: Nếu đã có máy tạo ozone, người dùng chỉ mất 65 đồng/lít gồm tiền điện và muối. Nguyên liệu để tạo "nước kỳ diệu" gồm: nước máy sạch, dung dịch hoạt hóa điện hóa (nước ozone dương) được chế tạo từ muối ăn có độ sạch 99,7% pha vào nước theo ti lệ 5g/lít, tức là nhạt bằng 1/2 nước canh ta ăn thường ngày.

Hiện nay đã có rất nhiều tỉnh ở miền Nam sử dụng công nghệ này để bảo quản hoa quả, vệ sinh môi trường nước trong nuôi cá lồng, vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi như ở Bình Thuận, Ninh Thuận, Long An, An Giang.

HỎI: Xin cho biết cách nuôi tôm càng xanh ở nước ngọt. Cách phòng chống dịch bệnh cho đàn vịt con.(Trần Hồng Hinh- xã Chất Bình, Ninh Bình)

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

ĐÁP: **A. Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh**

1. Ương tôm càng xanh từ bột lên giống:

Nhiều nước có trình độ kỹ thuật cao thường nuôi thẳng từ tôm bột lên tôm thương phẩm; ở nước ta do chưa đủ điều kiện kỹ thuật nên cần ương để có con giống đạt cỡ từ 3- 8cm phục vụ cho nghề nuôi.
Xây dựng cải tạo ao
Ao đảm bảo nguồn nước ngọt quanh năm và nước không bị ô nhiễm, gần nhà để dễ bảo vệ, độ PH 6- 8. Có cống thoát nước, độ sâu của ao 1,2m, đáy ao bằng phẳng dễ thu hoạch. Diện tích ao 500- 1000m2.
Cải tạo: ao cũ tháo cạn, vét bỏ bớt bùn, để 15cm là vừa. Bón vôi 2- 3 tấn/ha. Ao mới bón 3- 4 tấn/ha.
Gây màu nước bằng cách bón phân hữu cơ như phân gà hoai 200- 700kg/ha, hoặc phân lợn hoai 1- 1,5 tấn/ ha, bón phân vô cơ: uree20- 25kg/ ha, lân 10- 15kg/ha.
Chuẩn bị lưới lọc có mắt lưới nhỏ hơn hoặc bằng 0,5mm. Nước vào ao ở mức 0,4- 0,5m để tảo phát triển sau 3- 5 ngày.
Mật độ ương: tôm giống được chuyển bằng bao nylon được thả xuống ao tốt nhất là 5- 9h sang và 16- 18h chiều, để nhiệt độ trong ao và môi trường cân bằng nhau (khoảng 20- 30 phút) rồi mới thả, cách bờ 2- 3m, mật độ 150- 200con tôm bột /m?2.
Thức ăn và cho ăn: dùng thức ăn viên cá hấp, chủ yếu đảm bảo hàm lượng protein, chất lượng như sau: đạm 30- 35%, béo 5- 8%, can xi 2- 3%, photpho3- 5%, xơ 3- 5%. Cho ăn 3- 4 lần/ ngày, thức ăn được dải đều khắp ao.
Chăm sóc: ao duy trì ở mức 0.8-1m, 15 ngày đầu không thay nước, sau đó thay hang ngày 20-30% lượng nước trong ao.
Thu hoạch: nếu ương ở cạnh vùng nuôi, thời gian 2-3 tháng, ở gần 45 ngày để dễ vận chuyển. Trước khi thu hoạch phải sục khí, trước 1 ngày phải thay nước.

2. Nuôi tôm thương phẩm
a. Nuôi ở ao
Vị trí xây ao phải có nguồn nước ngọt quanh năm, không bị ô nhiễm. Gần nguồn điện, thuận lợi giao thông càng tốt.
Chỉ tiêu thuỷ hoá của nguồn nước: hàm lượng oxy hơn 3mg/ lit, độ cứng tổng cộng trên 20mg/l, Fe tổng cộng 0,2mg/l, pH= 6/ 6,8.
Diện tích: 2000= 3000m2, độ sâu 2m, ao có cống cấp nước và thoát nước.
Đáy ao bằng phẳng ít bùn (15cm), độ dốc 0,1-1%
Ở đáy ao có mương rãnh nước từ cống cấp đến thoát rộng 2-3m, sâu hơn đáy ao 10- 20cm.
Cải tạo ao: ao được cải tạo bằng cách bón lót vôi và phân chuồng diệt tạp như ao ương. Ao đã qua 1 vụ phải làm cạn, vét bùn.
Mật độ thả
Nuôi thâm canh thả 30- 35 con/M2 thường xuyên có hệ thống quạt nước, sục khí đảm bảo hàm lượng oxy hoà tan từ 5mg/l trở lên.
Nuôi bám thâm canh 5- 6 con/m2,nuôi quảng canh thả 0,5- 3 con/m2, tôm giống 5-7con/m2 , mật độ thả 3-5 con/m2 tương ứng trọng lượng 30- 50con/m2.
Cỡ tôm nhỏ 1- 3g/ con, mật độ thả 8- 10con/m2, tương ứng 15- 20co/ m2.
Với tôm giống nhân tạo: 250mg- 1g/con tức 1000- 400 con/ kg mật độ thả 15- 20 con/m2, nên thả đủ số lượng vào 1 lần.
Đối với tôm giống tự nhiên cần thả đủ số lượng tôm giống thời gian càng ngắn càng tốt.
Phương thức nuôi
Nuôi đơn chủ yếu tôm càng xanh, phù hợp với thời gian 3- 4 tháng.
Nuôi ghép nhằm tận dụng thức ăn dư thừa trong ao, đối tượng nuôi ghép là cá mè trắng, trắm cỏ.
Mật độ: 1con/ 5- 10m2, cá thả 8- 10cm cá cần nuôi tiếp tục để đạt tiêu chuẩn.
Thức ăn, khẩu phần ăn cho tôm
Có thể dùng thức ăn viên, cá vụn, con ruốc hay tép... Thức ăn có đủ thành phần hoá học: protein 30- 35%, canxi 2- 3%, photpho 1- 1,5%, cellulose 3- 5%.
Cho ăn ngày 2 lần vào 6h và 18h.
Thả chà: có thể thả một số cây, cành không đắng, mục rữa cho tôm ẩn nấp trong thời kỳ lột xác
g, Chăm sóc, quản lý: chú ý thay nước, bón phân và theo dõi độ PH, khí ôxy, phòng bệnh cho tôm.
b. Nuôi ở ruộng
Diện tích: 1- 1,5ha, có bờ chắc chắn. Xung quanh ruộng đào mương rộng 3- 5m, sâu 1m. Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước hợp lý
Chuẩn bị: tháo cạn nước, dọn sạch rong cỏ ở mương bờ, vét bùn đáy mương chừa 5- 10cm. Dùng vôi bón xuống đáy mương và thành mương 15- 20 kg/ 100m2. Cắm chà cho tôm trú ẩn.
Con giống

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

Cần phân từng nhóm kích cỡ tôm giảm hao hụt. Mật độ thả 0,5- 2 con/m2 đến 3- 4 con/m2.
Thả tôm lúc trời mát, chỗ nước sâu.
Thức ăn: thành phần và cách cho ăn giống như nuôi tôm ở ao
Thu hoạch: khi trọng lượng 30- 50g/con

c. Nuôi tôm càng xanh với cá.
Diện tích ao: 200- 1600m2, sâu: 1,2- 1,5m, có cải tạo ao và bón lót phân. Tôm giống cỡ 1,- 2g/ con, mật độ that 2- 5con/m2. Cá mè trắng cỡ giống 100g/con, mật độ 1 con/ 10m2, thức ăn 2 tháng đầu gồm cám và ngô 70% bột cá nhạt 20%, ruột ốc 10%, tháng sau tiếp tục cho ăn 10% ruột ốc, 90% còn lại là cám, bột ngô, bột cá viên
Lượng thức ăn tháng đầu là 200g/ 100m2.
Thời gian nuôi 4 tháng
Thả tôm với có catla (ăn tầng mặt) và cá Rôbu (ăn tầng giữa) với mật độ trên 1ha: 20.000 con tôm, 4000- 5000 cá, đạt sản lượng bình quân 700kg tôm (cỡ trung bình 40- 50g/ con), 1,5- 2 tấn cá.

B. Một số bệnh thường gặp ở ngan, vịt

1. Bệnh viêm gan virut ở vịt
Triệu trứng: Thời gian nung bệnh 2- 4 ngày, bệnh tiến triển nhanh khó phát hiện kịp. Vịt sã cánh, buồn ngủ, bỏ ăn, mệt mỏi nặng, nằm đầu nghoẹo ra sau hay về một bên, co giật toàn thân sau đó mới chết ở tư thế duỗi thẳng. Bệnh tiến triển rất nhanh, chong vòng 2 h, ti lệ bệnh 100% đàn, ti lệ chết 95- 100% ở vịt con 1- 3 tuần tuổi , 50% ở vit 4 tuần trở lên
Phòng chữa bệnh:
Không có thuốc đặc trị nên chỉ dùng biện pháp vệ sinh thú y để phòng, tiêm phòng vacxin cho vịt con và vịt trưởng thành, cách li tốt vịt con 1- 5 tuần tuổi tránh lây nhiễm.

2. Bệnh dịch tả vịt
Triệu trứng: thường xảy ra ở vịt từ 15 ngày tuổi trở lên, và 1- 5 ngày sau khi phát bện thì gia cầm bắt đầu chết. Vịt chết đột ngột cả những con đang béo, vịt đẻ giảm 25- 40%. Vịt ốm bỏ ăn, tiêu chảy phân loãng màu trắng xanh, thối khắm, lông xù, mắt nửa nhắm, nửa mở, nước mũi chảy,cánh sã, ít vận động, sốt có 43- 43,50, liên tục trong 2 ngày, nhiều con đứng 1 chân, tỉ lệ chết 5- 100%.
Phòng bệnh:
Bệnh không có thuốc điều trị. Khi dịch tả xuất hiện phải bao vây nơi có dịch, loại bỏ vịt ốm, xử lý diệt virut bằng nhiệt. Không tiêm vacxin phòng khi vịt đang bị dịch. Liều vacxin cho vịt khỏe lúc này = 1,5 lần,có thể gấp 2.

3. Bệnh tụ huyết trùng
Triệu trứng: Bệnh thể quá cấp tính, ngan vịt chết đột ngột rất nhanh mà chưa có dấu hiệu bệnh tật.
Bệnh cấp trong 1- 3 ngày. Khi bị chết đột ngột báo hiệu bệnh tụ huyết trùng gia cầm, thể hiện sốt, bỏ ăn, xù lông, dịch tràn ra miệng, ỉa chảy, thở gấp, ti lệ chết 50%.
Phòng chữa bệnh:
Chăm sóc,vệ sinh chuồng
Phòng bệnh bằng cách pha trộn vào thức ăn, hoặc uống liên tục 2- 3 ngày trong tuần khánh sinh: Cosumix 2g/ lít nước hoặc 2g/ kg thức ăn, Tetracyclin 1g/ 4 lít nước hoặc 1g/ 4kg thức ăn.
Tiêm vacxin 2 đợt lúc vịt 20- 30 ngày tuổi và 4- 5 tháng tuổi cho vịt đẻ.

4. Bệnh phó thương hàn
Triệu trứng: vịt con 3- 15 ngày tuổi thường bị nhiều ỏ thể cấp tính, vịt lớn 45 ngày tuổi trở lên thường bị thể mạn tính.
Vịt ốm, tiêu chày, phân loãng, có bọt khí, lông đít dính, ít đi lại, chúng tách đạn tụ tập thành nhóm tìm chỗ ấm. Vịt khát nước, bỏ ăn. Bệnh có chứng lên cơn, run rẩy 2 chân, co giật , kéo dài 3- 4 ngày thì chết đến 70%
Phòng chữa bệnh
Làm tốt công tác vệ sinh, nhất là ổ đẻ
Trộn thuốc furazolidon liều phòng cho vịt đến 2 tuần tuổi 100gg/ tấn thức ăn, sau 2 tuần 50g/ tấn thức ăn, liều chữa 150g/ tấn chữa cho từng con thì 50mg/ con.

5. Bệnh nhiễm khuẩn E.COLI
Triệu trứng: vịt trên 3 ngày tuổi bị bệnh có triệu trứng lông xù, rụt cổ , mắt lim dim như buồn ngủ và tiêu chảy phân màu trắng rồi chết. Nhiều con ốm bị thần kinh co giật, nghoẹo cổ. Vịt đẻ giảm, vỏ trứng có máu, chết rải rác/
Phòng chữa bệnh
Vệ sinh

Đề phòng tốt các bệnh cấu trùng, kí sinh trùng, viêm đường hô hấp mãn tính.
Trộn kháng sinh liều vào thức ăn: neotesol 100mg- 200mg/ kg thể trọng, Tetracyclin 50- 60mg/ kg thể trọng...
Tiêm phòng vacxin Neotyphomix liều lượng 1cc/ 3 con

6. Bệnh tụ cầu trùng
Triệu trứng: vịt bị sưng khớp nhất là khớp đầu gối, nước lùng bùng, nóng kéo dài 2- 3 tuần lễ. Trong ổ khớp viêm có fibrin, mủ bã đậu. Ổ khớp viêm dễ bị tróc ra, có khi viêm cả xương rồi què.
Ruột bị xung huyết, vịt tiêu chảy, mỏi mệt, gầy giảm đẻ rồi ngưng đẻ/
Phòng bệnh
Vệ sinh chuồng trại, tránh gây vết thương cho vịt, ngan
Cách li gia cầm ốm
Chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn vịt, đảm bảo thức ăn đủ dinh dưỡng
Tiêm kháng sinh thẳng vào khớp, Streptomycin 100- 150mg/ kg thể trọng, hoặc Penicilline 100.000UI/ kg thể trọng.

7. Bệnh bướu cổ
Triệu trứng: vịt bệnh ở yết hầu nổi bướu to dần nhanh làm cho vịt không ăn uống được, rồi ngạt thở chết, nhiều con có bướu ở mí mắt, mép mỏ, vai, bàn chân, đùi. Vịt con gầy còm, mổ các bướu ra thấy co giun chỉ cuộn khúc như búi chỉ
Phòng chữa bệnh:
Chăm sóc tôt đàn vịt , không chăn vịt nơi nước ao tù, nước đọng nhất là mùa nắng cạn.
Tách riêng vịt bị bệnh, mổ bướu lấy giun chỉ ra, sát trùng bằng glixerin, khâu lại chăm sóc tốt 7- 10 ngày sẽ khỏi
Dùng thuốc Diphevit tiêm thẳng vào bướu 20mg/ con vịt nặng 100 g, 40mg cho vịt 300- 400g thể trọng.

8. Bệnh ngộ độc AFLATOXIN
Triệu trứng: chậm lớn, đẻ giảm, bị co giật, da tái, tiêu chảy phân loãng, xanh, sống. Vịt đi khập khiễng, xốt huyết dưới da và bàn chân. Nhiễm độc nặng có thể chết hàng loạt
Phòng chữa bệnh:
Không cho vịt ăn thức ăn nấm mốc.
Dùng Quixalus liều chữa 1g/1kg thức ăn trong 5- 7 ngày, trộn glucozo, vitamin C vào nước uống cho vịt giải độc.

9. Bệnh DERZSY ở ngan
Bệnh do chủng Pảavovarus gây ra, ngan bệnh bị rụng lông, lớn chậm, ti lệ chết cao
Bệnh dễ lây, ngan chết nhiều lúc 8- 15 ngày tuổi
Phòng bệnh: tiêm vacxin paravovirut nhược độc cho ngan sinh sản để truyền kháng thể sang cho ngan con qua trứng.

10. Bệnh nấm phổi
Triệu trứng: gia cầm nhiễm nấm khó thở, kém ăn, gầy, chết nhanh vài giờ sau khi có triệu trứng.
Phòng chữa bệnh:
Chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn vịt, bổ sung vitamin A, D, E vào thức ăn
Làm tốt vệ sinh chuồng trại
Chữa bệnh bằng trộn kháng sinh vào thức ăn: Quixalú 1g/ 1kg thức ăn liền trong 5 ngày, Mycostain 2g/ kg thức ăn trong 7- 10 ngày.

HỎI: Xin cho tôi hỏi kỹ thuật nuôi ốc hương. Cách phòng trị bệnh. Tại Kiên Giang có thể nuôi có kết quả tốt hay không? (Nguyễn Văn Nuôi Kiên Giang)

ĐÁP: Ốc hương là loài động vật thân mềm biển có giá trị kinh tế và xuất khẩu cao do thịt thơm ngon, giàu chất dinh dưỡng được nhiều người ưa chuộng. Bình Thuận là tỉnh có sản lượng khai thác ốc hương cao nhất nước nhưng trong những năm gần đây sản lượng khai thác đã giảm đi đáng kể.

Để bảo vệ nguồn lợi ốc hương và có đủ lượng cung cấp cho thị trường cần phải tiến hành nuôi trong điều kiện nhân tạo. Nhưng hiện nay nghề nuôi ốc hương chỉ mới bắt đầu và còn rất ít nghiên cứu chuyên sâu về đối tượng này.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

I. Phân bố
Ở nước ra, ốc hương phân bố dọc ven biển từ Bắc vào Nam, trong đó khu vực phân bố chính thuộc các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tỉnh, Quảng Bình, Quảng Trị và đặc biệt nhiều ở Bình Thuận, Kiên Giang, Vũng Tàu.

Khu vực ốc hương phân bố thường cách xa bờ 2 –3 km, có nền đáy gồ nghề tương đối dốc; Chất đáy là cát hay cát pha lẫn mùn bã hữu cơ, độ sâu trung bình 8 –12 m. Ốc hương sống vùi ở đáy cát. Một số yếu tố thuỷ lý, thuỷ hoá vùng phân bố của ốc hương được xác định như sau:

- Nhiệt độ nước : 26 – 280C
- Độ mặn : 340/00
- pH : 7,5 – 8
- Oxy hoà tan :6,2 – 8,5

II: Khả năng thích nghi với điều kiện môi trường

1. Chất đáy:

Ốc hương con thường bắt gặp ở vùng đáy cát có lớp bùn mềm trên mặt; Ốc hương trưởng thành sống chủ yếu ở nền đáy cát, cát bùn hoặc cát có pha lẫn vỏ động vật thân mềm. Ở những vùng đáy có nhiều mùn bã hữu cơ và khí H2S ốc hương thường không phân bố hoặc di chuyển đến vùng đáy cát sạch hơn.

2. Độ mặn:

Ốc hương phân bố ở vùng biển khơi nên chúng là loài hẹp muối. Độ mặn thích hợp nhất cho ốc hương phát triển là từ 30 – 350/00. Ấu trùng bò, con non và con trưởng thành có khả năng thích nghi với độ mặn từ 15 – 450/00 nếu được thuần hoá dần dần. Việc tăng hoặc giảm độ mặn đột ngột đều gây chết cho ốc do bị sốc.

3. Nhiệt độ:

Nhiệt độ thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của ốc hương là từ 26 – 280C. Ốc hương có khả năng chịu đựng nhiệt độ từ 12 – 350C. Khả năng thích ứng với nhiệt độ thấp của ốc hương tốt hơn thích ứng với nhiệt độ cao. Nhiệt độ trên 350C đã bắt đầu gây chết ốc nếu kéo dài trong khoảng 24 giờ.

4.Oxy hoà tan:

Hàm lượng oxy hoà tan cần duy trì ở mức từ 4 - 6 mg/l.

5.pH:

Độ pH không ảnh hưởng nhiều đến ốc hương (trừ giai đoạn ấu trùng bơi). PH thích hợp nhất cho ốc hương là từ 6 - 9.

II. Đặc điểm dinh dưỡng:

Đặc điểm dinh dưỡng của ốc hương thay đổi theo giai đoạn phát triển. Ở giai đoạn ấu trùng ốc hương ăn chủ yếu các loài tảo đơn bào. Từ giai đoạn ốc giống đến trưởng thành thức ăn ưa thích của ốc hương là động vật thân mềm hai mảnh vỏ (trai, sò, nghêu...), các loại giáp xác (tôm, cua, ghẹ), cá. Lượng thức ăn ốc hương tiêu thụ hàng ngày dao động từ 5 - 22% (trung bình 12%) tùy thuộc vào loại thức ăn ưa thích và điều kiện môi trường nuôi. Các kết quả thí nghiệm cho thấy thức ăn nhuyễn thể hai mảnh vỏ , tôm có chất lượng cao, mùi vị ưa thích được ốc hương ăn nhiều nhất, các loại cá ít được ốc ưa thích.

IV. Đặc điểm sinh sản:

1. Giới tính:

Ốc hương là loài có giới tính phân biệt và thụ tinh trong. Nếu quan sát bên ngoài không thể phân biệt được ốc đực và ốc cái. Để phân biệt được giới tính của ốc người ta dựa vào nhiều đặc điểm khác nhau; Trong đó có hai đặc điểm dễ quan sát nhất là:
- Con đực có gai giao cấu ở gốc xúc tu phải, đó là một nếp thịt có thể co giãn, nối với một ống dẫn nhỏ đi từ tuyến sinh dục.
- Con cái có lỗ sinh dục ở dưới bàn chân, cách 1/4 chiều dài bàn chân.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

2. Sự đẻ trứng:

Ốc hương có khả năng thành thục quanh năm. Tỉ lệ thành thục cao nhất từ tháng 3 - tháng 10. Ốc hương cái mỗi lần đẻ từ 18 đến 75 bọc trứng (trung bình 38 bọc), mỗi bọc trứng chứa từ 170 - 1850 trứng.

Phần 2. Kỹ thuật nuôi ốc hương

Có 4 loại hình nuôi ốc hương thương phẩm: nuôi đăng, nuôi lồng, nuôi ao đất, nuôi bể ximăng. Tùy thuộc điều kiện tự nhiên, vị trí nuôi từng vùng mà chọn loại hình nuôi cho thích hợp.

I. Nuôi ốc hương trong đăng, lồng

1. Điều kiện vùng nuôi:

- Vị trí đặt lồng hoặc cắm đăng nuôi ở vùng nước trong sạch
- Chất đáy: cát hoặc cát san hô, ít bùn.
- Độ mặn: ổn định trong khoảng 25 - 350/00 .
- Nguồn nước: trong sạch và không bị ảnh hưởng của nước ngọt do tác động của nước sông vào mùa mưa.
- Độ sâu: độ sâu đặt lồng hoặc cắm đăng từ 1,5 m nước trở lên.

2. Cấu tạo lồng, đăng:

- Diện tích lồng: từ 1 -4m2, khung lồng làm bằng sắt, có lưới bảo vệ bên ngoài ngăn không cho cá dữ, cua ghẹ lọt vào ăn ốc. Lồng nuôi phải được chôn sâu dưới lớp cát đáy 5cm để có nền cát cho ốc vùi mình.
- Đăng làm bằng tre, có bao lưới xung quanh ngăn không cho cá dữ, cua ghẹ lọt vào ăn ốc. Độ cao lưới cắm đăng phải vượt quá mức nước triều cao nhất 1 m để ốc không bị sóng đánh ra ngoài. Đăng nuôi phải chôn sâu xuống dưới cát ít nhất 10 cm để tránh ốc chui ra ngoài.

3. Thả giống:

- Cỡ giống thả tối thiểu đạt 8.000 - 10.000 cn/kg trở lên.
- Mật độ thả : 500 - 1000 con/m2.
Trước khi thả cần phải để ốc giống thích nghi dần với nhiệt độ không khí và nhiệt độ nước, không được thả ngay để tránh hiện tượng gây sốc nhiệt cho ốc.

4. Chăm sóc, quản lý:

- Thức ăn: Cá, cua, ghẹ, trai nước ngọt....
- Cho ăn: Mỗi ngày cho ốc hương ăn một lần vào buổi chiều tối, lượng thức ăn tùy theo tháng tuổi.
+ Tháng thứ nhất : 15 - 20% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ hai : 10 - 15% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ ba : 8 - 10% trọng lượng ốc nuôi
+ Tháng thứ tư về sau: 5 - 7% trọng lượng thân ốc nuôi.
Cá không quá nhỏ, để nguyên con thả vào cho ăn; Trai, sò, hầu....đập vỡ vỏ; Cua ghẹ lột mai đập bể càng trước khi cho ăn.
- Hàng ngày theo dõi lượng thức ăn để điều chỉnh cho phù hợp. Vớt toàn bộ thức ăn thừa, xương, đầu, cá, vỏ sò... ra khỏi lồng để tránh ô nhiễm nước.
- Trong quá trình nuôi thường xuyên kiểm tra lưới, phát hiện kịp thời địch hại để diệt trừ, thường xuyên làm vệ sinh lồng lưới để nước lưu thông.
- Trường hợp nuôi lâu đáy lồng quá bẩn, có mùi hôi ốc hương sẽ không ăn và yếu dần, cần chuyển lồng sang vị trí mới. Nuôi trong đăng cắm cố định cần ngăn thành nhiều ngăn, ốc hương được chuyển sang ngăn mới khi ngăn cũ nuôi lâu ngày đáy bẩn.

5. Thời gian nuôi:

Thời gian nuôi từ 5 - 6 tháng tùy theo điều kiện môi trường nuôi và quá trình quản lý, chăm sóc.

6. Thu hoạch:

- Khi ốc nuôi đạt kích thước 90 - 150 con/kg có thể thu hoạch bán thương phẩm.
- Thu hoạch ốc hương trong đăng bằng cách đặt bẫy hoặc lặn bắt.
- Thu hoạch ốc hương trong lồng đơn giản bằng cách nhấc lồng nhặt ốc.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Ốc sau khi thu hoạch cần nhốt trong giai hoặc trong bể 1 -2 ngày để làm sạch bùn đất và làm trắng vỏ trước khi xuất ra thị trường xuất khẩu.

II. Nuôi ốc hương trong ao

1. Điều kiện ao nuôi:

- Vị trí: Ao nuôi phải gần biển để có thể lấy và tháo nước dễ dàng.
- Nguồn nước: Trong sạch, không bị ảnh hưởng nước ngọt do tác động của nước sông vào mùa mưa.
- Ao có bờ chắc chắn, có lưới chắn xung quanh mép nước để ngăn không cho ốc bò lên bờ cao. Ở cống cấp nước phải có lưới chắn để ngăn không cho cá dữ, cua ghẹ vào ăn ốc con
- Trước khi nuôi phải tẩy dọn ao sạch sẽ và diệt trừ địch hại.

2. Các yếu tố môi trường trong ao nuôi:

- Độ mặn: ổn định từ 25 - 35 0/00 .
- pH: 7,5 - 8,5
- Độ sâu: Từ 1 - 1,2 m để đảm bảo nhiệt độ nước từ 26 - 300C

3. Thả giống:

- Kích cỡ giống: Cỡ giống thả 5000 - 6000 con/kg.
- Mật độ thả: 50 - 100 con/m2
Trước khi thả cần phải để ốc giống thích nghi dần với nhiệt độ không khí và nhiệt độ nước, không được thả ngay để tránh hiện tượng gây sốc nhiệt cho ốc.

4. Chăm sóc quản lý:

- Thức ăn: Cá, cua, ghẹ, trai nước ngọt....
- Cho ăn: Mỗi ngày cho ốc hương ăn một lần vào buổi chiều tối, lượng thức ăn tùy theo tháng tuổi.
+ Tháng thứ nhất : 15 - 20% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ hai : 10 - 15% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ ba : 8 - 10% trọng lượng ốc nuôi
+ Tháng thứ tư về sau: 5 - 7% trọng lượng thân ốc nuôi.
Cá không quá nhỏ, để nguyên con thả vào cho ăn; Trai, sò, hầu....đập vỡ vỏ; Cua ghẹ lột mai đập bể càng trước khi cho ăn.
- Thức ăn được thả vào các sàn hoặc vó, đặt đều khắp trong ao
- Theo dõi lượng thức ăn thừa hàng ngày để điều chỉnh hệ số thức ăn cho phù hợp.
- Buổi sáng vớt toàn bộ thức ăn thừa, xương, đầu cá, vỏ sò.. trong các sàn ăn hoặc vó ra khỏi ao để tránh ô nhiễm nước trong ao.
- Trường hợp nuôi lâu đáy ao quá bẩn, có mùi hôi ốc hương sẽ không ăn và yếu dần, cần chuyển ốc sang ao mới và cải tạo lại ao cũ sạch sẽ trước khi dùng lại.
- Thay nước thường xuyên giữ môi trường ao nuôi luôn sạch sẽ là điều kiện tốt giúp cho ốc lớn nhanh.

5.Thời gian nuôi:

Thời gian nuôi từ 5 - 6 tháng tùy theo điều kiện chăm sóc và môi trường ao nuôi.

6. Thu hoạch:

- Khi ốc nuôi đạt kích thước 90 - 150 con/kg có thể thu hoạch bán thương phẩm.
- Tháo cạn nước trong ao, nhặt bắt ốc bằng tay hoặc dùng cào sắt để gom ốc.
- Do ốc thường chui sâu trong lớp đáy ao khi rút cạn nước vì vậy cần nhặt bắt kỹ để tránh bỏ sót ốc trong ao.
- Sau khi thu hoạch nhốt ốc trong giai hoặc trong bể 1 - 2 ngày để làm sạch bùn đất và làm trắng vỏ.
Lưu ý:
- Cần chú trọng yếu tố nhiệt độ và độ mặn trong ao nuôi.
- Khi nuôi ốc hương với mật độ cao phải đảm bảo môi trường nước luôn trong sạch; Sử dụng máy quạt nước, sục khí thường xuyên để tránh hiện tượng thiếu oxy do ô nhiễm đáy.

III. Nuôi ốc hương trong bể ximăng:

1. Điều kiện bể nuôi:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- Bể ximăng có che bớt ánh sáng bằng lưới chắn nắng để nhiệt độ trong bể nuôi không quá 32 0C vào mùa hè.
- Đáy bể lót một lớp cát mịn dày 2 - 3 cm.

2. Các yếu tố môi trường:

Cần điều khiển các yếu tố môi trường trong bể sau cho:
- Độ mặn: 30 - 350/00.
- Nhiệt độ: 27- 290C.
- pH : 7,5 - 8,5.
- Sục khí liên tục 24/24 giờ để đảm bảo hàm lượng oxy hòa tan > 4,5 mg/l.
Những ngày mưa lớn cần xả bớt lớp nước tầng mặt và giữ không cho độ mặn giảm xuống dưới 200/00. Có thể nuôi ở mức nước từ 0,5 - 1,2 m.

3. Thả giống:

Tùy theo tháng tuổi của ốc hương mà mật độ nuôi khác nhau
- Tháng thứ nhất : 800 - 1.000 con/m2 (ốc hương mới sinh sản thành giống)
- Tháng thứ hai : 500 - 800 con/m2.
- Tháng thứ ba : 200 - 300 con/m2.
- Tháng thứ tư về sau : 100 - 200 con/m2.

4. Chăm sóc quản lý:

a. Cho ăn:

- Cho ốc hương ăn tôm, cá, thịt nghêu băm nhỏ (đã bỏ xương, vỏ). Thức ăn được rãi đều khắp bể nuôi vì ốc hương giai đoạn nhỏ chỉ vận động được trong một bán kính nhất định.
- Mỗi ngày cho ốc hương ăn 1 lần vào buổi chiều tối.
- Lượng thức ăn tùy theo tháng tuổi:
+ Tháng thứ nhất : 15 - 20% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ hai : 10 - 15% trọng lượng ốc nuôi.
+ Tháng thứ ba : 8 - 10% trọng lượng ốc nuôi
+ Tháng thứ tư về sau: 5 - 7% trọng lượng thân ốc nuôi.

b. Chăm sóc, quản lý:

- Theo dõi lượng thức ăn thừa hàng ngày để điều chỉnh hệ số thức ăn cho phù hợp.
- Buổi sáng vớt toàn bộ thức ăn thừa, xương, đầu, cá, vỏ sò... ra khỏi bể trước khi thay nước và cho ăn.
- Thay từ 50 - 70% nước trong bể mỗi ngày. Định kỳ súc rửa đáy và thay lớp cát mới khi thấy đáy có mùi hôi và ốc kém ăn.
- Giữ môi trường bể nuôi luôn sạch sẽ là điều kiện tốt giúp ốc lớn nhanh.
- Trường hợp nuôi lâu đáy bể quá bẩn, có mùi hôi, ốc sẽ không ăn và yếu dần, cần chuyển ốc sang bể mới và vệ sinh bể sạch sẽ trước khi dùng lại.

5. Thời gian nuôi:

- Thời gian nuôi từ 5 -7 tháng tùy theo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

6. Thu hoạch:

- Khi ốc đạt kích thước 90 - 150 con/kg có thể thu hoạch bán thương phẩm.
- Cách thu như sau: Tháo cạn nước trong bể, dùng tay bắt toàn bộ ốc trong bể, những con đủ kích cỡ thương phẩm thì thu riêng, còn lại những con chưa đủ tiêu chuẩn thu hoạch đưa vào bể nuôi khác có con giống cùng cỡ tiếp tục nuôi cho đến kích thước thương phẩm.

Phần III: Phòng và trị bệnh

Nghề nuôi ốc hương chỉ mới xuất hiện 1 - 2 năm trở lại đây và mang tính tự phát, vấn đề dịch bệnh chưa xảy ra nhiều và cũng chưa được nghiên cứu sâu.
Tuy nhiên, với bất cứ đối tượng nuôi nào để nuôi đạt hiệu quả thì i phòng bệnh là chính.

I. Phòng bệnh:

1. Thả giống đủ kích cỡ, không nên thả giống quá non.

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

2. Giữ vệ sinh lồng, ao, bể nuôi luôn sạch sẽ.
3. Duy trì các yếu tố môi trường ở mức thích hợp nhất; chú trọng yếu tố độ mặn và nhiệt độ.

II. Bệnh ốc hương:

Gần đây chỉ mới phát hiện được một số loại trùng lông (tên khoa học là Ciliphora) gây nên hiện tượng ốc hương nuôi lồng chết hàng loạt ở Khánh Hòa vào cuối năm 2002.
Triệu chứng bệnh: Lúc đầu biếng ăn, nổi lờ đờ, khoảng 10 - 15 ngày sau thì chết hàng loạt.
Nguyên nhân:
- Do đầu tư nuôi tràn lan thiếu quy hoạch.
- Thả con giống chưa đủ kích cỡ.
- Môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm do lượng vật chất hữu cơ có sẵn trong nước cộng với thức ăn thừa.

HỎI: Tôi muốn làm 1 trang trại chăn nuôi bò thịt thì tôi phải nuôi giống bò nào cho năng suất cao và phải mua giống cỏ trồng cho bò ăn ở đâu, kỹ thuật nuôi, cách chăm sóc, chuồng trại như thế nào? (Nguyễn Hữu Hoàng- Xóm Mới, Thạch Bình, TX Hà Tĩnh)

ĐÁP: 1. Giống bò cho năng suất cao để chăn nuôi

- Giống bò nội:

Bò Việt Nam nguồn gốc từ bò Bostaurus, nhánh bò Châu Á, có u như bò Zebu Ấn Độ, hầu hết màu vàng, vàng nhạt hoặc vàng đậm, nên có tên chung là bò vàng Việt Nam, phân bố tập trung từ Thanh Hoá dọc theo Quốc lộ 1A đến miền đông Nam Bộ. Giống bò này đang dần được cải tạo để nâng cao khả năng sản xuất thịt.

- Giống bò ngoại:

Bò Bêru: Việt Nam có nhập các giống Sin, Sahival, Ongol, Brahman để cải tạo, nâng cao tầm vóc, khối lượng và khả năng sản xuất đàn bò vàng Việt nam, nhất là bò Sin và Sahival.

- Giống lai:

Bò lai Sin: lai giữa bò vàng Việt Nam với bò đực Sin Ấn độ.

2. Mua cỏ

Bạn có thể liên hệ trực tiếp với trung tâm khuyến nông Tỉnh Hà Tĩnh hoặc địa phương bạn để được cung cấp cỏ nuôi bò.

3. Kỹ thuật chăn nuôi bò, cách chăm sóc.

Điểm mấu chốt trong kỹ thuật nuôi bò thịt là nuôi bê từ sơ sinh đến 15- 18 tháng tuổi đạt khối lượng thịt giết mổ với tỷ lệ thịt xẻ cao.

Kỹ thuật nuôi bò thịt gồm 2 công đoạn:

3.1 Kỹ thuật nuôi bò cái sinh sản:

- Nuôi bò cái sinh sản lấy thịt muốn có năng suất cao, bò mẹ phải phối giống có chửa sau khi đẻ 2-3 tháng, cần đảm bảo về chế độ dinh dưỡng trong thời kỳ có thai. Trong thức ăn xanh, ngoài lượng cỏ tươi, lá su hào, cải bắp còn cần cỏ khô, cỏ ủ chua và rỉ đường, củ quả có khoai , sắn, bí ngô, thức ăn nhiều nước có bã rượu, bã bia và bổ sung thức ăn tinh.
- Cho bê con uống sữa trực tiếp từ mẹ

3.2 Kỹ thuật nuôi bê từ sơ sinh đến 21- 24 tháng tuổi giết thịt

- Xác nhận thời gian nuôi và khối lượng thịt:
Tất cả các giống bò đều có thể nuôi đến 21- 24 tháng tuổi trong đó có 3 tháng vỗ béo để đạt được khối lượng giết thịt.
- Kỹ thuật nuôi dưỡng:
+ Giai đoạn bú sữa mẹ: Từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi.
+ Giai đoạn nuôi thịt: từ cai sữa đến 21 tháng tuổi, vỗ béo đến 24 tháng tuổi- tháng kết thúc giết thịt.
Từ 7- 12 tháng: cần đảm bảo số lượng và chất lượng thức ăn để chúng không bị còi cọc, bệnh

tật ảnh hưởng đến giai đoạn sau. Thức ăn gồm: cám gạo, bột ngô, bột sắn ,cá.
Từ 13- 21 tháng: thức ăn chủ yếu là thô xanh và sử dụng thức ăn ủ chua, phế phụ phẩm khác như: khô dầu, rỉ mật.
3 tháng còn lại tập trung vỗ béo: thức ăn tinh 30%, tinh hỗn hợp, rỉ đường 0,75- 1,2kg.

4. Chuồng trại:
- Chuồng nuôi nên hướng về phía nam hoặc đông nam có đủ ánh sang, khô ráo và sạch sẽ. Nền chuồng, máng ăn, máng uống làm bằng xi măng. Cột làm bằng gỗ, tường đóng dóng tre và lợp mái cỏ gianh, lá cọ.
- Làm chuồng một dãy và có thể nhốt nhiều con cùng lứa tuổi.
- Máng thức ăn làm bằng xi măng có lỗ thoát nước.
- Nền chuồng hơi dốc về phía rãnh nước nằm sát tường sau chuồng dẫn đến hố ủ phân. Có thể xây bể giogas ủ phân lấy khí đốt thắp sang và đun nấu trong gia đình.
- Nên có một gian riêng dự trữ thức ăn
- Nếu có đất rộng nên làm sân chơi cho bò vận động.

HỎI: Cách tạo ra 1 máy ấp trứng đơn giản và dễ làm nhất. (Nông Đức Thuần- 28 phố Hoà Nam, Quảng Uyên, Cao Bằng)

ĐÁP: Để tạo ra một máy ấp trứng phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Bảo đảm nhiệt độ thích hợp (37-380C) và tương đối ổn định theo từng giai đoạn của mỗi đợt ấp;
- Bảo đảm độ ẩm thích hợp (50-80%) và tương đối ổn định theo từng giai đoạn của mỗi đợt ấp;
- Bảo đảm thông gió thoáng khí nơi tủ ấp;
- Bảo đảm đảo trứng thường xuyên (1-3 h 1lần).

Nguyên lý cấu tạo chung của một máy ấp trứng bao gồm:

1. Thùng máy và giàn khay trứng
- Thùng máy thường có dạng hình hộp bằng gỗ và có thể bọc tôn, nhôm ngoài mặt, đáy để tăng cứng vững; có cửa lớn phía trước để đưa trứng vào ra, có cửa kính để quan sát trong máy, nhiệt kế, ẩm kế; có cửa sổ phía sau để mở và chăm sóc máy bên trong ... Ngoài ra còn có cửa thoát gió, thoát khí thải trong máy.
- Giàn là một bộ khung, thường bằng kim loại, để đặt các khay trứng, có thể xoay nghiêng bên phải, bên trái để đảo trứng. Giàn thường có 2 kiểu: giàn trống và giàn tầng.
- Khay xếp trứng ấp (Khay ấp) thường hình chữ nhật, bằng gỗ, kim loại hoặc nhựa có những thanh ngăn giữ trứng. Khe giữa các thanh có thể thay đổi rộng hẹp để phù hợp kích thước to nhỏ của các loại trứng.
- Khay xếp trứng nở (Khay nở) cũng hình chữ nhật, có đáy bằng lưới thép (lỗ vuông hoặc tròn). Khi tới ngày nở, khay nở được đặt lồng dưới các khay ấp, để con nào nở sẽ tụt xuống khay nở, hoặc được chuyền các trứng từ khay ấp sang khay nở để đưa ra máy nở. Khi đảo trứng, các khay ấp sẽ nghiêng cùng với khung giàn một góc 45-470 so với mặt ngang, lần lượt theo 2 phía đối xứng.

2. Bộ tạo nhiệt và bộ điều nhiệt

Bộ tạo nhiệt làm việc theo các nguyên lý sau:
- Bằng nước nóng: nước đun ngoài đổ vào bình tạo nhiệt đặt trong máy, phía trên.
- Nước nóng đun bằng đèn dầu: nước nóng lưu thông theo ống dẫn trong máy bằng cách đối lưu để cấp nhiệt cho trứng.
- Bằng điện: dùng các dây điện trở đốt nóng, khi có dòng điện qua sẽ toả nhiệt cho máy.
Bộ điều nhiệt thường gồm một bộ cảm biến nhiệt đặt trong máy, tác động vào bộ đóng ngắt mạch điện cung cấp cho dây điện trở tạo nhiệt.
Ở máy ấp trứng bằng nước nóng, đun đèn dầu thường dùng bộ cảm biến nhiệt kiểu bầu ête để tác động vào bộ phận đóng mở ống khói nóng của đèn dầu đun nước, nhờ đó mà tự động điều nhiệt được.

3. Bộ tạo ẩm và bộ điều ẩm

Làm việc theo nguyên lý sau:
- Dẫn nước hay đổ nước vào máng tạo ẩm đặt trong máy để nước bốc hơi tạo ẩm. Cách này thủ công, đơn giản, không đảm bảo tốt yêu cầu độ ẩm ổn định, khó điều ẩm tốt được.
- Vung nước qua cánh quạt trong máy, nước từ bình chứa đặt cao hay từ mạng ống cung cấp chung của trại, qua van nước, ống dẫn vào bầu, để rồi theo ống dẫn hàn dọc các cánh quạt gió

mà vung ra xung quanh, xuyên qua các lỗ nhỏ của vành lưới thép bao xung quanh, sẽ tạo thành lớp sương mù gây ẩm trong máy.
- Bộ điều ẩm thường gồm một bộ cảm biến ẩm đặt trong máy để tác động vào bộ phận ngắt van nước để đóng ngắt dòng chảy vào máy, khi độ ẩm thấp hay cao quá mức qui định.

4. Bộ thông gió và bộ điều gió

Bộ thông gió ở các máy ấp trứng đều là quạt hướng trục, lắp ở giữa thành sau bên trong máy. Cửa hút gió được bố trí gần trục quạt có nắp điều gió, điều chỉnh độ mở bằng tay. Cửa thoát gió thường bố trí trên nóc máy hay ở thành trước máy, có nắp điều gió, đóng mở bằng tay.

5. Bộ đảo trứng

Bao gồm có các nguyên lý làm việc sau:
- Dây kéo: dùng ở một số máy ấp trứng cỡ nhỏ, trong đó khay trứng có các đũa tròn xoay được, quấn một dây chung sao cho khi đảo, ta kéo một đầu dây thì các đũa xoay đủ để trứng xoay theo một góc nào đó.
- Tay quay: dùng ở máy ấp trứng có giàn trống, dùng tay quay trống nghiêng một góc 45-470 (so với mặt nằm ngang) lần lượt cả hai phía theo từng thời gian qui định.
- Động cơ điện quay: dùng cho mọi kiểu giàn trứng, thường gồm động cơ điện, bộ giảm tốc, bộ truyền động và cụm tiếp điểm cuối.

6. Bộ điều khiển và báo hiệu

Thường bao gồm: những bộ khởi động từ, những cụm tiếp điểm tổng, những rơle điện từ, cầu chì, nút bấm, cụm đầu nối điện, chuông đèn báo hiệu.

7. Bộ phận phụ trợ

Máy ấp trứng còn có những bộ phận phụ trợ như: giàn chuyển trứng, bộ bánh xe chuyển giàn trứng, bàn chuyển trứng, thang, dụng cụ soi trứng.

Trên đây là toàn bộ nguyên lý cấu tạo chung của các bộ phân của máy ấp trứng. Tuỳ theo điều kiện của gia đình cũng như địa phương bạn mà lựa chọn loại thiết bị cũng như công suất để lắp đặt một chiếc máy ấp trứng cho phù hợp.
Chúc bạn thành công!

HỎI: Tôi đang lập kế hoạch xây dựng trại nuôi thỏ nhưng tôi chưa biết mua thiết bị cho thỏ uống nước ở đâu. Vậy tôi có thể liên hệ nhà
cung cấp ở đâu cả khu vực phía Bắc và phía Nam. (Lưu Văn Trung)

ĐÁP: Dụng cụ này rất đơn giản và dễ làm, vì vậy ban có thể tự thiết kế dụng cụ cho thỏ uống nước theo nội dung sau:

Dụng cụ cho thỏ uống nước có thể làm bằng sành, sứ hoặc đổ xi măng hình chậu cao 8- 10cm, miệng rộng 10- 15cm để thỏ không dẫm chân vào và không lật đổ được. Để giữ vệ sinh được nước uống, có thể làm van nước bằng ống kim loại hoặc thuỷ tinh dày cắm vào nút chai, nút can dốc ngược, có giá giữ vào thành lồng để thỏ hút liếm được nước. Hoặc làm khay nước có chai chứa nước dốc ngược.

HỎI: Xin cho con hỏi con muốn nuôi heo khoảng 10 heo nái va 50 heo thịt thì các bước phải làm như thế nào? và các cách nuôi như thế nào để đạt năng suất cao? (Nguyễn Quốc Phong- Ấp 7 xã Mỹ Thành Nam huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang)

ĐÁP: I. Các bước cần làm khi nuôi 10 heo nái và 50 heo thịt

Khi chuẩn bị nuôi heo cần quan tâm đến các vấn đề sau:

1. Chuẩn bị về chuồng trại
2. Tìm hiểu về chọn lọc giống
Cụ thể:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

1. Chuồng trại
1.1 Tường: đảm bảo các yêu cầu sau:
- Phải kiên cố
- Phải đảm bảo sự thông thoáng tự nhiên
- Phải rẻ tiền không quá đắt
- Không quá cao
- Xây tường phải có móng
1.2 Nền: là phần chịu đựng sức nặng của vật nuôi và cũng là nơi giữ thân nhiệt của thú khi chúng ngủ. Nền chuồng phải kiên cố để tránh hư hỏng gây đọng nước, đọng phân nước tiểu... tạo môi trường cho mầm bệnh phát triển. Nền có độ dốc 2- 3% để dồn nước rửa.Nền không được trơn tuột.
1.3 Hành lang:
- Hành lang không được đọng nước ẩm thấp trơn tuột
- Hành lang phải đủ rộng, không quá hẹp
- Hành lang phải có hướng thoát nước tập trung
- Hành lang giữa không nên làm đường mương quá to, sâu.
- Hành lang cần phải phẳng phiu
- Giữa các dẫy chuồng cần quy hoạch kỹ hệ thống đường đi giữa các dẫy chuồng.
1.4 Đường mương
Cần có quy hoạch hệ thống đường mương thoát nước cho từng dãy chuồng, từng khu trại và toàn trại để tập trung nước thải về một khu vực, từ đó lọc lắng, tẩy uế trước khi thải ra môi trường bên ngoài.
1.5 Lỗ thoát nước từ nền chuồng xuống đường mương
Nên làm nhiều lỗ thoát nước với bề rộng 10- 15 cm, cao 2- 4 cm. Nếu làm 1 lỗ thì phải có độ dốc từ các chiều đổ về lỗ thoát nước, tránh đọng nước.
1.6 Lỗ thoát nước ở máng ăn, máng uống
Lòng máng phải có độ dốc để nước dồn về lỗ và thoát đi dễ dàng.
1.7 Cửa chuồng
Mỗi ô chuồng cần phải có 1 cửa chuồng. Cửa ra vào ngăn chuồng có bề cao bằng với tường vách và rộng tối thiểu là 60cm. Cửa cao hơn mặt nền 1- 2cm.
1.8 Máng ăn
Máng có thể làm bằng nhiều chất liệu như: gỗ, xi măng đúc rời, máng cố định vào tường và nền, lốp xe ô tô phế thải
1.9 Máng uống
Có thể làm tương tự như máng ăn, hoặc lắp đặt các núm uống tự động.
1.10 Bể chứa nước
Nếu phải trữ một khối lượng nước lớn cũng không nên xây bể quá lớn. Nên xây bể nổi trên mặt đất với các lỗ thoát nước cho dễ cọ rửa và thải bỏ cặn bã.
1.11 Bể gạn nước thải
Nước thải từ chuồng heo thường chứa nhiều cặn bã do đó cần bố trí gạn để giữ lại tối đa cặn bã, phần nước thoát đi không còn vẩn đục, ít ô nhiễm.
1.12 Mái chuồng (nóc chuồng)
Có thể thiết kế theo nhiều kiểu
- Kiểu một mái
- Kiểu mái lở (mái nhỡ)
- Kiểu 2 mái
- Kiểu nóc đôi
- Kiểu 2 mái có lỗ thông hơi
- Kiểu một mái liên kế
Vật liệu lợp chuồng
- Chuồng mái lá
- Chuồng lợp mái dầu
- Chuồng lợp tôle tráng kẽm
- Chuồng lợp tôle Fibrocement

2. Chọn lọc giống

2.1 Chọn heo nuôi thịt
a. Chọn từng con
Chọn con tốt để nuôi còn con xấu chọn riêng để có biện pháp chăn nuôi thích hợp.
b. Chọn theo dòng họ
Những heo bố mẹ có nhiều đặc tính tốt thường di truyền lại cho đời sau
c.Chọn theo trọng lượng cơ thể
Những con heo mới sinh có trọng lượng sơ sinh cao hơn thì sẽ sinh trưởng nhanh chóng hơn, đồng thời tỉ lệ sống của chúng cũng cao hơn.
d.Chọn theo hình thái.
Về phương diện hình thái nên chọn những điểm sau:

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

- gáy và vai nở
- Mông rộng, dài
- Mình dài
- Lưng bằng phẳng và rộng
- Ngực sâu và rộng, bả vai dài, nở nang
- Bộ vó vững và gọn
- Bắp đùi to
g. Chọn theo sức khoẻ
Biểu hiện sức khoẻ tốt là: đi lại nhanh nhẹn, mắt sang, sạch, mí mắt hồng hào, da lông bong mượt, ... tiêu hoá bình thường , phân to, không cứng, không lỏng, hậu môn sạch sẽ, không dính phân.
h.Chọn theo tính tình: như hay ăn, không kén chọn thức ăn, xốc mạnh.
2.2 Chọn heo nái
Chọn heo nái cần chú ý các đặc điểm sau:
- Sức khoẻ tốt: biểu hiện ở dáng đi nhanh nhẹn, da và lông bong mượt,mịn, mắt sang, niêm mạc mí mắt ửng hồng, đuôi ngoe ngoảy đều đặn... Những heo này không được chọn từ những bày, đàn mắc bệnh truyền nhiễm.
- Chọn những con có tính tình hiền hoà
- Sự sinh trưởng: chọn những con có sức lớn trội hơn những con cùng đàn, đồng thời dựa vào chất lượng của các thế hệ bố mẹ
- Phẩm chất sinh sản
Heo nái là loài thú sinh sản sớm, mắn đẻ và đẻ nhiều: lứa đầu 8- 10 con, lứa sau 9- 11 con. Thường nái nào đẻ nhiều con lứa đầu thì ở lứa kế tiếp đẻ nhiều con và ngược lại. Mặt khác con nái tốt còn phải có khả năng tiết sữa nhiều và nuôi con khéo. Nếu lúc đẻ bầy mà mỗi lần chỉ 4-5 con thi không nên giữ lại cho sinh sản.

II. Cách chăm sóc và nuôi dưỡng đạt năng suất cao

1. Lợn thịt

***Có 2 cách nuôi lợn thịt**
- Cách 1: Nuôi từ lúc cai sữa đến khi đạt khối lượng giết thịt
- Cách 2: Nuôi từ lợn nhỏ 35- 50 kg, nuôi tiếp 2 tháng vỗ béo đạt mức tăng trọng cao và lượng giết thịt theo quy định.
*** Thức ăn**
Cần có tiêu chuẩn về khẩu phần ăn của lợn, gồm gạo, ngô, sắn, tấm ... và phối hợp khẩu phần ăn phù hợp nhất.

Tháng
tuổi

Lượng
thức ăn(kg/con/ngày)

Khối
lượng lợn (kg)

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

2-3

0,5-0,6

1-1,2

1,2-1,5

10

20

30

3-5

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

40

50

1,6-1,7

1,8-2,0

5-7

60-80

80-100

2,1-2,3

3,0-3,5

Cho lợn ăn thức ăn sống, kể cả rau xanh
Cho lợn ăn đều bữa và đúng giờ
Cung cấp đủ nước uống
*** Chỗ ở của lợn phải luôn sạch sẽ. Tập cho lợn ăn uống và nằm ở chỗ cao ráo, khô nhất của chuồng nuôi.**

2. Lợn nái

2.1 Lợn nái tơ, nái chửa
Nái chưa chửa ăn giảm hơn so với nái chửa, tăng cường cho thức ăn thô xanh thay cho thức ăn tinh. Mỗi ngày cho ăn 2 lần. Thức ăn tinh ăn trước, thức ăn thô xanh sau. Nếu có sân chơi thì thả cho lợn vận động.. Trước ngày lợn cai sữa lợn con cho ăn50- 70% khẩu phần, ngày cai sữa cho nhịn ăn, cách xa lợn con gần chuồng lợn đực.
Chú ý đến thời kỳ phối giống cho lợn
2.2 Lợn nái đẻ và nái nuôi con
a. Lợn nái đẻ
Từ 4- 7 ngày trước khi đẻ phải cho nái vào chuồng đẻ hoặc ổ đẻ để chăm sóc riêng.
Bình thường lợn chửa dao động từ 113- 117 ngày
Lợn đẻ con nào, nhặt ra lau sạch nhớt và bấm rốn lợn con. Lợn có răng nanh thì phải bấm răng nanh. Chú ý xem lợn mẹ có sót nhau thì phải can thiệp.
b. Lợn nái nuôi con
Lợn nái đẻ xong cho uống nước ấm có pha ít muối.
Tháng đầu của nái nuôi con phải giữ ổ ấm, khô.
Lợn con đẻ phải được bú sữa đầu từ mẹ
Lợn nái nuôi con cần được ăn tự do và đủ chất.

HỎI: Xin vui lòng cho biết về nơi cung cấp ếch giống. Ngoài công ty Lý Thanh Sắc (ở Hà Tỉnh), còn có công ty nào hoặc cơ sở nào cung cấp giống ếch?

ĐÁP: Bạn có thể đăng ký mua ếch giống của Công ty TNHH Long Đỉnh, J4-J6 Đường CN 11 - Khu Phụ trợ nhà ở KCN Tân Bình, Q. Tân Phú - ĐT : 8163554 - 8163614 - Fax : 8163554. Hoặc đăng ký mua tại website http://www.longdinh.biz

HỎI: Xin vui lòng tư vấn cho tôi biết mô hình chuồng trại chăn nuôi heo vệ sinh. Hiện nay chuồng trại của tôi xây nền xi măng, một ngày tôi dội rửa chuồng hai lần, nhưng vẫn bốc mùi hôi. Chỉ cho tôi cách xử lý nước thải và phân. (Phạm văn Phước- Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang)

ĐÁP: I/ Mô hình chuồng trại chăn nuôi heo vệ sinh

1.Nền chuồng

Chuồng cao hơn mặt đất khoảng 20 cm, không đọng nước, có độ nghiêng 2-3% về phía có rãnh thoát nước. Nền không láng, tránh trơn tuột, lợn nái dễ sảy thai, lợn con bị què, sai khớp. Chuồng nền gạch hay xi măng cần chống lạnh bằng lót rơm.

Lợn nái nuôi con có thể làm sàn gỗ đủ mẹ nặm và cho con bú, diện tích chiếm 1/4- 1/3 nền chuồng.

2.Sân chơi

Cần có sân chơi cho lợn vận động. Diện tích sân chơi rộng gấp 4- 5 lần ô chuồng nuôi. Sân chơi thường để cỏ. Sân diện tích nhỏ cần láng nền, tránh lợn còn đào, dũi và có trồng cây làm bóng mát.

3.Rãnh thoát nước tiểu, nước rửa chuồng

Rãnh quanh chuồng rộng 25- 30cm, sâu theo độ dốc từ 10- 15cm. Cần có hố nhỏ ở đầu mỗi chuồng, mỗi cạnh rộng 40cm, sâu 50cm để phân lắng và dọn hàng tuần.

Chuồng 2 dãy cần 4 rãnh: 2 rãnh nhỏ ở bên trong hành lang chuồng để thoát nước. Kích thước: 10cm, chiều rộng và 8- 10cm chiều sâu.

4.Hố ủ phân

Nuôi lợn quy mô 5- 10 lợn nái hoặc 20- 30 lợn thịt cần phải có hố ủ phân riêng, nước thải riêng tăng nguồn phân bón cho cây trồng và tránh ô nhiễm môi trường. Phân còn được sử dụng làm bếp khí biogas để thắp sáng, đun nấu trong gia đình. Số lượng phân, nước tiểu ở các loại lợn.

Lợn cái loại 20-50 kg cho 1-2 kg phân và 1- 1,5 lít nước tiểu/ ngày.

Lợn nái tơ 50- 90 kg cho 5- 8 kg phân và 2- 4 lít nước tiểu/ ngày.

Nái nuôi con cho 10- 15kg phân cả độn và 5-7 lít nước tiểu/ ngày. Thể tích hố ủ phân tính theo số lượng phân có hàng ngày của đàn lợn nuôi.

5.Tường cách ngăn các ô

Tường ngăn các ô cao 1- 1.2m, vách trước và sau có cửa ra vào để quét dọn và thả lợn ra sân chơi. Cần có phên trên vách để tránh mưa hắt nắng nóng, riêng đối với lợn con còn bú sữa, để tránh gió lùa, cửa ô chuồng bằng gỗ phải chắc, tốt nhất nên làm cửa sắt bằng song loại 10 ly.

6.Máng ăn

Bằng gỗ

Máng tôn: có 10 cm cho lợn con còn bú mẹ

Máng xây: cho lợn ăn tập trung và cho lợn choai.

II/ Cách xử lý nước thải và phân

*** Nhu cầu thoát nước hết sức quan trọng, cần có quy hoạch kỹ từ đầu hệ thống đường mương thoát nước cho từng dãy chuồng, từng khu trại và toàn trại để tập trung nước thải về một khu vực và từ đó lọc lắng tẩy uế trước khi thải ra ngoài. Đường mương không được quy hoạch trước, dễ sảy ra tình trạng nước thải hay đọng ở một số khu vực gây dơ bẩn, tốn nhiều công nạo vét mà ảnh hưởng đến sức khỏe thú nuôi. Khi có quy hoạch trước, lúc đổ đất san mặt bằng cần tạo độ dốc thoát nước. Nếu độ dốc vừa phải nước không thoát nhanh thì cần làm một số hầm gạn nhỏ để lắng cặn và phải thường xuyên vét cặn để gom về nhà phân.**

Đường mương không nên quá rộng hoặc qúa sâu. Vật liệu làm đường mương phải chắc chắn dùng gạch ống, gạch non để xây. Bề rộng đường mương giữa các ô chuồng trung bình là 20- 30cm cần có nắp đậy, giữa các khu trại là 40- 50 cm và cần có nắp đậy. Các hố gạn phải có nắn đậy vì hố rộng và sâu.

Nên làm nhiều lỗ thoát nước từ chuồng đến đường mương.

*** Nước thải từ chuồng heo thường chứa nhiều cặn bã của thức ăn, phân thú, do đó cần bố trí bể gạn để giữ lại tối đa cặn bã, phần nước thoát đi không còn vẩn đục, ít ô nhiễm môi trường xung quanh.**

Thể tích bể được tính toán theo lưu lượng nước thải trong giờ cao điểm tắm rửa chuồng. Độ sâu của bể gạn không nên quá 1.5m (vì sâu qúa khó vớt cặn bã) cho nên muốn tăng thể tích chứa thường tăng bề dài của bể hơn là bề rộng, hoặc bề sâu.

HỎI: Xin vui lòng tư vấn giúp em kỹ thuật nuôi, chăm sóc Đà điểu? (Nguyễn Thế Vỹ- TP HCM)

ĐÁP: 1. Nuôi đà điểu con: Đây là giai đoạn rất quan trọng, quyết định đến kết quả nuôi tốt

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

hay xấu ở các tháng trôi sau:

Chuồng nuôi: nên chọn hướng có ánh nắng mặt trời, thoát nước tốt, mặt bằng cao ráo. Khu vực xung quanh yên tĩnh, tránh tiếng ồn. Chuồng nuôi thông thoáng nhưng phải giữ được ấm và có sân chơi có diện tích rộng, chiều dài ít nhất là 50m để đà điểu chạy múa không bị cản trở. Sân chơi tốt nhất là thảm cỏ hoặc đất nện được nhặt sạch không có các dị vật 1 -2 tuần đầu chuồng nuôi úm được lót bằng rơm hoặc trải thảm mềm để đà điểu đi lại vững chắc và giữ ấm phần bụng. Sang tuần 3 trở đi dùng trấu, phải bào, cát khô. Vì chức năng chạy cua đà điểu rất quan trọng, nếu nhốt ở nền cứng, trơn sẽ làm chân biến dạng, trật khớp dẫn đến hao hụt cao.

Nhiệt độ, ánh sáng: 24 giờ sau nở, đà điểu được đưa vào quây úm, lúc này bộ lông chưa đầy đủ, điều hoà thân nhiệt kém nên phải giữ nhiệt cho đà điểu con. Lúc này trong bụng đà điểu con còn tích khối noãn hoàng lớn, dễ bị lạnh khi nhiệt độ thấp hoặc chất độn chuồng không đủ dày, dẫn đến xơ cứng không tiêu hóa được, nên chúng dễ bị viêm nhiễm - đây là nguyên nhân chính gây chết trong những tuần đầu. Từ 1tháng tuổi luyện cho đà điểu thích ứng dần với điều kiện ngoại cảnh. Khi úm, phải luôn quan sát phản ứng của đà điểu với nhiệt độ. Nêu nhiều con cùng tránh xa khu vực lò sưởi (đèn) hay há miệng thở, cần giảm nhiệt độ xuống, ngược lại có nhiều con tập trung gần nơi phát nhiệt (những con ngoài rìa run run) đó là nhiệt độ bị thấp, cần phải tăng nhiệt lên. Để dễ quan sát và chăm sóc đà điểu con được đồng đều thì từ sơ sinh đến 1 tháng tuổi nên bố trí 20-25con/quây úm ánh sáng, cùng với sự vận động phải phù hợp để kích thích đà điêu con ăn nhiều, tiêu hóa tốt, giảm bệnh tật, tăng trưởng nhanh. Nếu khí hậu tốt, ánh sáng đầy đủ thì 20 ngày tuổi có thể cho đà điểu con ra sân chơi để vận động và tắm nắng. Thời gian thả tăng theo từng ngày. 1 tháng tuổi trở ra thả tự do cho chúng vận động, nhưng phải đưa vào chuồng ngay khi thời tiết xấu, trời mưa. Ban đêm duy trì ánh sáng với cường độ 3W/m2 để chúng dễ dàng ăn uống.

Chăm sóc: đà điểu 1-2 ngày tuổi thường ngủ dưới bóng đèn sưởi. Từ ngày thứ 3 trở đi mới bắt đầu mô thức ăn, nếu không để sãn thức ăn, rau xanh thái nhỏ thì chúng sẽ ăn bất cứ vật gì nhặt được và dẫn đến tắc ruột chết. Từ 1-30 ngày tuổi cho ăn 6 lần/ngày. Từ 31 -60 ngày tuổi cho ăn 4 lần/ngày. Từ 61-90 ngày tuổi cho ăn 2-3 lần/ngày.

Cách cho ăn: có thể dùng riêng máng đựng thức ăn tinh và rau qủa xanh. Trong những tuần đầu có thể trộn rau non thái nhỏ với thức ăn tinh để đà điểu ăn.

2. Nuôi đà điểu thịt: Sau 3 tháng tuôi, chuyển điểu sang nuôi thịt.

Chuồng nuôi: đà điểu thích chạy nên sân chơi phải có diện tích rộng (dài 80-100M), nền sân phải có thảm cỏ và có chỗ rải cát, vì đà điểu sống ở sa mạc, thường xuyên tắm cát làm sạch cơ thế và loại bỏ các loại ký sinh trùng ngoài da. Giai đoạn này đà điểu hầu như ngoài , vì vậy sân chơi với chú rất quan trọng. .

Chế độ ăn: đà điểu có hệ sinh vật ở màng tràng phát triển giúp tiêu hóa thức ăn khô, xơ thô tới 60%, nên thường xuyên bổ sung rau, cỏ xanh tự do hoặc băm 3-4cm để dễ ăn cho máng riêng hoặc để lên trên thức ăn tinh. Đà điểu thương phẩm cho ăn nhiều tăng trưởng nhanh có thể giết thịt từ 10 tháng tuổi.

Khẩu phần ăn cho đà thịt tăng theo tháng tuổi và trọng lượng cơ thể. Từ 2-6-9 tháng tuổi, cơ thể đạt 12-60-90kg, thức ăn từ 500 - 1.655 - 2.000 g//ngày. Thành phần dinh dưỡng: tăng lượng cỏ., ngũ cốc theo tháng tuổi và giảm lượng đạm, protein, Ca, P, Lizin... đạt 1 0 tháng tuổi. Việc sử dụng quá nhiều xơ trong khẩu phần thời kỳ này dễ làm giảm chuyển hoá thức ăn, làm chế việc hấp thụ thức ăn tinh các chất dinh dưỡng, dẫn tăng trọng thấp.

Máng ăn, uổng: đà điểu phát triển to lớn vì vậy phải sử dụng máng ăn bằng gô với kích thước 0,3 x 0,25 x 0,1m. Máng ăn. cố định ở độ cạo 0,7-0,8m để đà điểu không giẫm đạp lên và ăn uống dễ dàng. Đảm bảo 4-5 con/máng ăn. Dùng bồn cao su đựng nước uống và dùng nước sạch, lượng đủ để đà điểu uống tự do. Mỗi ngày thay nước và rửa sạch máng 1 lần, duy trì nước mát, tránh dùng nước dưới ánh mặt trời.

3. Nuôi đà điểu sinh sản:

Giai đoạn hậu bị: Giai đoạn nuôi dò từ 4-12 tháng tuổi chăm sóc như nuôi thịt. Giai đoạn nuôi hậu bị từ 13-20 tháng tuổi cho đà điểu vận động nhiều, lượng thức ăn giảm, từ tháng 11 -14, lượng thức ăn tinh 1,2-1,5kg/con/ngày, thức ăn xanh 1,5kg/con/ngày; từ 15-24 tháng tuổi cho ăn 1,2 -1,5kg/con/ngày lượng thức ăn tinh, tự do chăn thả ăn thức ăn

xanh.

Nuôi đà điểu phải cân định kỳ trọng lượng đế kiểm soát sự tăng trưởng. Đối với những con phát triển chậm hay tăng trưởng quá nhanh thì có biên pháp tăng cường hay hạn chế, bằng cách điều chỉnh khẩu phần và định mức cho ăn. Khi đà điểu còn nhỏ, tuyệt đối không được cầm vào cổ mà phải đưa tay luồn xuống bụng nâng lên. Đà điểu trưởng thành khi bắt cân 2-3 người, một người dùng móc sắt choàng vào cổ ấn xuống, những người khác nhanh chóng giữ chặt cánh và lông đuôi hai bên. Khi kiểm tra hoặc di chuyển phải có vải che mặt đà điểu để chúng không hoảng loạn. Lưu ý những người bắt phải đi ủng cao su để đà điểu tránh giẫm phải. Từ 4-24 tháng tuổi cần chú ý tạo môi trường cho đà điểu vận động, thường xuyên kiểm soát mức độ tăng trưởng để điều chỉnh chế độ dinh dưỡng. Đà điểu khoẻ mạnh có đôi chân vững chắc, lông óng mượt và óng ả. Từ 1 2 tháng tuổi trở đi màu sắc lông con trống và con mái sẽ khác biệt. Con trống lông đen mượt, chân và mỏ chuyển màu đỏ tươi là biểu hiện sức khoẻ tốt. Con mái lông mượt, nhìn săn chắc, gờ lưng có rãnh là có thể trạng béo tốt.

Giai đoạn sinh sản: đà điểu thành thục lúc 25 tháng tuổi. Con mái thành thục sớm hơn con trống nửa năm. Nên ghép trống già hơn mái từ 6 tháng đến 1 năm tuổi ở lứa đầu. Trước 12 tháng tuổi, đà điểu khó phân biệt trống mái. Từ 12 tháng tuổi, con trống có dáng cao lớn, lông đuôi đen và 2 bên cánh có lông vũ màu trắng chân và mỏ chuyển màu đỏ. Con mái kích thước nhỏ hơn, lông màu xám, tính hiền lành hơn.

Chuồng nuôi: chuồng cho đà điểu đẻ gồm chuồng có mái che kích thước 3x5m, trong đổ cát để đà điểu có thể vào đẻ; sân chơi có chiều rông 8m, dài 80-100M. Mỗi ô chuồng ghép 1 trống với 2 mái haặc 2 trống 5 mái.

Chọn đực giống: chọn hình thể cân đối, cường tráng, tính ôn hoà, hoạt bát; đầu thanh tú; cổ thẳng; mắt lớn và linh hoạt; thể trạng không béo quá hoặc gầy quái hai ngón chân khoẻ mạnh, ngay ngắm cơ quan sinh dục phải lớn, dài, cong vé bên trái, chiều dài trung bình 25cm.

Ghép và phối giống: từ 18-20 tháng tuổi ghép đực với cái để chúng quen nhau. Sự phối giống thường diễn ra vào buổi sáng từ 6-9 giờ và chiều từ 14-16 giờ, ít khi diễn ra vào buổi tối. Con trống tốt có thể phối 10-12 lần/ngày.

Dinh dưỡng: đóng vai trò quan trọng đôi với năng suất trứng, tỉ lệ phôi và ấp nở Khẩu phần: protein 1 6-1 6,5%; năng lượng ME: 2.600-2.650kcal; Lizin 1 ,1%; Methionin 0,4-0,45%; Canxi 2,8-3%; Photpho 0,45-0,48%; Vitamin A:16.000UI; Vitamin D 3.700UI; Vitamin E 58,5UI. Định lượng cho ăn 1,6-1,8kg/con/ngày, tùy thời điểm đầu vụ hay lúc đẻ rộ. Thức ăn xanh gôm cỏ Ghinê, cỏ voi, các loại rau khác. Nên thả đà điểu ở bãi cỏ xanh để chúng tự nhặt cỏ tươi. Đà điểu sinh sản cần uống nhiều nước, nước phải mát, phải sạch, mỗi ngày thay nước 1 lần.

Mùa sinh sản: đà điểu đẻ từ tháng 11 năm trước đến tháng 8-9 năm sau và thường đẻ từ 2- 7 giờ tối, vì vậy phải theo dõi nhặt trứng, tránh để chúng giẫm vỡ. Đà điêu đẻ từng đợt từ 8-10 ngày thì nghỉ 7-1 0 ngày sau đó tiếp tục đẻ lại. Trứng có khối lượng từ 900-1.600g, chiều dài 16,5cm, chiều rộng 13cm, hình dạng trong, màu trắng ngà, vỏ bóng, dày 2mm. Sản lượng trứng từ 30-80quả/năm.

HỎI: Xin chỉ dẫn cách làm máng ăn và vòi uống nước tự động cho heo. Ở tp HCM thì tham khảo và mua thiết bị ở đâu? (Thuận - tranminhvnvn@yahoo.com)

ĐÁP: 1.Máng ăn tự động

Yêu cầu kỹ thuật của máng ăn tự động cho heo là có thể chứa đủ thức ăn cho cả ngày. Đồng thời chiều dài máng phải đảm bảo đủ cho mọi con vật đứng ăn không phải chen chúc. Chiều cao thành máng bảo đảm sao cho con vật đứng ăn thuận tiện và hạn chế thức ăn vung vãi ra ngoài. Máng ăn phải bền vững, chống gỉ, dễ chăm sóc, rửa vét thức ăn thừa.

Nguyên lý cấu tạo:

- Loại máng ăn tự động chứa thức ăn khô có dung tích 500 – 600 l. Khi lợn ăn phải lấy mõm lật nắp máng lên, nhờ có thanh khuấy đông ở nắp phía trong, sẽ tự khuấy cho thức

DOWNLOAD» AGRIVIET.COM

ăn khô xuống đều. Ở hai bên máng có thể có các tấm ngăn cho từng con. Khe hở để thức ăn chảy xuống máng có thể điều chỉnh được, đủ rộng, thức ăn sẽ xuống đều, tới khi lấp kín khe hở đó sẽ không tụt xuống nữa.

- Máng ăn tự động chứa thức ăn lỏng theo nguyên lý chân không. Máng gồm một thùng hình trụ (mặt cắt thường có hình quả lê) quay được quanh trục ngang, dung tích khoảng 1 m3. Thức ăn đổ đầy vào thùng, rồi dùng tay quay cho miệng thùng xuống dưới, nắp bật ra và thức ăn chảy xuống máng. Tới khi thức ăn bịt kín miệng, do bên trong thùng có độ chân không tạo nên sự cân bằng áp lực giữa mặt khối thức ăn bên trong thùng và bên ngoài máng, thức ăn không chảy xuống nữa. Khi heo ăn vơi, miệng thùng hở ra, không khí lọt dần vào thùng, giảm dần độ chân không, thức ăn lại tụt xuống dần.

2.Máng uống tự động:

Yêu cầu kỹ thuật của máng uống tự động cho heo là đảm bảo dung tích nước đủ cho heo uống, theo từng con hay từng nhóm, khi con vật cần uống lúc nào thì ở máng có ngay lúc đó. Đồng thời không bị làm bẩn nước uống. Máng uống cũng phải bền vững, tránh gỉ, dễ chăm sóc, rửa máng.

Nguyên lý cấu tạo: Máng uống tự động cho heo có hai chậu và giữa có cụm phao - van. Khi hai chậu cạn nước phao sẽ hạ xuống và van mở ra: nước chảy vào hai chậu. Mức nước cao dần sẽ nâng phao lên tới lúc van đóng lại, nước ngừng chảy. Máng có hai nắp bảo đảm cho nước đỡ bị bẩn, có lỗ thoát để rửa máng

Ở thành phố Hồ Chí Minh bạn có thể liên hệ với Trung tâm khuyến nông, thuộc sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP HCM để được tư vấn và hướng dẫn cụ thể.

Chúc bạn thành công!

GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU

Tài liệu bạn đang xem được download từ website

WWW.AGRIVIET.COM

WWW.MAUTHOIGIAN.ORG

»Agriviet.com là website chuyên đề về nông nghiệp nơi liên kết mọi thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chúng tôi thường xuyên tổng hợp tài liệu về tất cả các lĩnh vực có liên quan đến nông nghiệp để chia sẽ cùng tất cả mọi người. Nếu tài liệu bạn cần không tìm thấy trong website xin vui lòng gửi yêu cầu về ban biên tập website để chúng tôi cố gắng bổ sung trong thời gian sớm nhất.

»Chúng tôi xin chân thành cám ơn các bạn thành viên đã gửi tài liệu về cho chúng tôi. Thay lời cám ơn đến tác giả bằng cách chia sẽ lại những tài liệu mà bạn đang có cùng mọi người. Bạn có thể trực tiếp gửi tài liệu của bạn lên website hoặc gửi về cho chúng tôi theo địa chỉ email *Webmaster@Agriviet.Com*

Lưu ý: Mọi tài liệu, hình ảnh bạn download từ website đều thuộc bản quyền của tác giả, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất kỳ khía cạnh nào có liên quan đến nội dung của tập tài liệu này. Xin vui lòng ghi rỏ nguồn gốc "Agriviet.Com" nếu bạn phát hành lại thông tin từ website để tránh những rắc rối về sau.

Một số tài liệu do thành viên gửi về cho chúng tôi không ghi rỏ nguồn gốc tác giả, một số tài liệu có thể có nội dung không chính xác so với bản tài liệu gốc, vì vậy nếu bạn là tác giả của tập tài liệu này hãy liên hệ ngay với chúng tôi nếu có một trong các yêu cầu sau :

- Xóa bỏ tất cả tài liệu của bạn tại website Agriviet.com.
- Thêm thông tin về tác giả vào tài liệu
- Cập nhật mới nội dung tài liệu